



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

*“SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG XANH VÌ HÀNH TINH XANH”*



## I. NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

|                                         |                |                                                                                                |
|-----------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b> | <b>GRI 100</b> | <b>THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT</b>                                                            |
|                                         |                | <b>THÔNG TIN CƠ BẢN</b>                                                                        |
|                                         |                | <b>TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020</b>                                           |
|                                         |                | <b>TẦM NHÌN – SỨ MẠNG</b>                                                                      |
|                                         |                | <b>GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY</b>                                                                     |
|                                         |                | <b>CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK</b>                                                                 |
|                                         |                | <b>CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN</b>                                                        |
|                                         |                | <b>THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO</b>                                                                  |
|                                         |                | <b>GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH</b>                                              |
|                                         |                | <b>SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC</b>                                                                    |
|                                         |                | <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2018 – 2023</b>                                          |
|                                         |                | <b>VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>                                  |
|                                         |                | <b>HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT</b>                                                                      |
|                                         |                | <b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>                                                                           |
|                                         |                | <b>BAN KIỂM SOÁT</b>                                                                           |
|                                         |                | <b>NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>                           |
|                                         |                | <b>BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>                                                            |
|                                         |                | <b>CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY</b>                                                         |
|                                         |                | <b>NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>                                                 |
|                                         |                | <b>CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY</b>             |
|                                         |                | <b>NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHỌN CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>                                                 |
|                                         |                | <b>THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>                                                              |
|                                         |                | <b>GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>                                                               |
|                                         |                | <b>CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU</b>                                                                  |
|                                         |                | <b>DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU</b>                                                          |
|                                         |                | <b>ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2020-2025</b>            |
|                                         |                | <b>DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU</b>                                                           |
|                                         |                | <b>HỆ THỐNG THU THẬP THÔNG TIN VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b> |
|                                         |                | <b>ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA</b>                                                          |
| <b>HIỆU QUẢ KINH TẾ</b>                 | <b>GRI 200</b> | <b>HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 2020</b>                                                         |
|                                         |                | <b>SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG</b>                                                            |
|                                         |                | <b>TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP</b>                                                              |
| <b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>                | <b>GRI 300</b> | <b>VẬT LIỆU</b>                                                                                |
|                                         |                | <b>NĂNG LƯỢNG</b>                                                                              |
|                                         |                | <b>NGUỒN NƯỚC</b>                                                                              |
|                                         |                | <b>PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH</b>                                                                  |
|                                         |                | <b>PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM – TUÂN THỦ MÔI TRƯỜNG</b>                                               |
| <b>PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</b>                | <b>GRI 400</b> | <b>VIỆC LÀM</b>                                                                                |
|                                         |                | <b>AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP</b>                                                            |
|                                         |                | <b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>                                                                     |
|                                         |                | <b>CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</b>                                                                    |
|                                         |                | <b>AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG</b>                                                          |
|                                         |                | <b>VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG</b>                                                                 |
|                                         |                | <b>QUY CHUẨN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP</b>                                                          |

|  |  |  |                     |
|--|--|--|---------------------|
|  |  |  | THỊ TRƯỜNG VỐN XANH |
|  |  |  | BẢNG TUÂN THỦ GRI   |

#### GIẢI THƯỞNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG STK ĐẠT ĐƯỢC TRONG 2020



**CSI 100:** Top 15 doanh nghiệp PTBV trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam năm 2020, năm liên tục trong top 100 Doanh nghiệp PTBV của VN giai đoạn 2016-2020.



**ARA 2019 - 2020:** Top 10 doanh nghiệp có BCPTBV tốt nhất trong 4 năm liên tục từ 2017-2020, báo cáo PTBV đạt giải báo cáo tính tin cậy nhất 2020. Ngoài ra, báo cáo thường niên cũng đạt giải top 5 doanh nghiệp có báo cáo quản trị tốt nhất 2020.

## II. THÔNG điệp PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 102-14)



**(MD)**

Kính thưa quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm 2020 khép lại, đánh dấu chặng đường 20 năm hành trình phát triển, Sợi Thế Kỷ luôn kiên định theo đuổi mục tiêu chiến lược đề ra, xác định vấn đề môi trường - xã hội là trách nhiệm đi đôi với hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty.

Thông qua báo cáo phát triển bền vững năm 2020 của STK. Chúng tôi hy vọng báo cáo sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua cũng như chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Tình hình dịch bệnh và những khó khăn của thị trường năm 2020 đã ảnh hưởng rất nhiều đến ngành dệt may Việt Nam nói chung và STK nói riêng. Kết quả tổng kim ngạch xuất khẩu của dệt may trong nước 2020 ghi nhận 35,27 tỷ USD, giảm 9,29% so với năm 2019.

Sợi Thế Kỷ ghi nhận kết quả 1.765,7 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 20,8% và lợi nhuận sau thuế đạt 143,4 tỷ đồng, giảm 33,1% so với cùng kỳ, hoàn thành 109,9% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Mặc dù thị trường có yếu tố không thuận lợi như dịch bệnh, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, Trung Quốc bán phá giá, STK vẫn kiên định để duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng và thị trường, tích cực thúc đẩy việc tiêu thụ thêm các loại sợi có chất lượng và giá trị gia tăng cao, quản trị và duy trì tốt nguồn nhân lực, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nhận thức được những khó khăn và thách thức của tình hình kinh tế và dịch bệnh, Công ty tiếp tục giữ vững định hướng kinh doanh gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc sản xuất và tiêu thụ bền vững thông qua phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, STK đã thành công trong việc khai thác xu hướng sử dụng sợi tái chế của các thương hiệu thời trang quốc tế, nâng tỷ trọng dòng sản phẩm này trong tổng doanh thu từ 16,5% (2018), 35% (2019) và lên 44,7% (2020).

Chúng tôi tin rằng với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên cũng như sự ủng hộ mạnh mẽ từ quý cổ đông, cùng các bên liên quan, Công ty sẽ gặt hái được nhiều thành tựu phát triển bền vững và tiến xa hơn nữa trong thời gian tới.

**Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**

**Đặng Triệu Hòa**

### III. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ

Được thành lập vào năm 2000 dưới hình thức công ty TNHH, Century Corp chuyên sản xuất sợi tổng hợp (POY, FDY và DTY). Vào năm 2005, Công ty chuyển đổi thành công ty JointStock với mục đích huy động vốn để phát triển mở rộng, ngày 30/09/2015, Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã cổ phiếu STK. STK là một trong những nhà sản xuất sợi lớn nhất Việt Nam với công suất trên 60 nghìn tấn sợi hàng năm. Chiến lược phát triển là các sản phẩm cao cấp, đặc biệt là các sản phẩm thân thiện với môi trường có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn như sợi tái chế và sợi màu. Sau thời gian bị Thổ Nhĩ Kỳ áp thuế chống bán phá giá, STK đã thay đổi chiến lược thị trường sang thị trường Châu Á và Việt Nam. STK cân bằng tỷ trọng đóng góp doanh thu của thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa khoảng 50%: 50%. Về sản phẩm, sợi tái chế (được làm bằng chip polyester chai, từ chai nhựa cũ tái chế) là động lực chính của STK do tỷ suất lợi nhuận gộp cao, hơn nữa, nhu cầu lớn nhưng nguồn cung hạn chế. Mục tiêu đến năm 2025, STK sẽ tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 100% trong tổng doanh thu của các nhà máy hiện hữu.

Established as Limited company in 2000, Century Corp has specified in manufacturing synthetic yarn (POY, FDY and DTY). Company changed into JointStock company in 2005 with aiming to capital raising for development. On September 30th 2015, Company officially listed in Hochiminh Stock Exchange with STK ticker. STK is one of the largest yarn manufacturers in Vietnam with capacity over 60 thousand tons of yarn annually. The development strategy is premium products, especially ecofriendly ones which have higher gross margin such as recycled and colour yarn. After the time being applied anti-dumping tariff by Turkey, STK changed the market strategy into Asian and Vietnam. STK balanced the proportion of exporting and in-land market in total revenue around 50%: 50%. About the products, recycled yarn (made by bottle polyester chip which comes from recycled old plastic bottles) is STK's key driver due to the high gross margin (20%), moreover, huge demand but limited supply. Target for 2025, STK will increase the proportion of recycled yarn up to 100% in total revenue of existing factories.

#### III.1 THÔNG TIN CƠ BẢN

**Tên công ty:** Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ (GRI 102-1)

**Tên tiếng Anh:** Century Synthetic Fiber Corporation (GRI 102-1)

**Tên giao dịch:** Century Corp

**Mã chứng khoán:** STK (HOSE)

**Lĩnh vực kinh doanh:** STK sản xuất và kinh doanh các loại sợi xơ dài polyester, bao gồm sợi DTY và FDY. (GRI 102-2)

**Hình thức pháp lý và quyền sở hữu:** Công ty cổ phần (GRI 102-5)

**Trụ sở chính:** B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (GRI 102-3)

**Chi nhánh:** Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (GRI 102-4)

**Văn phòng đại diện:** 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (GRI 102-4)

**Vốn điều lệ:** 707.269.440.000 VNĐ

**Điện thoại:** + 84.028 3790 7565 / +84.276 389 9537

**Fax :** 84.8 3790 7566 / +84.66 389 9536

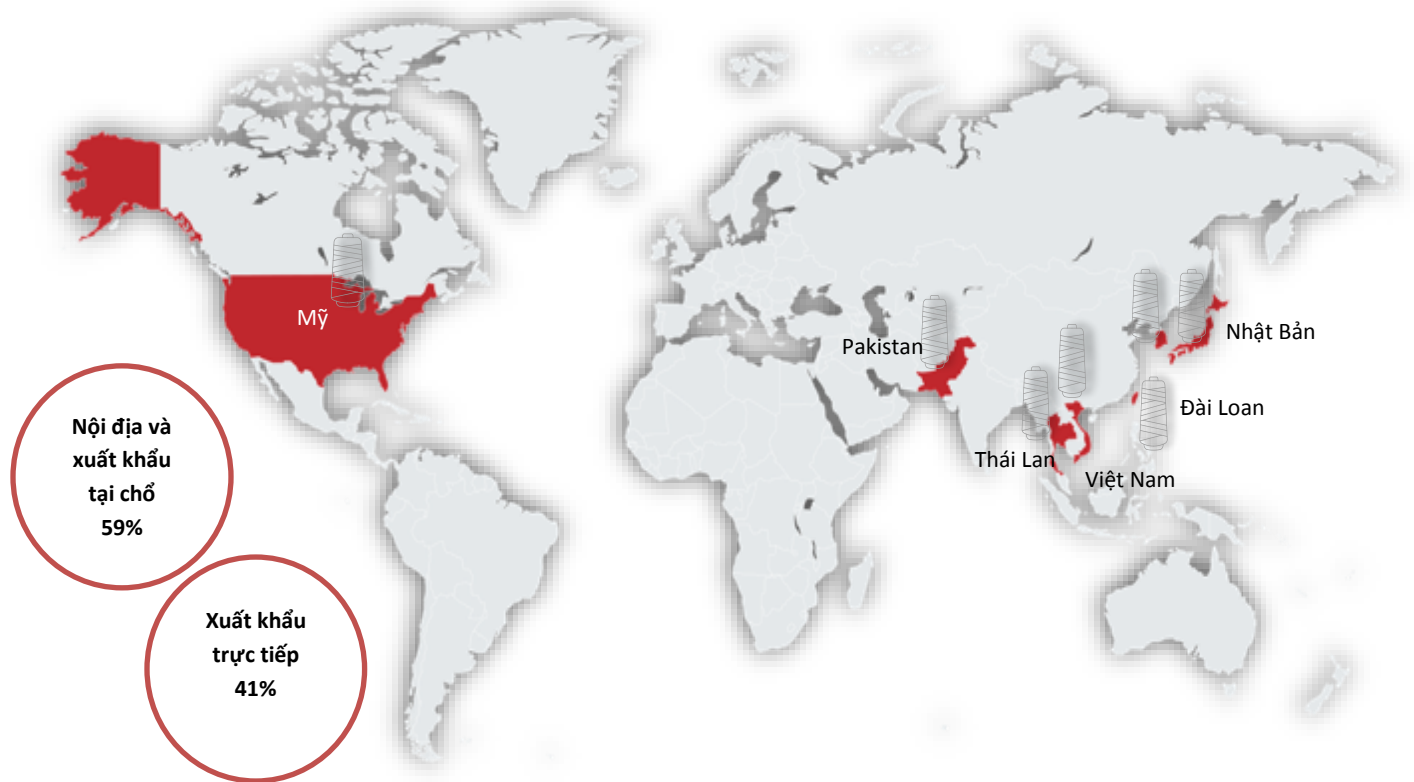
**Email :** [csf@century.vn](mailto:csf@century.vn)

**Website :** [www.theky.vn](http://www.theky.vn)

**Mã số doanh nghiệp :** 0302018927 (GRI 102-5)

**Vốn chủ sở hữu (31/12/2020) :** VND 1.081.836.324.718 đồng

## Sự hiện diện toàn cầu : (GRI 102-6)



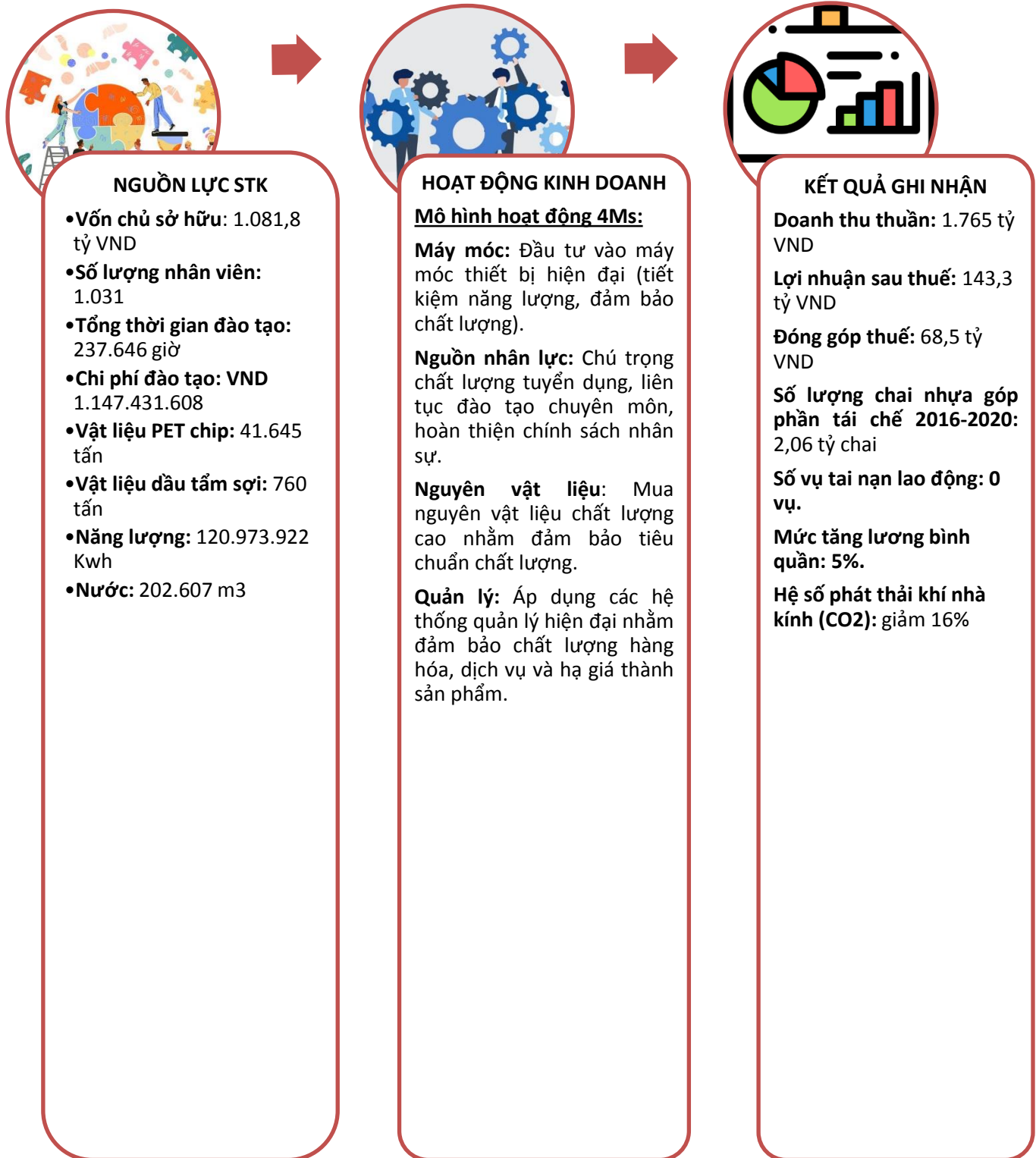
Thị trường của Sợi Thế Kỷ trải rộng khắp thế giới, tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm thị trường nội địa và xuất khẩu như: Mỹ, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Pakistan...

## Quy mô sản xuất: (GRI 102-7)

- Công ty có 2 nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng, tổng diện tích là 68.000 m<sup>2</sup> và tổng số lao động hiện tại là 1.031 người.
- Tại thời điểm 31/12/2020, tổng công suất của Công ty là 63.300 tấn sợi DTY và FDY.
- Dây chuyền tái chế sợi phế thành hạt nhựa tái chế (Recycled Chip) với công suất 1.500 tấn/năm.

### III.2 TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

#### CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG STK ĐÃ TẠO RA CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN





- Báo Cáo Phát Triển Bền Vững (“BCPTBV”) của STK được lập hàng năm, nhằm trình bày và công bố thông tin chính thức liên quan đến kết quả hoạt động cũng như đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong năm của Công ty.
- Công ty lập BCPTBV riêng biệt với Báo Cáo Thường Niên, nhằm cung cấp bức tranh tổng thể về hoạt động của toàn Công ty Sợi Thế Kỷ năm 2020 cũng như đưa ra những mục tiêu, trách nhiệm của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 của Công ty.
- Thông qua việc chia sẻ các nội dung chiến lược phát triển bền vững tới các bên liên quan của Công ty, chúng tôi hy vọng sẽ nhận được nhiều đóng góp tích cực để tiếp tục rà soát và cải tiến những lĩnh vực mà các bên liên quan quan tâm.
- BCPTBV là một công cụ giúp Công ty có thể rà soát và đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững thực hiện trong năm, góp phần hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành Công ty kịp thời cập nhật những định hướng và chiến lược phát triển phù hợp nhất cho Công ty.

**Phạm vi và ranh giới của báo cáo:** Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của toàn CTCP Sợi Thế Kỷ.

**Tuyên bố lập báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:** (GRI 102-54)

- Công ty thực hiện lập báo cáo theo tiêu chuẩn mới nhất của GRI từ 2019 và tiếp tục duy trì trong năm 2020.
- Tiêu chuẩn GRI được công nhận quốc tế từ Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) dưới dạng cốt lõi. Báo cáo cũng được sự hỗ trợ từ Chương trình Thương mại Cạnh tranh (CSRCB) do GRI cung cấp trực tiếp để cải thiện khả năng cạnh tranh và chất lượng báo cáo của các doanh nghiệp ở Việt Nam, giúp các doanh nghiệp như chúng tôi có thể tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
- Nội dung của báo cáo xoay quanh 4 chủ đề trọng yếu: GRI 100 Thông tin chung; GRI 200 Vấn đề kinh tế; GRI 300 Vấn đề môi trường; GRI 400 Vấn đề xã hội.



**Kỳ báo cáo:** báo cáo được lập theo niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 (GRI 102-50)

**Ngày báo cáo gần nhất:** ngày 31/12/2019. (GRI 102-51)

**Chất lượng báo cáo:**

Công ty cam kết cung cấp những thông tin và số liệu trong báo cáo một cách chính xác, rõ ràng, tin cậy và được cập nhật (xem thêm ở mục IV.6.7).

**Chỉ tiêu được Bộ phân kiểm toán nội bộ của Công ty đánh giá bao gồm:**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm (GRI – 404);
- Những hoạt động tham gia đóng góp vào Cộng đồng địa phương (GRI – 413);
- Tỷ lệ mức lương bình quân của người lao động và lương tối thiểu vùng (GRI – 401);
- Chỉ số kết quả quan trắc môi trường (GRI – 306);
- Mức tiêu thụ năng lượng và hệ số phát thải; (GRI – 302 và 305)



- Mức tiêu thụ nước; **(GRI – 303)**

**Chu kỳ báo cáo:** 1 năm/lần

**Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo:**

Phòng Quan Hệ Cổ Đông – CTCP Sợi Thế Kỷ - Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Chịu trách nhiệm nội dung: Nguyễn Phương Chi – Giám đốc chiến lược

Biên tập: Phạm Đăng Khoa – Chuyên viên IR

Email: [ir@century.vn](mailto:ir@century.vn)

Điện thoại: (+84.276) 388 7565 (máy lẻ: 113)

### III.3 KINH TẾ TUẦN HOÀN VÀ CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA STK



### III.3.1 CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY:

|                                                                                                                               | GIÁ TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                               | BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG                                                                                                                                                                                                                                        | PHÁT TRIỂN KINH TẾ                                                                                                                                                                                                    | PHÁT TRIỂN LAO ĐỘNG-<br>XÃ HỘI                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>1</b><br><b>Lập kế hoạch sản xuất</b><br> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiết kế định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng, nước cho 1 đơn vị sản phẩm.</li> <li>Lập kế hoạch tái sử dụng vật liệu.</li> <li>Xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện, nước và nhiên liệu sử dụng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bố trí máy móc sản xuất hiệu quả.</li> <li>Đảm bảo máy chạy ổn định, tránh ngưng máy, tiết kiệm chi phí.</li> </ul>                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đào tạo tay nghề, nâng cao kiến thức chuyên môn.</li> <li>Bố trí nguồn nhân lực sản xuất ổn định.</li> <li>Trang bị an toàn-lao động cho CBNV.</li> <li>Sử dụng nguồn nguyên vật liệu/lao động địa phương.</li> </ul> |
| <b>2</b><br><b>Nhập nguyên vật liệu</b><br>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng đáp ứng tiêu chí trách nhiệm môi trường.</li> <li>Nghiệm thu chất lượng và nguồn gốc của nguyên vật liệu.</li> </ul>                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đàm phán giá hiệu quả.</li> <li>Đảm bảo tỷ lệ hàng nhập không đạt chất lượng ở mức ít nhất.</li> </ul>                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bồi dưỡng kiến thức cho nhân viên thu mua, cung ứng.</li> <li>Sử dụng dịch vụ vận chuyển địa phương.</li> </ul>                                                                                                       |
| <b>3</b><br><b>Sản xuất</b><br>            | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiết kiệm điện, nước sử dụng.</li> <li>Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả.</li> <li>Tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu sử dụng.</li> </ul>                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giảm tỷ lệ hàng phế phẩm.</li> <li>Máy móc được bảo trì định kỳ.</li> <li>Nâng cao tỷ lệ chất lượng sản phẩm.</li> <li>Phát triển sản phẩm mới có giá trị gia tăng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bố trí nguồn nhân sự phù hợp.</li> <li>Tạo cơ hội thăng tiến trong công việc.</li> <li>Xây dựng môi trường làm việc an toàn.</li> <li>Xây dựng văn hóa ứng xử tốt.</li> <li>Đảm bảo công bằng-bình đẳng.</li> </ul>   |
| <b>4</b><br><b>Bán hàng và tiêu thụ sản phẩm</b>                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Cung cấp hướng dẫn sử dụng sản phẩm.</li> <li>Kết hợp kế hoạch vận chuyển hàng, tránh sử dụng nhiều xe.</li> <li>Tái sử dụng pallet để giao hàng.</li> </ul>                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Linh hoạt trong chi phí xuất hàng.</li> </ul>                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đào tạo nghiệp vụ bán hàng, xuất nhập khẩu.</li> <li>Xây dựng chính sách thưởng khích lệ khi đạt KPIs.</li> <li>Tăng thu nhập cho lao động địa phương.</li> </ul>                                                     |

### III.4 TẦM NHÌN – SỨ MẠNG CỦA CÔNG TY

#### ❖ TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.

#### ❖ SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.

### III.5 GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY

|                             |                                                                                                                      |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG</b>   | •Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng                             |
| <b>ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC</b>    | •Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung                                  |
| <b>LIÊN TỤC CẦU TIẾN</b>    | •Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống |
| <b>CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN</b> | •Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY                                      |

### III.6 CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŮ STK

“Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc”

### III.7 CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

| 2000                                                  | 2003                                                       | 2005                                                  | 2008                                                      | 2011                                                  |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| <b>Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi.</b> | <b>Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất.</b>                   | <b>Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược</b> | <b>Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất</b>           | <b>Phát triển sản phẩm mới FDY</b>                    |
| Thành lập ngày 01/06/2000.                            | Tăng công suất sản xuất lên tương đương 9.600 tấn sợi DTY/ | Công ty TNHH Sợi Thế Kỷ chính thức được               | Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14.500 tấn POY/ | Mở rộng công suất toàn công ty lên 29.500 tấn POY/năm |

Sản phẩm chính: DTY năm để đáp ứng nhu cầu thị trường. chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thép Kỹ. năm & 15.000 tấn DTY/ năm. và 37.000 tấn DTY & FDY/ năm.

Công suất ban đầu: 4.800 tấn sợi DTY/ năm.

2014

**Đón đầu xu hướng, nắm bắt cơ hội**

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 3.

IPO thành công 3 triệu cổ phiếu.

2015

**Niêm yết trên HOSE, phát triển thành công sản phẩm mới Sợi tái chế.**

Tổng công suất đạt khoảng 52.000 tấn DTY & FDY/năm từ nhà máy Trảng Bàng 3.

2016

**Bắt đầu sản xuất sợi tái chế**

Mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của Công ty lên 60.000 tấn DTY và FDY/năm.

2017

**Tận dụng cơ hội từ thị trường – Gặt hái thành công**

Nâng tổng công suất lên 63.300 tấn/năm.

2019

**Kiên định thực hiện mục tiêu**

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 20% so với cùng kỳ.

Đưa ra lộ trình đạt 100% tỷ lệ sợi tái chế năm 2025.

2020

**Vượt qua khó khăn**

Hoàn thành 98,2% mục tiêu doanh thu 2020.

Hoàn thành 109,9% mục tiêu lợi nhuận 2020.

Nâng tỷ lệ sợi recycle trên tổng doanh thu chiếm 44,7%.

### III.8 THAY ĐỔI TRONG BÁO CÁO: (GRI 102-49)

Rút kinh nghiệm từ Báo cáo phát triển bền vững 2019, trong báo cáo lần này Công ty đã có một số cải tiến như sau:

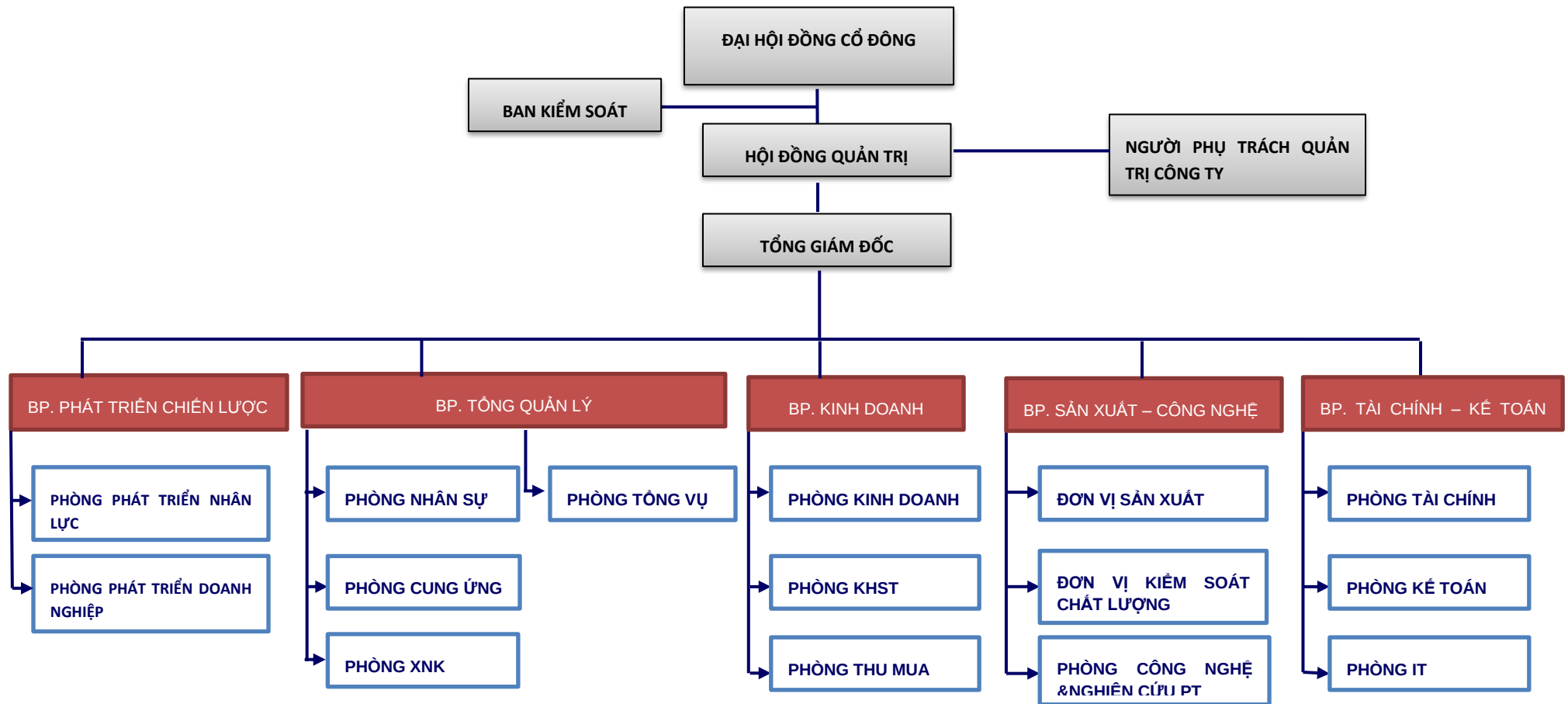
- Bổ sung thêm thông tin trong việc đảm bảo bởi bên thứ ba cho các mục tiêu PTBV;
- Bổ sung thông tin về thông tin vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ Công ty;
- Bổ sung thông tin dự án năng lượng mặt trời – Mục năng lượng;
- Bổ sung thông tin kinh tế tuần hoàn vào chuỗi giá trị của Công ty;
- Hoàn thiện và duy trì trách nhiệm giải trình theo tiêu chuẩn GRI-Standards;
- Bổ sung thêm chỉ tiêu mà bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty tham gia đánh giá;
- Cập nhật bối cảnh PTBV thế giới và ngành;
- Bổ sung cơ cấu quản trị PTBV tại Công ty;
- Bổ sung chuỗi giá trị bền vững Công ty;

### III.9 GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH

| CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>2020</b>               | <ul style="list-style-type: none"><li>• Top 15 thuộc top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững 2020 (CSI 100), 5 năm liên tiếp</li><li>• Tổ chức trao giải thưởng: VCCI Việt Nam</li><li>• Top 3 Báo cáo phát triển bền vững -Báo cáo đáng tin cậy nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức, 4 năm liên tiếp</li><li>• Top 5 Báo cáo thường niên -Báo cáo quản trị tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hóa trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức</li></ul> |
| <b>2019</b>               | <ul style="list-style-type: none"><li>• Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2019 (CSI100) 4 năm liên tiếp.</li><li>• Tổ chức trao giải: VCCI.</li><li>• Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm Công ty có vốn hoá trung bình do Sở giao dịch chứng khoán HCM tổ chức</li><li>• Top 10 Báo Cáo PTBV tốt nhất</li></ul>                                                                                                                                                                                 |
| <b>2018</b>               | <ul style="list-style-type: none"><li>• Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2018 (CSI100) 3 năm liên tiếp.</li><li>• Tổ chức trao giải: VCCI.</li><li>• Top 10 Báo Cáo PTBV</li><li>• Top 90 Báo Cáo TN.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>2017</b>               | <ul style="list-style-type: none"><li>• Top 500 công ty lớn nhất Việt Nam (VNR500): xếp hạng 361 trên Bảng Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam.</li><li>• Tổ chức trao giải: Việt Nam Report và báo Vietnamnet.</li><li>• Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2017 (CSI100)</li><li>• Tổ chức trao giải: VCCI.</li><li>• IR Award 2017 – Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin</li><li>• Tổ chức trao giải: VAFE và CTCP Tài Việt (báo điện tử Vietstock).</li></ul>                                    |

### III.10 SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC (GRI 102-18)

Mô hình quản trị của Công ty được xây dựng theo thông lệ và chuẩn mực tiên tiến nhất, phù hợp với các yêu cầu quản trị của một công ty niêm yết.



### **III.10.1 CƠ CHẾ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, LẬP KẾ HOẠCH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ PTBV:**

#### **PHÒNG NHÂN SỰ –PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ XÃ HỘI.**

Chức năng chính của phòng nhân sự:

- Xây dựng định biên nhân sự, đáp ứng nguồn nhân lực cho toàn Công ty;
- Thực hiện chấm công, tính lương và đảm bảo các chính sách phúc lợi cho người lao động;
- Thực hiện đào tạo, đề bạt và bồi dưỡng kỹ năng cho CBCNV;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng và lựa chọn ứng viên cho từng vị trí tại Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT về ngân sách lương và hiệu quả thực hiện KPIs của từng phòng ban;
- Cập nhật và cải tiến các chính sách lao động tại Công ty theo pháp luật hiện hành;
- Xử lý khiếu nại và đảm bảo bình đẳng tại Công ty;
- Chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về các vấn đề nhân sự – xã hội;

#### **PHÒNG TỔNG VỤ – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG.**

Chức năng chính của phòng tổng vụ:

- Đề xuất và ban hành các chính sách an toàn – vệ sinh – môi trường tại Công ty;
- Giám sát, báo cáo tuân thủ về an toàn lao động và các tiêu chí về môi trường khác tại Công ty;
- Huấn luyện nội dung an toàn – vệ sinh – môi trường định kỳ cho CBCNV;
- Định kỳ đo kiểm môi trường tại nơi làm việc về khí thải, nước thải và chất thải;
- Cập nhật và lập các chính sách, quy trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn an toàn - vệ sinh - môi trường tại nơi làm việc.
- Báo cáo trực tiếp với TGD về các vấn đề an toàn - vệ sinh - môi trường;

#### **PHÒNG KINH DOANH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ.**

Chức năng chính của phòng kinh doanh:

- Tham mưu TGD lập kế hoạch kinh doanh;
- Tìm kiếm khách hàng tiềm năng, mở rộng mạng lưới khách hàng và thị trường;
- Đẩy mạnh công tác bán hàng, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận cho Công ty;
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh chiến lược marketing;
- Cập nhật tình hình thị trường và tham mưu TGD để có chính sách bán hàng hợp lý;
- Báo cáo trực tiếp với TGD và HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty;

#### **PHÒNG TÀI CHÍNH – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ KINH TẾ.**

Chức năng chính của phòng tài chính:

- Tham mưu TGD và phòng kinh doanh về giá bán và price gap;
- Quản lý và kiểm soát ngân sách toàn Công ty;
- Báo cáo Ban TGD về các chi phí phát sinh và vượt định mức sử dụng;
- Thúc đẩy phòng kinh doanh bám sát mục tiêu lợi nhuận Công ty đã đặt ra;
- Kiểm soát tình hình tồn kho và cung cấp thông tin cho ban TGD;



## **PHÒNG KẾ HOẠCH SẢN TIÊU – PHỤ TRÁCH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU**

- Đáp ứng nhu cầu lịch giao hàng của Công ty;
- Sắp xếp máy móc, thiết bị và nguồn nhân lực để tiến hành sản xuất các đơn hàng;
- Lên kế hoạch sản xuất và kiểm soát tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất;
- Phối hợp với phòng kinh doanh trong việc nhận đơn hàng và đáp ứng lịch giao hàng;

## **PHÒNG THU MUA – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ NGUYÊN VẬT LIỆU**

- Tìm kiếm nhà cung ứng nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc và dịch vụ chất lượng;
- Đảm bảo giá cả hợp lý, tiết giảm chi phí Công ty;
- Đảm bảo lịch giao hàng của nhà cung ứng đúng thời hạn để phục vụ nhu cầu sản xuất Công ty;
- Phát triển mạng lưới nhà cung ứng để giảm thiểu rủi ro hụt nguồn cung;

## **BỘ PHẬN SẢN XUẤT – PHỤ TRÁCH CHỦ ĐỀ SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**

- Vận hành và quản lý chất lượng sản phẩm được sản xuất;
- Đảm bảo không gây lãng phí tài nguyên Công ty trong quá trình sản xuất;
- Giảm thiểu tối đa tỷ lệ phế phẩm;  
Nghiên cứu và phát triển các giải pháp mới để nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm;

## **ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ CÁC THÀNH TỰU PTBV 2020 (GRI 102-28)**

### **Quy trình đánh giá:**

1. Dựa trên các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lao động – xã hội, báo cáo tuân thủ bảo vệ môi trường và kết quả hoàn thành nhiệm vụ KPIs hàng tháng.
2. HĐQT nhận xét và đưa ra đánh giá các thành tựu phát triển bền vững mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua,
3. HĐQT cũng đưa ra những định hướng phát triển mới cho giai đoạn tiếp theo (xem thêm mục [IV.6.5](#)).

### **Tần suất đánh giá:**

- Giám sát kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hàng tháng, hàng quý, đưa ra đánh giá hàng năm.

Năm 2020, tập thể Công ty STK cố gắng không ngừng nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh và sản xuất, nỗ lực cắt giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng của Công ty. Cụ thể:

### **TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG**

- Doanh thu thuần năm 2020 hoàn thành 98,2% so với kế hoạch năm 2020.
- Tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu tăng mạnh chiếm 44,7% trong tổng doanh thu;
- Lợi nhuận ròng năm 2020 đạt 143,4 tỷ VND và vượt mục tiêu năm 2020 9,9%;
- Từng bước phát triển mở rộng thêm thị trường, đặc biệt là thị trường Mỹ;
- Tình hình tài chính của Công ty được cải thiện tốt hơn chỉ số nợ vay giảm 0,37 điểm so với ghi nhận ngày 31/12/2019;
- Phát triển thành công các loại sợi có giá trị gia tăng cao (sợi Soft package, Full dull, High CR, CD Mix, Quick Dry) cho thị trường nội địa và xuất khẩu như sợi;

## PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG

- Thu nhập của người lao động năm 2020 tăng bình quân 5% so với 2019;
- Chế độ phúc lợi của người lao động được cải thiện so với năm 2019;
- Tặng quà tết, xây dựng các quỹ nhằm giúp đỡ các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn;
- Thưởng hơn 1 tháng lương cho người lao động vào dịp tết nguyên đán;
- Thực hiện chính sách tham quan nghỉ mát cho CBCNV tại Phú Quốc;
- Định kỳ áp dụng chính sách đánh giá bậc tay nghề để đề bạt và tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động;
- Công ty tạo thêm nhiều công ăn việc làm trực tiếp cho lao động địa phương và gián tiếp cho các nhà thầu cung cấp thông qua: dự án mở rộng sản xuất, nâng cao tỷ trọng sợi recycle...
- Công ty đã tiếp tục cải thiện cơ chế khiếu nại và phản hồi dựa trên cơ sở Bộ quy tắc ứng xử tại Công ty;
- Định kỳ thực hiện việc kiểm định và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên khi đang làm việc tại Công ty.

## BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Phát triển sản phẩm sợi thân thiện với môi trường: tỷ trọng sợi tái chế đã tăng lên vượt bậc chiếm 44,7% trong cơ cấu doanh thu, vượt 9,7 % so với 2019 (35%);
- Dự án năng lượng mặt trời giúp giảm 10% lượng điện năng sử dụng và chỉ số carbon footprint;
- Dự án sản xuất sợi màu đưa vào sản xuất từ tháng 8/2019 (đây là một giải pháp tiết kiệm nước sạch và hạn chế xả hóa chất độc hại ra môi trường);
- Dự án tái chế sợi phế trong khuôn khổ dự án TB5, giảm phát thải với môi trường;
- Công ty thực hiện tái sử dụng ống giấy POY nhiều lần, hạn chế việc khai thác và bảo vệ rừng giúp chống sạt lở và xói mòn.
- Trong năm 2020, số lượng ống giấy POY sử dụng là **855.981** ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại **3,7** lần nên số lượng ống giấy POY được tiết kiệm là **2.311.148** ống (nếu không áp dụng việc tái sử dụng, số lượng ống giấy POY cần có là **3.167.129** ống).
- Chỉ số cacbon footprint về điện giảm **16%** so với năm 2019.
- Chỉ số cacbon footprint về dầu Diesel giảm **100%** so với năm 2019.
- Tính từ khi bắt đầu sản xuất sợi tái chế đến hết 2020, Công ty đã gián tiếp tái sử dụng khoảng **2,06** tỷ chai nhựa PET nhờ vào việc sản xuất sợi Recycle, giảm thiểu tác động tới môi trường đặc biệt là giảm nguồn rác thải chai nhựa trên đại dương.

### III.11 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY (GRI 102-22,23,24,27)

|  | <b>Giới thiệu thành viên Hội đồng Quản trị</b> | <b>Vị trí*</b> | <b>Thời gian bổ nhiệm</b> |
|--|------------------------------------------------|----------------|---------------------------|
|  |                                                |                |                           |

|                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                 |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------|
|    | <p><b>1. Ông Đặng Triệu Hòa (51 tuổi)</b></p> <p>Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK.</p> <p>Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung.</p> <p>Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.</p> <p>Với vai trò Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.</p> <p>Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p> | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD      | Năm 2020 |
|   | <p><b>2. Ông Đặng Hường Cường (44 tuổi)</b></p> <p>Ông Đặng Hường Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.</p> <p>Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thành viên HĐQT không điều hành | Năm 2005 |
|  | <p><b>3. Bà Đặng Mỹ Linh (48 tuổi)</b></p> <p>Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.</p> <p>Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.</p> <p>Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chủ tịch HĐQT                   | Năm 2020 |

|                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                |                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|
|    | <p><b>4. Bà Cao Thị Quế Anh (54 tuổi)</b><br/>Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.</p> | <p>Thành viên HĐQT độc lập không điều hành</p> | <p>12/01/2015</p> |
|    | <p><b>5. Ông Võ Quang Long (42 tuổi)</b><br/>Ông là đại diện sở hữu vốn của Công ty cổ phần đầu tư vốn Hướng Việt – cổ đông lớn của Công ty.<br/><br/>Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.</p>                                                                | <p>Thành viên HĐQT không điều hành</p>         | <p>17/04/2018</p> |
|   | <p><b>6. Ông Chen Che Jen (58 tuổi)</b><br/>Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc.<br/><br/>Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật.</p>                                                                                                         | <p>Thành viên HĐQT độc lập không điều hành</p> | <p>17/04/2018</p> |
|  | <p><b>7. Ông Nguyễn Quốc Hương (48 tuổi)</b><br/>Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành tài chính và quản trị rủi ro tài chính.<br/><br/>Trình độ chuyên môn: Tài chính</p>                                                                            | <p>Thành viên HĐQT độc lập không điều hành</p> | <p>17/04/2018</p> |

#### III.11.1.1 VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VỀ CÁC CHỦ ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (GRI 102-20,32)

- HĐQT có vai trò chính trong việc hoạch định mục tiêu và định hướng phát triển bền vững cho Công ty. Trong đó, định hướng phát triển bền vững được cụ thể hóa theo từng mục tiêu cho các bộ phận, phòng ban và các đơn vị cơ sở khác.

- Các mục tiêu của từng bộ phận, phòng ban sẽ được lượng hóa thành các chỉ tiêu (KPI) nhằm đánh giá và đo lường một cách chính xác và hiệu quả kết quả thực hiện định hướng phát triển bền vững của từng phòng, ban theo mục tiêu chung của Công ty.
- HĐQT họp định kỳ hàng quý để trao đổi và kịp thời đưa ra các chỉ đạo cho các hoạt động kinh doanh và sản xuất của STK.
- Từng khía cạnh về kinh tế - xã hội - môi trường đều được các đại diện của Ban Điều Hành trình bày trực tiếp trước HĐQT trong các buổi họp.
- Thành viên HĐQT sẽ đánh giá và đưa ra các định hướng để cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.

HĐQT giao Ban Điều Hành và bộ phận Quan Hệ Cổ Đông chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên thông lệ quốc tế, quy định của Việt Nam và phù hợp với tình trạng thực tế của Công ty.

### III.12 BAN ĐIỀU HÀNH (GRI 102-22,23,24,27)



**Ông Đặng Triệu Hòa**

**Phó chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám Đốc**

**Năm sinh:** 1969, Nam

**Trình độ học vấn:** Quản trị kinh doanh

**Quá trình làm việc:**

**Tháng 06/2000 - nay:** Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.

**1995 - 2000:** Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.

**1991 - 1995:** Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.



**Bà Nguyễn Phương Chi**

**Giám đốc Chiến Lược**

**Năm sinh:** 1972, Nữ

**Trình độ học vấn:** Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

**Quá trình làm việc:**

**1/2015-nay:** Giám đốc Chiến lược, STK

**3/2008-12/2014:** Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.

**4/2005-2/2008:** Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.

**10/2004-2/2005:** Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF").



**Ông Phan Như Bích**

**Giám đốc Tài Chính kiêm Kế Toán trưởng**

**Năm sinh:** 1970, Nam

**Trình độ học vấn:** MBA

**Quá trình làm việc:**

**Tháng 10/2016:** Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK

**Tháng 11/2010:** Kế toán trưởng, STK.

**Tháng 03/2004 - 03/2010:** Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương Mại Thành Công.

**1997 - 03/2004:** Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.

**10/2002-10/2004:**

Chuyên viên Tài chính  
Cao cấp,  
Pricewaterhouse  
Coopers (Vietnam) Ltd.

**3/1997-3/2000:** Trợ lý

Luật sư, Công ty Luật  
Deacons Graham &  
James, chi nhánh Hà Nội.

### III.13 BAN KIỂM SOÁT (GRI 102-22,23,24,27)

|                                                                                    |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <b>Ông Nguyễn Tự Lực</b>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                                    | <b>Trưởng Ban kiểm soát</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                                    | Năm sinh                    | <b>1952, Nam</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|                                                                                    | Trình độ học vấn            | Cử nhân Kế toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                                    | Quá trình làm việc          | <b>1/2015 – nay:</b> Kế toán trưởng, Công ty TNHH Mai Hoàng Vũ<br><b>2007 - nay:</b> Trưởng Ban Kiểm soát, STK<br><b>2006 - nay:</b> Trợ lý Tổng Giám đốc, STK<br><b>2000 - 2006:</b> Kế toán trưởng, STK<br><b>1984 - 2000:</b> Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á<br><b>1979 - 1984:</b> Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn |

|                                                                                     |                                 |                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <b>Bà Hoàng Nữ Mộng Tuyền</b>   |                                                                                                                                                                     |
|                                                                                     | <b>Thành viên Ban kiểm soát</b> |                                                                                                                                                                     |
|                                                                                     | Năm sinh                        | <b>1990, Nữ</b>                                                                                                                                                     |
|                                                                                     | Trình độ học vấn                | Cử nhân                                                                                                                                                             |
|                                                                                     | Quá trình làm việc              | <b>25/02/2020 – nay:</b> Chuyên viên kinh doanh tại Công ty TNHH Kpack<br><b>2018 – 02/2020:</b> Trợ lý TGĐ, STK<br><b>2012 – 2018:</b> Trưởng nhóm kinh doanh, STK |

|  |                                 |                                   |
|--|---------------------------------|-----------------------------------|
|  | <b>Bà Đinh Ngọc Hoa</b>         |                                   |
|  | <b>Thành viên Ban kiểm soát</b> |                                   |
|  | Năm sinh                        | <b>1979, Nữ</b>                   |
|  | Trình độ học vấn                | Cử nhân ngành kinh doanh tiền tệ. |



|                                                                                   |                    |                                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Quá trình làm việc | <b>2005 - nay:</b> Trưởng Phòng Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ, STK<br><b>2002 - 2004:</b> Nhân viên kế toán CTY TNHH Vĩ Hợp |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### III.14 NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (GRI 102-25)

(Xem thêm mục [XXX. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN- BCTN 2020](#))

## IV. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

### IV.1 BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRÊN THẾ GIỚI

Theo báo cáo mục tiêu phát triển bền vững 2020 của Liên Hợp Quốc “The Sustainable Development Goals Report 2020” về tình hình triển khai thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh phát triển bền vững của thế giới gặp những khó khăn và thử thách đến từ đại dịch Covid-19, cụ thể:

|                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>VỀ KINH TẾ</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nền kinh tế toàn cầu ghi nhận mức giảm mạnh do đại dịch Covid-19;</li> <li>✓ Mức tăng trưởng GDP đầu người toàn thế giới giảm 4,2% trong năm 2020;</li> <li>✓ Hơn 1,6 tỷ lao động đối diện nguy cơ mất việc làm trong 2020;</li> <li>✓ Năm 2020, ngành hàng không ghi nhận mức sụt giảm mạnh, tỷ lệ hàng khách giảm 51% so với cùng kỳ 2019;</li> <li>✓ Ước tính có hơn 470 triệu lao động mới cho đến 2030;</li> <li>✓ Năm 2020, vốn đầu tư FDI toàn cầu giảm 40%;</li> <li>✓ Trong 2020, dòng tiền kiều hối đến các nước thu nhập thấp và trung bình giảm 109 tỷ USD so với 2019;</li> <li>✓ Đầu tư toàn cầu vào nghiên cứu và phát triển là 2,2 nghìn tỷ đô la (năm 2017), tăng 800 tỷ đô la từ năm 2010;</li> </ul> |
| <b>VỀ MÔI TRƯỜNG</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Năng lượng là nhân tố chính gây ra biến đổi khí hậu, chiếm khoảng 60% tổng lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu;</li> <li>✓ Thảm họa tự nhiên làm mất 23,6 tỷ USD trong nền kinh tế (2018);</li> <li>✓ Kể từ năm 1990, lượng khí thải CO2 toàn cầu đã tăng hơn 46%;</li> <li>✓ Tỷ lệ khí nhà kính (green house gas emissions) giảm 6% trong 2020;</li> <li>✓ Biến đổi khí hậu tiếp tục tăng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hơn 39 triệu người từ 2018-2020;</li> <li>✓ Hơn 10 triệu hecta rừng bị phá hủy mỗi năm từ 2015-2020;</li> </ul>                                                                                                                                                                              |

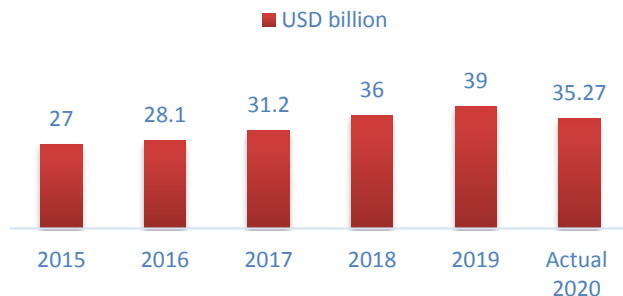
|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Năm 2018, hơn 789 triệu người chưa được tiếp cận sử dụng nguồn điện;</li> <li>✓ Năng lượng sinh học là nguồn năng lượng tái tạo lớn nhất hiện nay, cung cấp 10% nguồn cung cấp năng lượng trên thế giới;</li> <li>✓ Độ axit của đại dương dự kiến tăng lên 100-150% cho đến 2100;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                |
| <b>VỀ CON NGƯỜI- XÃ HỘI</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Trong 2020, 71 triệu người đối diện với hoàn cảnh nghèo đói;</li> <li>✓ Nửa dân số thế giới vẫn nằm trong tình trạng chưa được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe;</li> <li>✓ Tỷ lệ bạo lực gia đình và thiếu bình đẳng đối với phụ nữ tăng hơn 30% trong 2020;</li> <li>✓ Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi tăng cao trên toàn cầu;</li> <li>✓ Tỷ lệ tử vong của người lớn tuổi (trên 80 tuổi) tăng cao hơn 5 lần so với mức bình thường trong tình hình dịch bệnh Covid-19;</li> </ul> |

## IV.2 BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA NGÀNH DỆT MAY

Ngành Dệt, may là 1 trong số các ngành chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19. Chuỗi cung ứng nguyên liệu đầu vào bị gián đoạn, các thị trường nhập khẩu phải đóng cửa do thực hiện phong tỏa xã hội để phòng chống dịch bệnh, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giảm là những khó khăn mà Ngành phải đối mặt trong năm nay. Tuy nhiên, những tháng cuối năm, tăng trưởng của Ngành đã có sự khởi sắc khi dịch bệnh được kiểm soát tốt ở các thị trường tiêu thụ chính và ở Việt Nam.

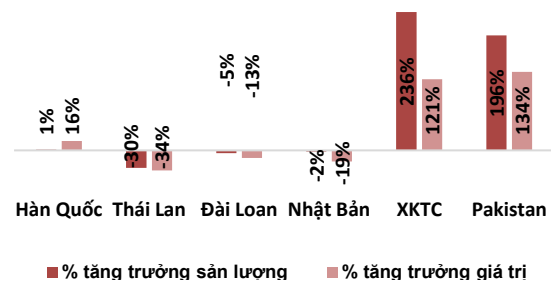
Năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam ước đạt 35,27 tỷ USD, giảm khoảng 9,29% so với năm 2019.

**KIM NGẠCH XUẤT KHẨU DỆT MAY VIỆT NAM**



Nguồn: Hiệp hội bông sợi Việt Nam

**TÌNH HÌNH XK SỢI POLYESTER FILAMENT CỦA VIỆT NAM 2020**



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Bên cạnh đó, các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP, RCEP, UKVFTA tạo ra rất nhiều cơ hội tăng trưởng lớn cho ngành dệt may Việt Nam trong thời gian tới, hướng tới việc tiếp cận các thương hiệu thời trang lớn để mở rộng thị phần tại các thị trường như EU, Mỹ và UK.

Với cam kết chặt chẽ từ các nhãn hàng thời trang trên thế giới về mục tiêu bảo vệ môi trường và giảm phát thải đến 2050, thì phát triển bền vững và cụ thể xu hướng sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi recycle, sợi được sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo được xem là nền tảng để các doanh nghiệp trong ngành dệt may tiến nhanh và xa hơn trong hành trình chinh phục thị trường hiện nay (nguồn: <https://thefashionpact.org>)



Để bảo vệ môi trường và góp phần giảm thiểu lượng rác thải chai nhựa ngoài môi trường, các thương hiệu thời trang lớn như Nike, Adidas, Puma, H&M... cũng chú trọng xây dựng chiến lược thời trang bền vững thông qua việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế như sợi recycle.

**Lộ trình cam kết sử dụng nguyên liệu tái chế của các nhãn hàng thời trang**



Để đáp ứng nhu cầu về sản phẩm thân thiện với môi trường, Công ty đang từng bước nâng cao tỷ trọng cung ứng sợi recycle và sợi sử dụng nguồn năng lượng sạch (năng lượng mặt trời) cho khách hàng, gián tiếp làm giảm lượng rác thải chai nhựa trên đại dương và tiêu hao nguồn năng lượng điện truyền thống.



**IV.3 CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY (GRI 102-16)**

(Xem thêm mục XXX. Báo cáo quản trị- BCTN 2020)

**IV.4 NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102-16)**

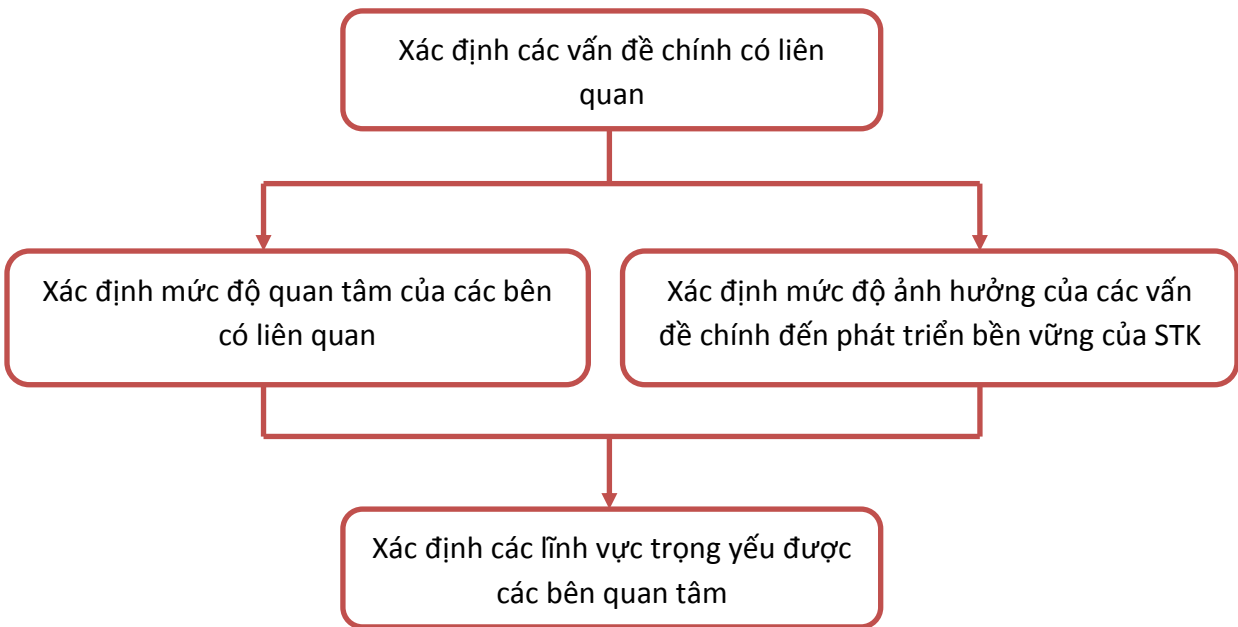
[\(Xem thêm mục XXX. Báo cáo quản trị- BCTN 2020\)](#)

**IV.5 CƠ CHẾ TƯ VẤN VÀ BÁO CÁO CÁC MỐI QUAN NGẠI VỀ BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TẠI CÔNG TY (GRI 102-17)**

Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử.

Tại STK, bộ chuẩn mực quy tắc ứng xử được hệ thống hóa thành quy trình SOP và kiểm soát dưới tiêu chuẩn ISO, áp dụng rộng rãi đến tất cả người lao động và các bên liên quan, **bộ phận nhân sự và phòng phát triển doanh nghiệp** là những đơn vị chủ trì trực tiếp đến các báo cáo và những quan ngại về Bộ quy tắc ứng xử.

**IV.6 SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP BÁO CÁO PTBV**

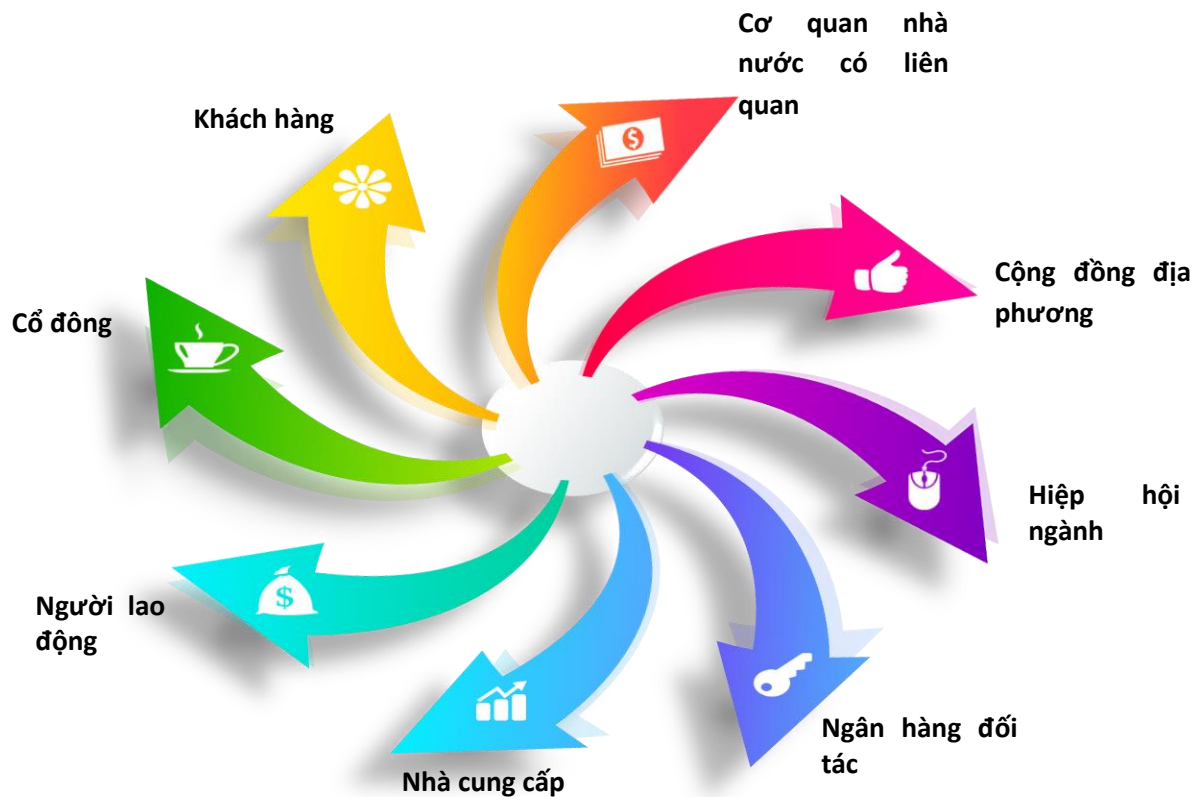


**IV.6.1 NHẬN DIỆN VÀ LỰA CHON CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102 – 42)**

- Được xác định dựa trên nguyên tắc xác định mức ảnh hưởng của có thể có được từ hoạt động kinh doanh của STK đến các bên và những mối quan tâm, sức ảnh hưởng của các bên đến STK.

- Theo đó, 8 bên liên quan trọng yếu của STK bao gồm:

#### CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN STK



#### IV.6.2 LIÊN TỤC CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN (GRI 102 – 43,44)

- Liên tục đa dạng hóa các kênh tiếp xúc và tương tác với các bên liên quan.
- Tiếp cận một cách sâu hơn các vấn đề trọng yếu.
- Sử dụng các kênh tiếp cận các bên liên quan khác nhau phụ thuộc vào tính chất đặc thù của mỗi nhóm đối tượng.
- STK cam kết việc ghi nhận các ý kiến đóng góp và mối quan tâm của các bên liên quan một cách đầy đủ.
- Công ty chủ động xem xét và đánh giá những phản hồi từ các bên liên quan, cập nhật vào các chính sách và hoạt động của Công ty một cách phù hợp.

| Các bên liên quan | Kênh tiếp cận với các bên liên quan                                                                                                                                                                                                                                                            | Chủ đề quan tâm từ các bên liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hành động của STK để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Cổ đông</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộc họp ĐHĐCĐ.</li> <li>- Buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư.</li> <li>- Hội thảo và tham quan nhà máy.</li> <li>- Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản, điện thoại và emails.</li> <li>- Bản tin IR, Investor day, Analysts meetings.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Minh bạch thông tin.</li> <li>- Bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư/cổ đông.</li> <li>- Quản trị doanh nghiệp tốt.</li> <li>- Định hướng phát triển lâu dài.</li> <li>- Hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư.</li> <li>- Định hướng phát triển bền vững.</li> <li>- Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng.</li> <li>- Chính sách cổ tức.</li> <li>- Thù lao cho HĐQT, BKS, BDH.</li> <li>- Giá trị của doanh nghiệp.</li> <li>- Tính thanh khoản và cơ hội đầu tư.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu đạt 1.765 tỷ VND, lợi nhuận sau thuế 143,3 tỷ VND, hoàn thành 109,9 % so với kế hoạch đề ra.</li> <li>- Mở rộng thị trường mới: từng bước phát triển thêm khách hàng thị trường Mỹ.</li> <li>- Nâng cao tỷ trọng sợi recycle trong tổng doanh thu lên 44,7% 2020.</li> <li>- Phát triển các loại sản phẩm mới có nhiều tính năng và thân thiện với môi trường.</li> <li>- Tuân thủ đúng về quy định công bố thông tin.</li> <li>- Tách bạch 2 vị trí Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc.</li> <li>- Bổ nhiệm người quản trị Công ty.</li> <li>- Cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm.</li> <li>- Chi trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho năm tài chính 2019.</li> <li>- Đa dạng các kênh công bố thông tin.</li> </ul> |
| <b>Khách hàng</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trao đổi trực tiếp.</li> <li>- Các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng.</li> <li>- Phiếu khảo sát khách hàng</li> <li>- Website Công ty</li> <li>- Hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành.</li> <li>- Email, điện thoại.</li> </ul>                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty hoạt động bền vững- an toàn và uy tín.</li> <li>- Chất lượng sản phẩm- dịch vụ.</li> <li>- Giá cả cạnh tranh.</li> <li>- Các điều khoản hợp đồng hấp dẫn.</li> <li>- Dịch vụ khách hàng vượt trội.</li> <li>- Công nghệ, năng lực sản xuất tốt.</li> <li>- Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng.</li> <li>- Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao.</li> </ul>                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu và sản xuất các loại sợi có độ nhuyển rất cao.</li> <li>- Đảm bảo chất lượng của sản phẩm.</li> <li>- Nâng cao nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng.</li> <li>- Bổ sung một nhân sự người nước ngoài có kinh nghiệm và nghiệp vụ giỏi để hỗ trợ mảng kinh doanh của Công ty.</li> <li>- Liên tục đào tạo nguồn lực đội ngũ bán hàng nội địa và xuất khẩu.</li> <li>- Nâng cao chất lượng các tiêu chí phục vụ khách hàng.</li> <li>- Sản phẩm được chứng nhận không sử dụng các chất độc hại (REACH 168).</li> </ul>                                                                                                                                                                                      |

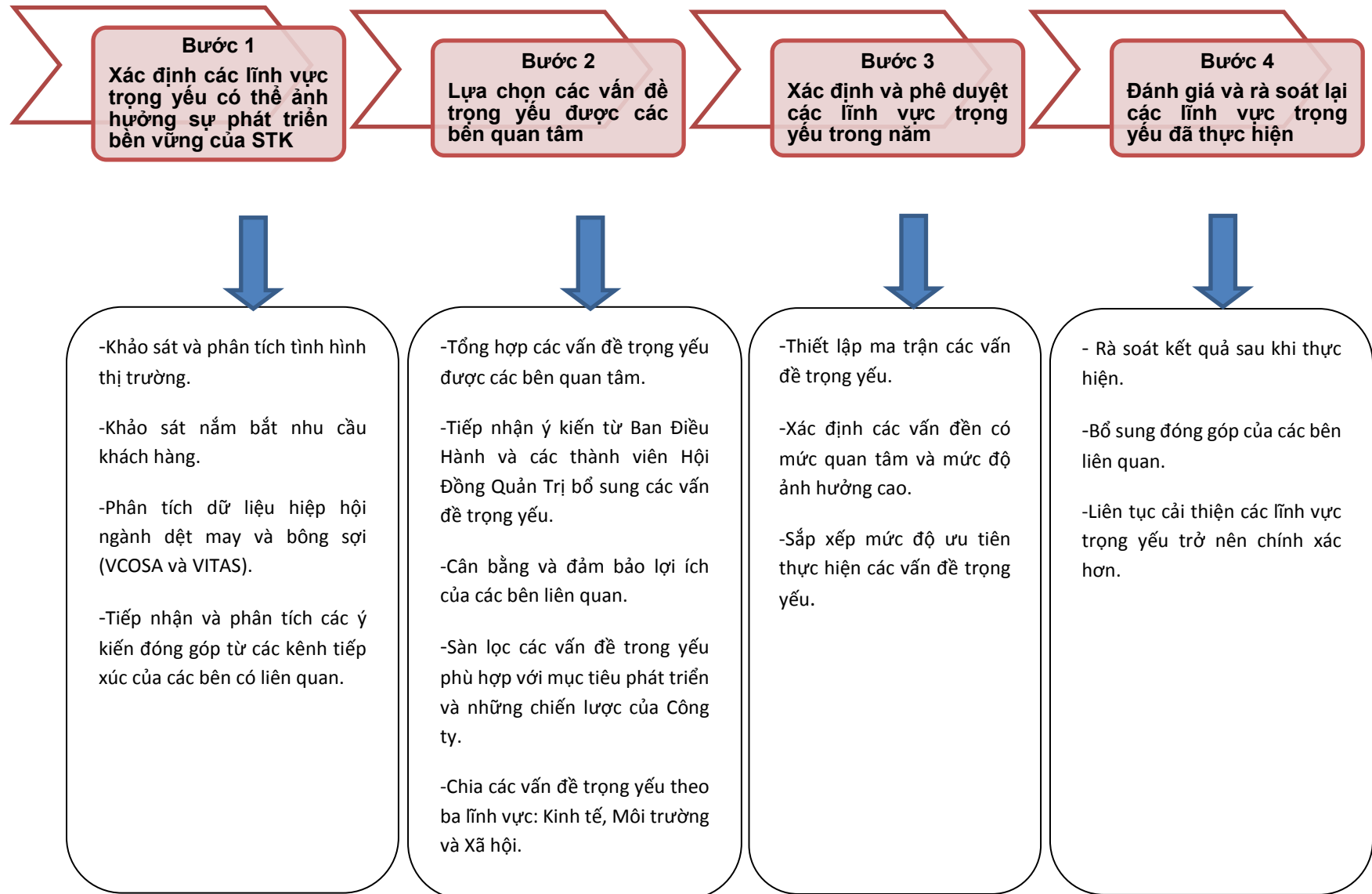
|                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt chứng nhận OEKO –TEX 100 chứng minh thành phần trong sợi không chứa chất độc gây hại cho sức khỏe.</li> <li>- Đạt chứng chỉ GRS (Global Recycle Standard).</li> <li>- Được khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Người lao động</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình Tôn chỉ.</li> <li>- Các cuộc họp giao ban.</li> <li>- Đối thoại định kỳ với người lao động.</li> <li>- Hội nghị người lao động hàng năm.</li> <li>- Trực tiếp trao đổi với người quản lý.</li> <li>- Trực tiếp trao đổi với phòng nhân sự.</li> <li>- Phiên họp thương lượng tập thể.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường làm việc thoải mái an toàn.</li> <li>- Đảm bảo sức khỏe nghề nghiệp.</li> <li>- Cân bằng giữa công việc và cuộc sống.</li> <li>- Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao.</li> <li>- Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển nâng cao tay nghề.</li> <li>- Cơ hội thăng tiến trong công việc</li> <li>- Tầm nhìn của người lãnh đạo.</li> <li>- Sự công bằng và dân chủ.</li> <li>- Không phân biệt đối xử.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cải thiện chính sách tiền lương, chế độ thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến và môi trường làm việc cho người lao động.</li> <li>- Tăng lương bình quân 7% tùy vào vị trí công việc.</li> <li>- Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 15 người.</li> <li>- Ban Điều Hành cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng của người lao động.</li> <li>- Đảm bảo tỷ lệ mức lương cho người lao động cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng và lương bình quân của ngành.</li> <li>- Thực hiện cơ chế 5s, cải thiện môi trường làm việc.</li> <li>- Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, người lao động được chăm lo sức khỏe.</li> <li>- Tuân thủ quy định trách nhiệm xã hội theo pháp luật.</li> <li>- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm - 02/12/2020.</li> </ul> |
| <b>Nhà cung ứng</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gặp gỡ trực tiếp.</li> <li>- Tham quan nhà máy.</li> <li>- Thông qua email, điện thoại.</li> <li>- Thu thập thông tin qua khảo sát.</li> </ul>                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Uy tín, cộng tác dài lâu.</li> <li>- Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển.</li> <li>- Xây dựng chuỗi giá trị bền vững</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên.</li> <li>- Bình đẳng trong việc lựa chọn nhà cung ứng trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh.</li> <li>- Đánh giá nhà cung ứng để đảm bảo duy trì tính hiệu quả hợp tác.</li> <li>- Đưa ra các biện pháp cải thiện mối quan hệ giữa Công ty và nhà cung ứng.</li> <li>- Đảm bảo lợi ích tối thiểu của đôi bên.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Nhà nước</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua các cuộc họp, các đợt thanh tra.</li> <li>- Thông qua các báo cáo định kỳ của HEPZA, TANIZA.</li> </ul>                                                                                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật.</li> <li>- Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định.</li> <li>- Hỗ trợ phát triển cộng đồng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước.</li> <li>- Không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật.</li> <li>- Thực hiện và gửi báo cáo về HEPZA và TANIZA về tình hình hoạt động, an toàn-môi trường-sức khỏe.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

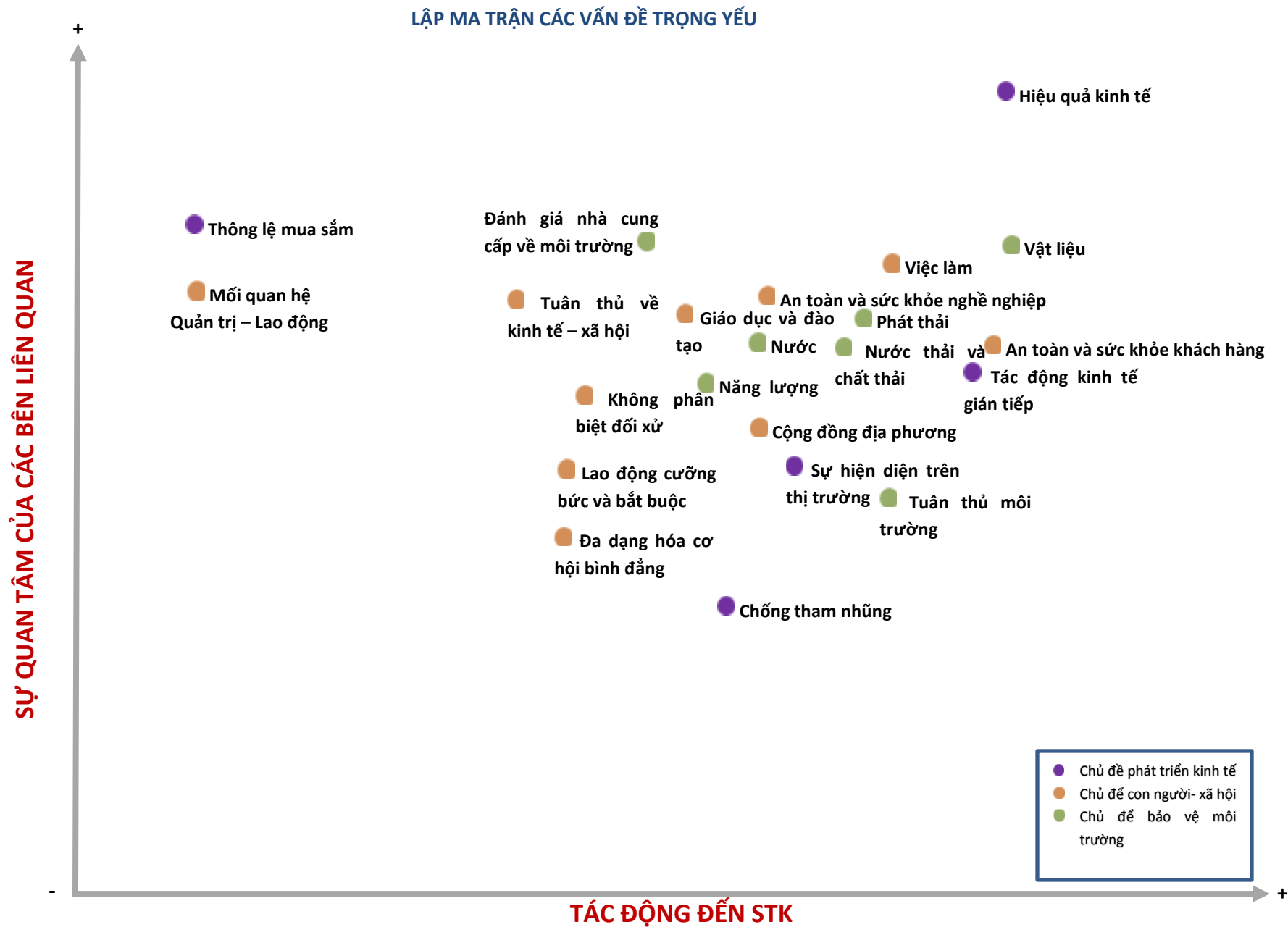
|                               |                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản hành chính của nhà nước.</li> </ul>                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước.</li> </ul>                                                                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủng hộ chủ trương của nhà nước.</li> <li>- Nộp thuế đầy đủ.</li> <li>- Hỗ trợ phát triển địa phương.</li> </ul>                                                                                                                                                                                          |
| <b>Ngân hàng đối tác</b>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cuộc gặp mặt trực tiếp.</li> <li>- Điện thoại và email.</li> </ul>                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty hoạt động bền vững và uy tín.</li> <li>- Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp.</li> <li>- Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp.</li> <li>- Hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển</li> </ul>                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Linh hoạt trong chính sách hợp tác về hạn mức vay.</li> <li>- Thực hiện chi trả lãi vay đúng và sớm hơn hạn quy định.</li> <li>- Theo dõi và hỗ trợ thường xuyên các giao dịch.</li> </ul>                                                                                                               |
| <b>Cộng đồng địa phương</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buổi gặp mặt trao đổi định kỳ.</li> <li>- Văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương.</li> <li>- Các hoạt động xã hội cộng đồng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng.</li> <li>- Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.</li> <li>- Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương.</li> <li>- Trao học bổng cho các trường cao đẳng tại địa phương.</li> <li>- Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương.</li> <li>- Ưu tiên tuyển dụng nguồn nhân lực địa phương.</li> <li>- Phát triển đô thị hóa nông thôn.</li> </ul> |
| <b>Hiệp hội ngành (VCOSA)</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi.</li> </ul>                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành.</li> </ul>                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ cung cấp thông tin và hợp tác tích cực với hiệp hội ngành.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                             |

#### IV.6.3 CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU (GRI 103, GRI 102-47)

Thông qua đánh giá tính quan trọng trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, STK đã xác định các lĩnh vực trọng yếu trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và các hoạt động của Công ty trong năm 2020:

## QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU







#### IV.6.4 DANH SÁCH CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU 2020 (GRI 102-47)

| <b>VẤN ĐỀ TRONG YẾU</b>                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>LĨNH VỰC TRONG YẾU</b>                                                                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>KINH TẾ</b><br>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì và ổn định doanh thu, lợi nhuận.</li> <li>- Phát triển thị trường và hợp tác cùng có lợi với các bên liên quan.</li> <li>- Nâng cao tỷ lệ bán hàng sợi recycle, sợi có giá trị gia tăng cao.</li> <li>- Phát triển kinh tế cộng đồng địa phương thông qua nâng cao mức thu nhập cho người lao động.</li> </ul>                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>*Hiệu quả kinh tế 2020</li> <li>*Sự hiện diện trên thị trường</li> <li>*Chống tham nhũng</li> <li>*Tác động kinh tế gián tiếp</li> </ul>                       |
| <b>MÔI TRƯỜNG</b><br>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu hao năng lượng và nguyên vật liệu hiệu quả.</li> <li>- Tiết kiệm điện, nước sử dụng trong các hoạt động sản xuất-kinh doanh.</li> <li>- Sử dụng năng lượng tái tạo.</li> <li>- Giảm phát thải khí nhà kính, khí thải, tăng cường tái chế và tái sử dụng nguyên vật liệu.</li> <li>- Xây dựng môi trường làm việc an toàn-vệ sinh-môi trường.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>*Vật liệu</li> <li>*Nước</li> <li>*Năng lượng</li> <li>*Phát thải</li> <li>*Nước thải và chất thải</li> <li>*Tuân thủ môi trường</li> </ul>                    |
| <b>LAO ĐỘNG – XÃ HỘI</b><br> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì lượng lao động và nâng cao quyền lợi lao động.</li> <li>- Xây dựng chính sách phúc lợi, thu nhập và bảo vệ sức khỏe người lao động.</li> <li>- Duy trì môi trường làm việc an toàn, minh bạch và công bằng.</li> <li>- Tạo cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp.</li> </ul>                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>*Việc làm</li> <li>*Giáo dục đào tạo</li> <li>*An toàn sức khỏe nghề nghiệp</li> <li>*An toàn và sức khỏe khách hàng</li> <li>*Cộng đồng địa phương</li> </ul> |

#### IV.6.5 ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Từng bước hiện thực hóa mục tiêu tầm nhìn “Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi, dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.” STK đã và đang từng bước xây dựng mô hình kinh doanh bền vững của mình dựa trên việc tạo ra các giá trị đóng góp và lợi ích tích cực đến nhóm liên quan như Công ty, Xã hội và Môi trường.

Thực hiện gắn kết chặt chẽ các mục tiêu phát triển kinh tế, môi trường và xã hội vào định hướng phát triển bền vững tại Công ty và luôn bám sát thực hiện các mục tiêu đã đề ra.



STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGs) trong hoạt động tại Công ty, xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2021-2025 của doanh nghiệp, cụ thể:

|          |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>XÓA NGHÈO</b>                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tạo ra thêm công ăn việc làm</li><li>- Tăng thu nhập cho người lao động</li><li>- Đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương</li></ul>                                                                                                        |
| <b>3</b> | <b>SỨC KHỎE VÀ CÓ CUỘC SỐNG TỐT</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Xây dựng môi trường làm việc an toàn</li><li>- Đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động</li></ul>                                                                                                                                                  |
| <b>5</b> | <b>BÌNH ĐẲNG GIỚI</b>               | <ul style="list-style-type: none"><li>- Cam kết chính sách bình đẳng trong việc sử dụng người lao động</li><li>- Duy trì công bằng và đối xử bình đẳng giữa nam và nữ</li></ul>                                                                                                                  |
| <b>6</b> | <b>NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH</b>         | <ul style="list-style-type: none"><li>- Sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả</li><li>- Không sử dụng hóa chất độc hại</li><li>- Tái sử dụng nước tuần hoàn trong sản xuất</li><li>- Phát triển sản phẩm sợi màu, giúp ngành dệt nhuộm hạn chế sử dụng nước sạch và thải hóa chất độc hại</li></ul> |

|           |                                                 |                                                                                                                                                                                          |
|-----------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>7</b>  | <b>NĂNG LƯỢNG SẠCH VỚI GIÁ THÀNH HỢP LÝ</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng năng lượng hợp lý</li> <li>- Tiết kiệm năng lượng</li> <li>- Sử dụng năng lượng mặt trời</li> <li>- Sáng kiến tiết kiệm điện</li> </ul> |
| <b>8</b>  | <b>CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo môi trường làm việc thân thiện, an toàn cho người lao động, công bằng và không phân biệt đối xử cho người lao động</li> </ul>               |
| <b>12</b> | <b>TIÊU THỤ VÀ SẢN XUẤT CÓ TRÁCH NHIỆM</b>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu,</li> <li>- Tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế</li> <li>- Tái sử dụng, tái chế nguyên vật liệu</li> </ul> |
| <b>13</b> | <b>HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU</b>                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạn chế phát thải</li> <li>- Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo</li> </ul>                                                                    |
| <b>16</b> | <b>HÒA BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẼ</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động minh bạch, chính trực, nói không với tham nhũng, trốn thuế và vi phạm pháp luật</li> </ul>                                            |
| <b>17</b> | <b>QUAN HỆ ĐỐI TÁC VÌ CÁC MỤC TIÊU</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp tác với các đối tác chiến lược để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn</li> </ul>                                               |

**MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG - DÀI HẠN**  
**2021-2025**

- Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất với nhà máy mới nhằm đạt lợi thế về qui mô.
- Tập trung phát triển các loại sợi có độ nhuộm cao cùng với các loại sợi có tính năng đặc biệt đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tối đa hóa lợi nhuận.
- Nâng cao tỷ trọng các sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu sản xuất và doanh thu.
- Tăng tỷ trọng sợi tái chế theo mục tiêu, từ 44,7% năm 2020 lên 100% vào năm 2025.
- Phát triển chuỗi sản xuất theo chiều dọc nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động thông qua dự án liên minh dệt/nhuộm.
- Không ngừng cải tiến qui trình quản lý sản xuất, nâng cao trình độ nhân viên và đội ngũ kinh doanh giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tăng lợi nhuận.

**MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
**NGẮN HẠN 2021 -2022**

- Phát triển quy mô sản xuất với những dự án mới.
- Hoàn thiện và đưa vào hoạt động dự án năng lượng mặt trời cho 2 nhà máy ở Trảng Bàng và Củ Chi.
- Đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Nâng tỷ trọng sợi recycle mục tiêu năm 2021 đạt 55,1% trên tổng doanh thu của Công ty.
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi recycle plus, quick dry (hút ẩm), sợi CD, soft package, hàng AAA.
- Phát triển thêm các tính mới của sợi màu dope dyed, sản phẩm thân thiện môi trường.
- Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168, OEKO-TEX 100, GRS và tiêu chuẩn của các thương hiệu nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng.
- Đa dạng hóa thêm danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

**CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG VÀ CÓ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CAO TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025**



**SỢI RECYCLE**

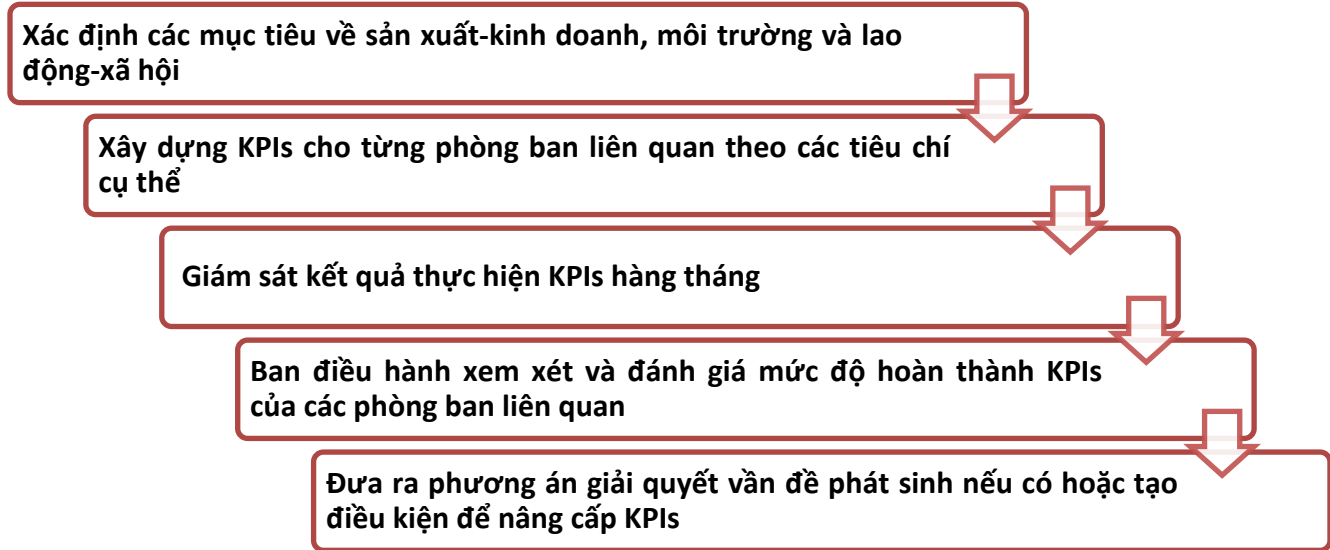


**SỢI MÀU**



**CÁC LOẠI SỢI CÓ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CAO: SỢI HÚT ẨM, SỢI CO GIÃN CAO, SỢI CD**

**Cách thức triển khai thực hiện định hướng mục tiêu phát triển bền vững đề ra:** Dựa trên định hướng PTBV, Ban điều hành xác định các mục tiêu PTBV và cụ thể hóa thành các kế hoạch hành động như sau:



Bên cạnh việc giám sát các SOP (Standard Operation Procedures), các bộ phận phải báo cáo và giải trình các biến động liên quan đến KPIs liên quan tới hoạt động của đơn vị mình.

Việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh-sản xuất, môi trường và xã hội còn được giám sát bởi các thành viên HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT, nhằm đảm bảo tuân thủ theo định hướng phát triển bền vững Công ty đặt ra.

KPIs cụ thể:

| MỤC TIÊU PTBV        | BỘ PHẬN LIÊN QUAN       | KPIS                                                                                                                                                                                                                                                                                 | NGƯỜI PHỤ TRÁCH GIÁM SÁT                                                                                                                                                                       |
|----------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kinh tế              | Kinh Doanh              | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kết quả bán hàng trong tháng về doanh thu, lợi nhuận.</li><li>- Số lượng khách hàng và thị trường mới.</li></ul>                                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng Giám Đốc Công ty.</li><li>- Trưởng phòng kinh doanh</li><li>- Trợ lý kinh doanh.</li><li>- Trưởng nhóm kinh doanh nội địa và xuất khẩu.</li></ul> |
| Trách nhiệm sản phẩm | Kinh Doanh              | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian giao hàng.</li><li>- Chất lượng sản phẩm.</li><li>- Phản hồi khách hàng.</li><li>- Thái độ phục vụ.</li><li>- Thời gian giải quyết khiếu nại.</li><li>- Giá cả cạnh tranh hợp lý.</li><li>- Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng Giám Đốc Công ty.</li><li>- Trưởng nhóm QA.</li><li>- Phó Giám Đốc sản xuất phụ trách QC.</li></ul>                                               |
|                      | Quality Assessment Team |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                |
|                      | Quality Control Team    |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                |
| Môi trường           | Tổng vụ                 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Mức tiêu hao điện sử dụng.</li><li>- Mức tiêu hao nước sử dụng.</li></ul>                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng Giám Đốc Công ty.</li><li>- Giám đốc tổng quản lý.</li></ul>                                                                                      |

|                                                     |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                     | ISO team | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn nhà cung ứng đạt chuẩn.</li> <li>- SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự.</li> <li>- Khối lượng nguyên/vật liệu sử dụng.</li> <li>- Chi phí điện, nước.</li> <li>- Thực hiện tiết kiệm điện, nước.</li> <li>- Mức xả thải rác thải, nước thải, khí thải.</li> <li>- Chi phí xử lý nước thải, rác thải.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng bộ phận Thu mua.</li> <li>- Trợ lý TGD về thu mua.</li> <li>- Trưởng bộ phận Utility.</li> <li>- Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ của phòng Tổng Vụ.</li> <li>- Nhân viên ISO.</li> </ul> |
|                                                     | Utility  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                     | Thu mua  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                       |
| Quyền con người tại nơi làm việc, Lao động - xã hội | Nhân sự  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả tuyển dụng.</li> <li>- Tỷ lệ đáp ứng lao động.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Giám Đốc Công ty.</li> <li>- Giám Đốc tổng quản lý.</li> </ul>                                                                                                                          |
|                                                     | Đào Tạo  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả thực hiện đào tạo.</li> <li>- Quản lý chi phí đào tạo.</li> <li>- Tỷ lệ biến động nhân sự.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng bộ phận nhân sự.</li> <li>- Trưởng nhóm đào tạo.</li> </ul>                                                                                                                           |
|                                                     | ISO team | <ul style="list-style-type: none"> <li>- SOP về quy trình sản xuất và chính sách nhân sự.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ chuyên trách AT-VS-LĐ, trách nhiệm xã hội của phòng Tổng Vụ.</li> </ul>                                                                                                               |
|                                                     | Tổng Vụ  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ nhân viên được đề bạt.</li> <li>- Quản lý chi phí lương, phúc lợi.</li> <li>- Quản lý tuân thủ các chính sách an toàn –vệ sinh.</li> <li>- Quản lý tuân thủ các chính sách về lao động.</li> <li>- Quản lý chi phí xây dựng quỹ học bổng, phúc lợi.</li> </ul>                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân viên ISO.</li> </ul>                                                                                                                                                                    |

#### IV.6.6 DANH MỤC CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU (GRI 102-15,30)

(Tham khảo thêm XXX. Báo cáo quản trị rủi ro – BCTN 2020)

#### IV.6.7 ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA: (GRI 102-56)

- STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo.
- Số dữ liệu về hoạt động của STK sau còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:
  - Thông tin về quy trình tác nghiệp, việc tuân thủ các quy định về môi trường lao động, chỉ số hoạt động (chính sách tuân thủ môi trường – an toàn – lao động, chính sách lao động, phúc lợi, lương thưởng và các cam kết về trách nhiệm xã hội, số lượng recycle chip sử dụng, sản lượng recycle được sản xuất) được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá GRS.
  - Quy trình vận hành và hệ thống quản trị được kiểm tra định kỳ 2 năm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

- Các chỉ số trách nhiệm xã hội được kiểm toán và đánh giá định kỳ theo tiêu chuẩn một số khách hàng là các thương hiệu thời trang hàng đầu trên thế giới.
- Thông tin về sản phẩm và quy trình sản xuất không độc hại như nguồn gốc nguyên, vật liệu, hệ số phát thải nhà kính CO2, số lượng nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất được đảm bảo bởi đơn vị đánh giá Oekotex100 và REACH.
- Thông tin về xử lý chất thải (khối lượng nước thải, rác thải và chi phí xử lý) được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý nước thải và chất thải nguy hại.
- Thông tin về tiết kiệm năng lượng (điện, nước và chi phí sử dụng) được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP.HCM.
- Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động (chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc) được đảm bảo bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
- Thông tin về Kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
- Thông tin tài chính (doanh thu, lợi nhuận, thuế, quỹ khen thưởng phúc lợi) được kiểm toán bởi Ernst & Young.
- Thông tin tiêu chuẩn lao động - xã hội (tỷ lệ nam/nữ, trình độ lao động, tuổi, thu nhập bình quân, lương thưởng, tỷ lệ biến động nhân sự, các khóa đào tạo và ngân sách chi phí đào tạo, ngân sách chi phí tặng quỹ học bổng, số lượng cá nhân được đề bạt, ngân sách kinh phí trao tặng quà cho lao động có hoàn cảnh khó khăn) được đánh giá bởi kiểm toán nội bộ và được đảm bảo theo báo cáo tình hình lao động gửi TANIZA và HEPZA.

## V. NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### TRÁCH NHIỆM PHÁT TRIỂN KINH TẾ – GRI 200



#### Mục tiêu 2020:

- Doanh thu: 1.798 tỷ VND; Lợi nhuận sau thuế: 130,4 tỷ VND;
- Đảm bảo mức lương khởi điểm cao hơn mức lương tối thiểu vùng;
- Tăng đóng góp cho xã hội và địa phương;
- Cải thiện chế độ lương-phúc lợi cho người lao động;

#### Kết quả 2020:

- Hoàn thành 98,2% kế hoạch doanh thu;
- Vượt 9,9% kế hoạch lợi nhuận;
- Thưởng cuối năm hơn 2 tháng lương, tỷ lệ nhân viên tham gia BHXH đạt 100%;
- Mức lương khởi điểm cao hơn lương tối thiểu vùng từ 53%-58%;
- Chi trả cổ tức năm 2019 - 98,4 tỷ VND,
- Hoàn thành nghĩa vụ thuế, nộp 68,5 tỷ VND thuế vào ngân sách nhà nước;

## 1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)

### Trách Nhiệm Nâng Cao Hiệu Quả Kinh Tế:

- Được đảm bảo và theo dõi thông qua các cuộc họp hàng tuần và báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng từ bộ phận kinh doanh và tài chính.
- Mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận được thông qua bởi HĐQT và ĐHĐCĐ hàng năm.  
Mục đích phương pháp quản trị: nhằm đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế bền vững cho doanh nghiệp.

### Sự Hiện Diện Trên Thị Trường:

- Bộ phận nhân sự định kỳ giám sát và theo dõi sự thay đổi trong chính sách về tiền lương và quy định về mức lương tối thiểu vùng của nhà nước.
- Tham mưu đến Ban Điều Hành và Tổng Giám Đốc để thực hiện cập nhật hệ thống thang lương/ bảng lương phù hợp với những quy định của luật lao động Việt Nam.

### Tác Động Kinh Tế Gián Tiếp:

- Liên tục mở rộng sản xuất theo mục tiêu phát triển bền vững trung - dài hạn, góp phần tạo thêm nhiều công ăn, việc làm cho người lao động địa phương.
- Nâng cao thu nhập và cải thiện trình độ của người lao động địa phương qua các khóa đào tạo nội bộ, các chương trình xây dựng quỹ học bổng trao tặng cho sinh viên các trường cao đẳng nằm trên địa bàn hoạt động của Công ty và chi nhánh.

|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CHÍNH SÁCH</b>                               | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kế hoạch kinh doanh, chính sách bán hàng, chính sách marketing hàng năm;</li><li>- Chính sách lương thưởng và cam kết của Công ty số CS-06 (01/03/2016);</li><li>- Thông báo thang lương bảng lương mới nhất số 282- 18/CV –TK;</li><li>- Các dự án mở rộng sản xuất của Công ty;</li><li>- Xây dựng ngân sách đào tạo hàng năm và quỹ trao học bổng;</li></ul>                                                        |
| <b>CAM KẾT</b>                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Cạnh tranh lành mạnh, mọi hoạt động kinh doanh và phát triển kinh tế đều tuân thủ theo pháp luật hiện hành;</li><li>- Cam kết chính sách chi trả tiền lương, phúc lợi tuân thủ theo Nghị định 157/2018/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng;</li><li>- Cam kết tạo thu nhập ổn định cho người lao động địa phương, tổ chức các khóa đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ người lao động địa phương;</li></ul> |
| <b>MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU</b>                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch kinh doanh;</li><li>- Chi trả đúng theo thang lương/bảng lương cho người lao động;</li><li>- Tạo thu nhập, cải thiện mức sống và nâng cao trình độ cho cộng đồng địa phương;</li></ul>                                                                                                                                                                                  |
| <b>TRÁCH NHIỆM</b>                              | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>NGUỒN LỰC</b>                                | <ul style="list-style-type: none"><li>- Phòng kinh doanh/marketing, bộ phận tài chính...</li><li>- Phòng nhân sự, bộ phận đào tạo;</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Quy trình giải quyết khiếu nại khách hàng QA-QT-01;</li><li>- Khảo sát khách hàng định kỳ;</li><li>- Quy trình khiếu nại/khiếu kiện của người lao động;</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                      |



|                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>CÁC BIỆN PHÁP HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ NHƯ CÁC QUY TRÌNH, DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁNG KIẾN</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt (short lead time) phù hợp với yêu cầu của khách hàng;</li> <li>- Công ty xây dựng hệ thống tính lương thông qua cơ chế KPI cho từng phòng/ban;</li> <li>- Xây dựng các chương trình/ khóa đào tạo nâng cao trình độ người lao động;</li> <li>- Phát triển các dự án mở rộng sản xuất;</li> </ul> |

## 2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

- Năm 2020, STK đã đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận rất khả quan và tích cực như kế hoạch đưa ra, kết quả hoạt động được HĐQT và Ban Điều Hành đánh giá cao trong bối cảnh toàn thị trường gặp khó khăn.
- Duy trì chế độ lương, thưởng, phúc lợi được chi trả đúng hạn và đúng theo cam kết với người lao động. Bất chấp việc Công ty phải tạm thời thu hẹp sản xuất, ngưng một số máy trong giai đoạn quý 2, quý 3-2020 do tình hình dịch bệnh, Công ty vẫn cố gắng giữ người lao động bằng việc tổ chức các lớp đào tạo nâng cao chuyên môn và tay nghề, duy trì thu nhập cho các công nhân tạm thời bị dôi dư
- Tổ chức nhiều khóa đào tạo kỹ năng nghề và tạo cơ hội tăng thu nhập cho người lao động.
- Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương trực tiếp và gián tiếp.

### V.1 TRÁCH NHIỆM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ: (GRI 201)

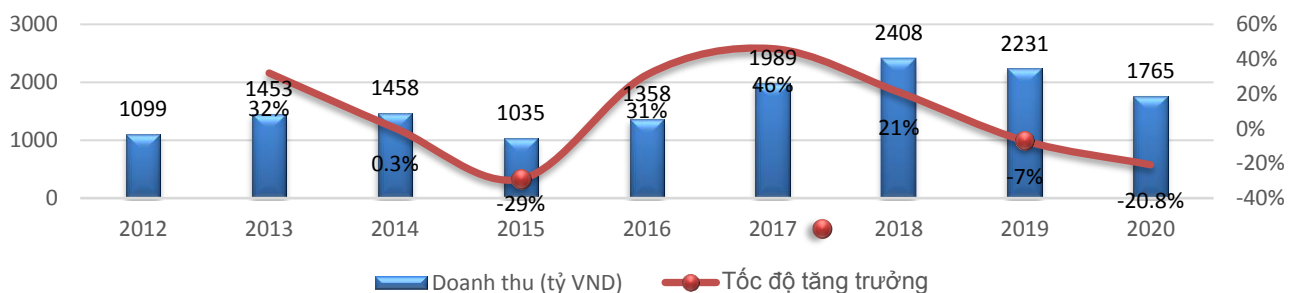
#### V.1.1 GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP TẠO RA VÀ PHÂN PHỐI: (GRI 201-1)

Kết thúc 2020, STK đã xuất sắc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của năm, vượt kế hoạch lợi nhuận và nâng cao thu nhập cho người lao động, thu nhập cho cổ đông, đóng góp nhiều hơn cho ngân sách nhà nước và cho xã hội (tạo nhiều công ăn việc làm hơn).

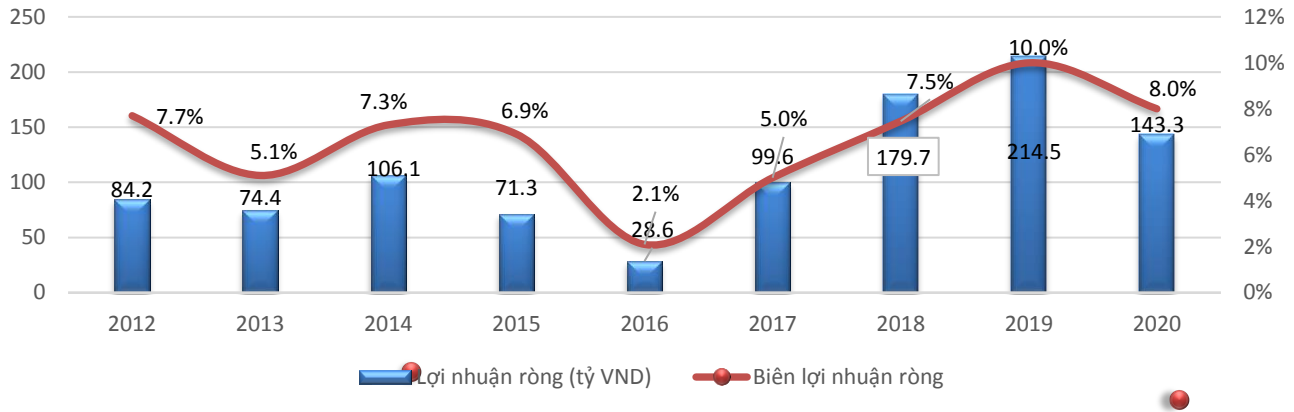
Dưới tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng mạnh đến toàn thị trường:

- Công ty đã đạt được 1.765 tỷ đồng doanh thu thuần, hoàn thành 98,2% mục tiêu doanh thu kế hoạch 2020, vượt mục tiêu lợi nhuận là 9,9% so với kế hoạch năm 2020.
- STK đã mở rộng mạng lưới khách hàng trong nước và quốc tế, phát triển thêm 64 khách hàng mới so với lượng khách hàng đã giao dịch 259 đối tượng.

#### DOANH THU THUẦN:



## LỢI NHUẬN SAU THUẾ, BIẾN LỢI NHUẬN RÒNG:



### V.1.2 CHẾ ĐỘ LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 201-1)

Sự tăng trưởng về kinh tế cũng giúp STK gia tăng các đóng góp cho xã hội và cộng đồng thông qua các đóng góp:

- Đảm bảo chế độ phúc lợi với tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội là 100%, giá trị ước tính 5,3 tỷ đồng;
- Đóng góp Ngân sách Nhà nước thông qua việc tuân thủ nộp thuế trong năm;
- Chi trả cổ tức: 15% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông Công ty cho năm tài chính 2019;
- Tạo ra thêm nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương với chính sách tuyển dụng và đãi ngộ tốt cho người lao động;
- Chi trả lương-thưởng cho người lao động năm 2020 ước tính 107,5 tỷ đồng;
- Thưởng với hơn 2 tháng lương vào Tết Nguyên Đán;
- Chính sách bảo hiểm 24h cho toàn thể CBCNV với tỷ lệ tham gia là 100%;
- Chính sách bồi dưỡng độc hại tại chỗ hàng tháng cho CBCNV bằng hiện vật, chế độ đưa đón CBCNV miễn phí, hỗ trợ miễn phí nhà trọ, phụ cấp điện thoại, tặng quà lễ, tết cho CBCNV;
- Tổ chức du lịch nghỉ mát tại Phú Quốc cho toàn thể CBCNV vào tháng 10-2020;
- Hỗ trợ cho các chương trình giáo dục thông qua việc tặng các xuất học bổng cho các trường trung cấp nghề nhằm nâng cao trình độ cho người dân lao động địa phương.

## V.2 SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG (GRI 202)

### V.2.1 TỶ LỆ CỦA MỨC LƯƠNG KHỞI ĐIỂM THEO GIỚI TÍNH SO VỚI MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU CỦA VÙNG (GRI 202-1)

Công ty xem xét tỷ lệ của mức lương khởi điểm so với mức lương tối thiểu vùng dựa trên địa bàn hoạt động của Công ty tại nhà máy Củ Chi (TP.HCM) và Trảng Bàng (Tây Ninh).

|                                              | Khu vực TP.HCM (VND) | Khu vực Tây Ninh (VND) |
|----------------------------------------------|----------------------|------------------------|
| <b>Lương tối thiểu vùng</b>                  | 4.420.000 đồng/tháng | 3.920.000 đồng/tháng   |
| <b>Mức lương bình quân thấp nhất tại STK</b> | 6.763.800 đồng/tháng | 6.198.400 đồng/tháng   |

| Tên địa điểm | Tỷ lệ theo nam giới (%) | Tỷ lệ theo nữ giới (%) |
|--------------|-------------------------|------------------------|
| TP.HCM       | 73%                     | 27%                    |
| Tây Ninh     | 83%                     | 17%                    |

### V.3 TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP (GRI 203)

#### NHỮNG ĐÓNG GÓP GIÁN TIẾP CỦA STK CHO NỀN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ XÃ HỘI

##### TRONG NĂM 2020

| Khoản mục                                                                                                                               | 2016  | 2017  | 2018  | 2019  | 2020  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Số tiền chi trả cổ tức năm cho cổ đông (tỷ VND)                                                                                         | 23,1  | 16,3  | 46,2  | 102,2 | 98,4  |
| Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động (tỷ VND)                                                                        | 99,8  | 95,9  | 117,7 | 107,7 | 107,5 |
| Doanh thu bán hàng năm (tỷ VND)                                                                                                         | 1.36  | 1.99  | 2.407 | 2.231 | 1.767 |
| Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp (tỷ VND):                                                                                       | 1.99  | 1.44  | 1.855 | 1.484 | 953,5 |
| +Trong đó giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa là                                                                                 | 276,4 | 184,4 | 237,6 | 197,4 | 93,2  |
| Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế Tài nguyên và các loại thuế khác...) (tỷ VND) | 231,6 | 136,1 | 125,4 | 167,8 | 68,5  |

Do ảnh hưởng của dịch bệnh, doanh số và doanh thu bán hàng của Công ty bị suy giảm. Công ty phải tạm thời thu hẹp sản xuất trong quý 2, quý 3-2020. Vì vậy giá trị giao dịch với nhà cung cấp và tiền thuế bị giảm. Tuy nhiên, tổng quỹ lương của Công ty vẫn duy trì bằng với mức của năm 2019.

## TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG – GRI 300



#### Mục tiêu 2020:

- Tiêu hao nguyên vật liệu hợp lý;
- Nâng tỷ trọng vật liệu tái chế được sử dụng;
- Nâng cao tỷ trọng tái sử dụng vật liệu đóng gói;
- Sử dụng nguồn nước hợp lý và tiết kiệm;
- Tái sử dụng nước trong sản xuất;
- Sử dụng nguồn năng lượng hợp lý và tiết kiệm;
- Tiết giảm chi phí điện;
- Giảm thiểu phát thải;
- Giảm phát thải khí nhà kính;
- Không vi phạm luật môi trường về rác thải và nước thải;
- Tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành về môi trường;

#### Kết quả 2020:

- Tỷ lệ tái sử dụng ống giấy POY đạt 21%;
- Tổng lượng nước sử dụng giảm 10% chi phí tiền nước giảm 9%
- Tỷ lệ nước được tuần hoàn và tái sử dụng: 2%
- Lượng điện năng tiêu thụ giảm 16%
- Chi phí tiền điện giảm 16%
- Hệ số phát thải carbon footprint của điện năng giảm 16%;
- Hệ số phát thải carbon footprint của dầu DO cho xe nâng giảm 100%
- Không ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về rác thải và xử lý nước thải;
- Kết quả chỉ số của báo cáo quan trắc môi trường và báo cáo đo đạt môi trường lao động đều nằm trong khung tuân thủ theo quy định và luật môi trường;

### **1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)**

#### **Vật Liệu:**

- Thực hiện đánh giá nhà cung ứng (đợt 1: 01/01 → 15/02, đợt 2: 01/07 → 15/08) dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể về chất lượng nguồn nguyên liệu và tính tuân thủ trách nhiệm xã hội của nhà cung ứng thông qua các tiêu chuẩn áp dụng mới nhất của GRS, ISO, SA 8000;

#### **Nước:**

- Chất lượng nước đầu vào được bộ phận tổng vụ kiểm soát và đánh giá hàng tháng;
- Định kỳ hàng quý Công ty tiến hành thực hiện báo cáo quan trắc môi trường, trong đó nguồn nước sử dụng tại Công ty được lấy mẫu và kiểm tra chất lượng để đảm bảo cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại Công ty;
- Bộ phận Utility và bộ phận tài chính thường xuyên giám sát mức tiêu thụ nước trong sản xuất và sinh hoạt, kịp thời báo động nhằm giảm thiểu lãng phí nguồn nước sạch và tối ưu hóa chi phí sản xuất;

#### **Năng lượng:**

- Không ngừng đưa ra những cải tiến để giảm thiểu tối đa năng lượng sử dụng tại đơn vị;
- Quản lý một cách chặt chẽ việc sử dụng năng lượng theo yêu cầu của pháp luật và quy định của Công ty.
- Thực hiện kiểm toán năng lượng (3 năm/lần): việc kiểm toán năng lượng do cơ quan chức năng có đủ năng lực để đánh giá hiện trạng sử dụng năng lượng của Công ty: điện, dầu DO, xăng; đưa ra các giải pháp khả thi để giảm thiểu tiết kiệm năng lượng, giảm tác hại đến môi trường một cách tối đa nhất.

- Bộ phận Utility lập kế hoạch và báo cáo việc quản lý năng lượng hàng năm và 5 năm, nhằm đưa ra các giải pháp tiết kiệm năng lượng, triển khai kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sau khi thực hiện kế hoạch.
- Định kỳ hàng tháng theo dõi và lưu trữ hồ sơ tiêu thụ năng lượng để kịp thời đưa ra các kế hoạch hành động tiết giảm sử dụng nguồn năng lượng tại Công ty

#### **Phát thải:**

- Thay thế các thiết bị tiêu hao nhiều năng lượng sang các thiết bị tiết kiệm năng lượng (inverter và e-saving technology);
- Bộ phận Utility và bộ phận sản xuất trực tiếp giám sát và kiểm tra mức tiêu hao năng lượng tại Công ty;

#### **Nước thải và chất thải:**

##### **Đối với việc quản lý nguồn nước thải:**

- Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- Nhận diện các nguồn gây ô nhiễm môi trường, thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Đo lượng nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.
- **Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại:** Công ty thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải, sau đó hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- **Đối với chất thải nguy hại:** Công ty có nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định. Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này.

##### **Tuân thủ về môi trường:**

- Tham khảo, cập nhật các quy định, chính sách tuân thủ nghiêm ngặt về môi trường theo tiêu chuẩn luật hiện hành của nhà nước;
- Cam kết tuân thủ mục tiêu phát triển bền vững trong việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS –V4.0;

#### **CHÍNH SÁCH**

- Chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu tại Công ty theo MM- QT- 02;
- Quy trình đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng;
- Quy định đảm bảo chất lượng nước đầu vào từ khu công nghiệp QCVN -02- 2009/BYT;
- Báo cáo quan trắc chất lượng nước định kỳ và báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Chính sách tiết kiệm năng lượng;
- Quy định tắt các thiết bị điện khi không sử dụng;
- Kế hoạch thực hiện tiết kiệm năng lượng 5 năm;
- Chính sách quản lý và xử lý rác thải tại Công ty, quy định tiêu chuẩn chất lượng nước giá trị C, Cột B - QCVN 40:2011/BTNMT;

|                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS 4,0, luật bảo vệ môi trường số: 55/2014/QH13;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>CAM KẾT</b>                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ưu tiên nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện từ nhà cung ứng uy tín chất lượng;</li> <li>- Đảm bảo nguồn nước sạch cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt;</li> <li>- Tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên nước thông qua các biện pháp và sáng kiến tiết kiệm nước;</li> <li>- Sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm; Thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;</li> <li>- Tiết kiệm năng lượng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính CO2;</li> <li>- Quản lý nguồn nước thải và rác thải chặt chẽ, không gây tác động tới môi trường;</li> </ul> |
| <b>MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU</b>                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì sản phẩm một cách ổn định và luôn đạt chất lượng cao;</li> <li>- Cung cấp nguồn nước đạt chất lượng phục vụ sản xuất sản phẩm và đảm bảo sức cho khỏe người lao động;</li> <li>- Giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế việc làm trái đất nóng lên, bảo vệ môi trường và tối ưu hóa chi phí;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>TRÁCH NHIỆM</b>                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>NGUỒN LỰC</b>                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Điều Hành, phòng thu mua, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận Utility, bộ phận ISO, bộ phận sản xuất, bộ phận tài chính và toàn thể CBCNV Công ty.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>CƠ CHẾ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI</b>                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng thu mua, Bộ phận Utility, bộ phận Tổng Vụ, bộ phận sản xuất, ban an toàn - vệ sinh - lao động.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>CÁC BIỆN PHÁP HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ NHƯ CÁC QUY TRÌNH, DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁNG KIẾN</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng quy trình mua hàng, quy trình đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng tại Công ty;</li> <li>- Xây dựng hệ thống đồng hồ đo đặc lượng nước sử dụng;</li> <li>- Giám sát và kiểm tra hệ thống cung cấp nước với Ban quản lý khu công nghiệp;</li> <li>- Xây dựng hệ thống đo lường năng lượng sử dụng tại Công ty;</li> <li>- Xây dựng kế hoạch tiết kiệm năng lượng theo lộ trình 5 năm;</li> <li>- Thay đổi máy móc và thiết bị tiêu hao nhiều điện năng trong sản xuất;</li> </ul>                                                                                                    |

## 2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

- Trong năm 2020, khối lượng nguyên vật liệu sử dụng có giảm so với tiêu thụ năm 2019, chủ yếu do tình hình nhận đơn hàng ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 nên Công ty phải thu hẹp sản xuất trong giai đoạn quý 2, quý 3-2020. Do đó sản lượng sản xuất và nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu đầu vào thấp hơn 2019.
- Cụ thể, ghi nhận mức tiêu hao Polyester chip và dầu tắm sợi giảm 16%, ống giấy giảm 30% và thùng giấy carton tăng 37%.
- Ngoài ra, Công ty cũng tiết kiệm lượng nước sử dụng tại Công ty trong năm 2020. Kết quả ghi nhận tổng lượng nước sử dụng trong năm có giảm 22.349 m<sup>3</sup> so với năm trước.
- Mức tiêu hao năng lượng trên từng kilogram sợi có giảm rõ rệt so với 2019.
- Hệ số Cacbon footprint trên từng kg sợi có giảm rõ rệt so với năm 2019.
- Không có ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ nước thải và rác thải.

- Các kết quả chỉ số đánh giá quan trắc và tác động tới môi trường của Công ty cũng ghi nhận sự tuân thủ và nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước về môi trường.

## V.4 VẬT LIỆU (GRI 301)

### V.4.1 VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO TRỌNG LƯỢNG HOẶC KHỐI LƯỢNG (GRI 301-1)

- Công ty sử dụng nguồn nguyên, vật liệu đầu vào được nhập khẩu từ các nước Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Đức, Thụy Sĩ với quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng phát thải nhà kính ra môi trường.

| Phân loại vật liệu         | STT | Chủng loại Nguyên vật liệu | Nguồn Gốc Vật Liệu       | 2016    | 2017    | 2018    | 2019    | 2020     | Tăng/giảm % 2020/2019 |
|----------------------------|-----|----------------------------|--------------------------|---------|---------|---------|---------|----------|-----------------------|
| Vật liệu không thể tái tạo | 1   | Polyester Chip (tấn)       | Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật | 39.891  | 53.495  | 54.393  | 49.558  | 41.645   | -16%                  |
|                            | 2   | Dầu (tấn)                  | Đài Loan, Nhật, Đức      | 886,6   | 713,4   | 1.026,6 | 903,6   | 760,6    | -16%                  |
| Vật liệu có thể tái tạo    | 3   | Ống giấy (tấn)             | Việt Nam, Đài Loan       | 2.121   | 3.906,6 | 4.456,9 | 3.224,1 | 2.241,89 | -30%                  |
|                            | 4   | Thùng Carton (tấn)         | Việt Nam                 | 1.509,8 | 2.301,3 | 2.054,3 | 1.705,1 | 2.342    | +37%                  |

### V.4.2 VẬT LIỆU TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÔNG TY (GRI 301-2)

- Ngoài ra, để sản xuất sợi recycle thân thiện với môi trường thì Công ty cũng sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là recycle PET chip, với khối lượng sử dụng năm 2020 chiếm khoảng 52% so với tổng tiêu thụ.
- Dây chuyền recycle sợi phế trong sản xuất thành hạt nhựa tái sinh phục vụ nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty có công suất 1.500 tấn/năm giúp giảm thiểu mạnh mẽ tác động đến môi trường, đồng thời giúp Công ty giảm chi phí sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý.

### V.4.3 SẢN PHẨM ĐƯỢC TÁI SỬ DỤNG VÀ VẬT LIỆU ĐÓNG GÓI SẢN PHẨM (GRI 301-2)

- Ngoài hiệu quả sử dụng nguồn nguyên vật liệu chính, Công ty đã ký kết với các đối tác uy tín, chất lượng để cung cấp ống giấy sản xuất, với chất lượng ống giấy tốt thì bình quân hiện nay ống giấy POY sau khi sử dụng có thể tái sử dụng lại 3,7 lần, góp phần giảm thiểu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.
- Trong năm 2020, số lượng ống giấy POY sử dụng là 855.981 ống và trung bình 1 ống giấy POY có thể tái sử dụng lại 3,7 lần; do đó tỷ lệ tái sử dụng nguyên vật liệu (ống giấy) năm 2020 là:

$$\begin{aligned}
 \text{Tỷ lệ tái sử dụng} &= \frac{\text{Số lượng vật liệu tái sử dụng}}{\text{Tổng số lượng vật liệu được sử dụng trong năm}} \\
 &= \frac{\text{Số lượng ống giấy POY} \times \text{số lần tái sử dụng}}{\text{Số lượng ống giấy POY} \times (\text{số lần tái sử dụng}) + \text{số ống giấy DTY} + \text{số ống giấy FDY}} \\
 &= \frac{855.981 \times 3,7}{855.981 \times 3,7 + 12.090.197} = 21\%
 \end{aligned}$$

Tỷ lệ sản phẩm thu hồi để tái chế hoặc nguyên vật liệu thu hồi tái chế năm 2020 là 21%.

## V.5 NƯỚC (GRI 303)

### V.5.1 LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)

|  |                                                                                                                                                                                           |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | NƯỚC BỀ MẶT BAO GỒM NƯỚC TỪ CÁC VÙNG ĐẦM LẦY, SÔNG, HỒ, VÀ ĐẠI DƯƠNG: <b>0 M3</b> (KHÔNG ÁP DỤNG)                                                                                         |
|  | NƯỚC NGẦM: <b>0 M3</b> (KHÔNG ÁP DỤNG)                                                                                                                                                    |
|  | NƯỚC MƯA DO TỔ CHỨC THU THẬP VÀ ÁP DỤNG: <b>0 M3</b> (KHÔNG ÁP DỤNG)                                                                                                                      |
|  | NƯỚC THẢI TỪ TỔ CHỨC KHÁC: <b>0 M3</b> (KHÔNG ÁP DỤNG)                                                                                                                                    |
|  | CÁC NGUỒN CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ HOẶC CƠ SỞ CẤP NƯỚC CÔNG CỘNG HOẶC TƯ NHÂN KHÁC: NGUỒN NƯỚC ĐƯỢC SỬ DỤNG TẠI CÔNG TY ĐƯỢC CUNG CẤP VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BỞI BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP (KCN). |

### V.5.2 LƯỢNG NƯỚC ĐẦU VÀO THEO NGUỒN (GRI 303-1)

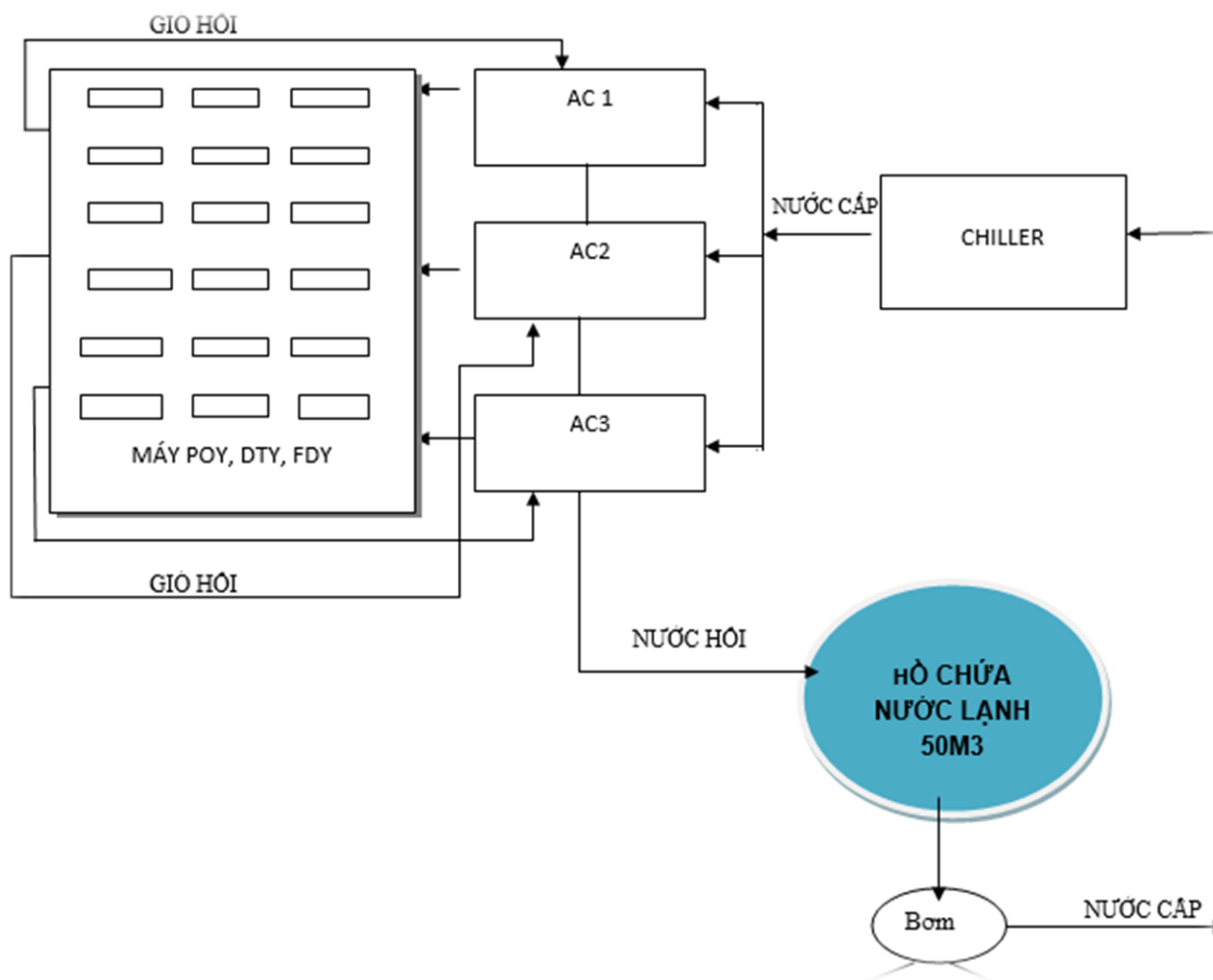
|                    | Đvt                    | 2014    | 2015    | 2016    | 2017    | 2018    | 2019    | 2020    | 2020/2019 |
|--------------------|------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-----------|
| Lượng nước sử dụng | m <sup>3</sup>         | 161.901 | 212.481 | 245.936 | 252.050 | 235.892 | 224.956 | 202.607 | -10%      |
| Chi phí tiền nước  | Tỷ VNĐ                 | 1,09    | 1,6     | 1,9     | 2,01    | 1,89    | 1,61    | 1,46    | -9%       |
| Mức tiêu hao nước  | m <sup>3</sup> /kg sợi | 0,003   | 0,004   | 0,003   | 0,0026  | 0,0028  | 0,0023  | 0,0022  | -4%       |

- Trong năm 2020, mức tiêu hao nước sử dụng giảm 10% so với năm 2019.
- Lượng nước sử dụng đã giảm 22.349 m<sup>3</sup> so với năm 2019, tiết kiệm được 197,6 triệu
- Lượng nước tiêu hao trên 1 kg sợi cũng giảm 4% so với năm 2019 thông qua nỗ lực liên tục thực hiện và cải tiến các kế hoạch tiết kiệm nước sử dụng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

### V.5.3 TUẦN HOÀN VÀ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC (GRI 303-3)

Tại STK, Công ty có hệ thống điều không khép kín, nước cấp sau khi đi qua Chiller để đến phòng AC sẽ được hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 875 m<sup>3</sup> nước.





(Sơ đồ hệ thống điều không tại STK)

Năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp tái sử dụng và tiết kiệm nước:

| STT | Giải pháp                                                            | Hiệu quả                                                                                                                                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tại nhà máy Củ Chi: Duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ AC 1, 2, 4, 5. | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm tiết kiệm được 1.619 m<sup>3</sup> nước tương đương 15.710.000 VND/năm.</li> </ul> |
| 2   | Tại nhà máy Trảng Bàng: Duy trì tái sử dụng nước ngưng tụ AC 4,5     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm được 2.372,5 m<sup>3</sup>/năm tương đương 16.607.500VND/năm</li> </ul>            |

$$\text{Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng} = \frac{\text{Khối lượng nước tuần hoàn và tái sử dụng}}{\text{Tổng khối lượng nước đầu vào}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ phần trăm của nước tuần hoàn và tái sử dụng} = \frac{3.992}{202.607} \times 100 = 2\%$$

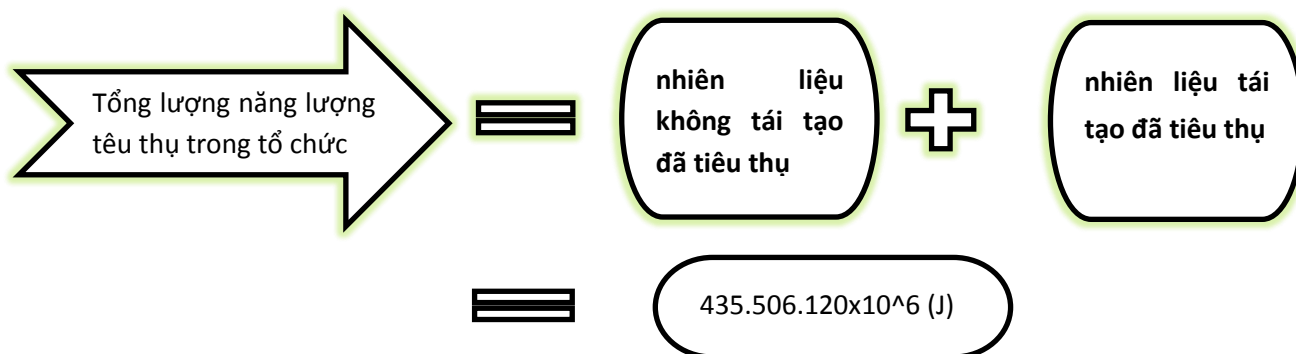
## V.6 NĂNG LƯỢNG (GRI 302)

### V.6.1 TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG TỔ CHỨC (GRI 302-1)

- Công ty chỉ sử dụng nguồn nhiên liệu điện năng và dầu DO trong các hoạt động sản xuất của mình. Trong đó:
- Nguồn nhiên liệu không tái tạo: **dầu DO**. Khối lượng dầu do sử dụng trong năm: **5 tấn**.
- Nguồn nhiên liệu tái tạo: **điện**;

**Khối lượng điện tiêu thụ trong năm 2020:**

|                           | Đơn vị | 2015      | 2016      | 2017      | 2018      | 2019      | 2020      | Tăng/giảm %<br>2020/2019 |
|---------------------------|--------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------------------------|
| <b>Lượng điện sử dụng</b> | Mwh    | 101.936,3 | 120.743,8 | 145.585,9 | 152.778,6 | 143.977,9 | 120.973,9 | -16%                     |
| <b>Chi phí tiền điện</b>  | tỷ VNĐ | 149,8     | 180,8     | 219,9     | 234,5     | 232,2     | 196,1     | -16%                     |



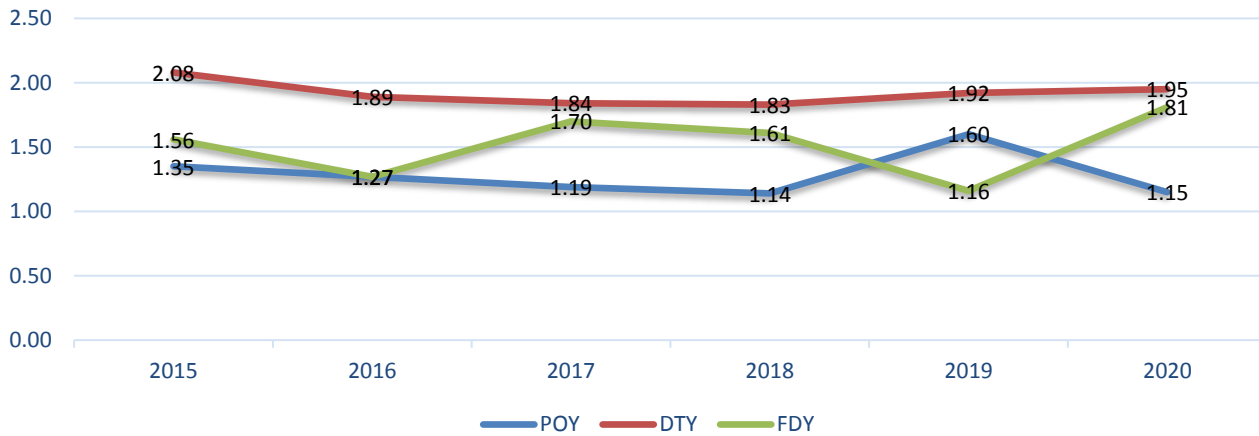
#### Chú thích:

- <https://bachhopsc.com.vn/dac-tinh-co-ban-cua-gas/> (quy đổi 1 kg dầu DO về 1 kcal);
- <https://www.convertworld.com/vi/nang-luong/j.html> (quy đổi 1 kcal về 1 kJ);
- <http://www.saigonpetro.com.vn/linh-vuc-hoat-dong/95/diezen-do.html> (khối lượng riêng của dầu DO = 820-860 kg/m<sup>3</sup> - QCVN 01:2015/BKHCN).

### V.6.2 CƯỜNG ĐỘ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG (GRI 302-3)

- Công ty có 3 loại sợi sản phẩm chính: sợi POY, sợi DTY và sợi FDY.
  - Công ty xây dựng hệ thống giám sát và đo đạt mức tiêu thụ năng lượng (kwh) trên từng đơn vị sản phẩm (kg).
- Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm:**

## Điện Tiêu Hao Trên Từng Sản Phẩm (Kwh/Kg Sợi)



Liệu có thể giải thích lý do mức tiêu hao điện của FDY biến động nhiều như vậy ko? Sao có năm chỉ 1.27, 1.16 mà có năm lại là 1.7, 1.6, 1.8?

Lượng điện năng tiêu hao trên 1 kg sợi FDY có tăng cao so với năm 2019, chủ yếu do trong Q2-Q3.2020 Công ty có kết hợp việc chạy thử và phát triển mẫu sản phẩm FDY mới, khiến mức tiêu hao điện năng trên 1 kg sợi FDY có tăng so với năm 2019.

Công ty thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện đã đề ra năm 2020:

| STT | Giải pháp                                                                                                                                                                                | Tình trạng thực hiện                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Gắn biến tần cho quạt thổi AC 1, 2, 3, tại nhà máy Củ Chi.</li> <li>Gắn biến tần motor hút dầu thải cho 16 máy DTY tại nhà máy Củ Chi.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiết kiệm được 38.016 kwh/năm tương đương 62.840.000 VND.</li> <li>Tiết kiệm được là 2.211 Kwh/năm tương đương 3.600.000 đồng/năm.</li> </ul> |
| 2   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Gắn inverter bơm nước lạnh, bơm giải nhiệt máy lạnh DTY, POY nhà máy TB3.</li> </ul>                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiết kiệm 1.074.240 kw/năm.</li> <li>Tiết kiệm 1,775,718,720 VND/năm.</li> </ul>                                                              |

### Giải pháp tiết kiệm điện năm 2021

Trong năm 2021, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

| STT | Giải pháp                                                                                                                                                                                                | Hiệu quả                                                                                                                    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tại nhà máy Củ Chi: <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện gắn biến tần cho hệ thống bơm phun sương AC 1,2,3, bơm nước lạnh máy lạnh York.</li> <li>Gắn biến tần cho quạt thổi AC5.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện tiết kiệm được 38kw/h.</li> <li>Thực hiện tiết kiệm được 6kw/h.</li> </ul> |
| 2   | Tại nhà máy Trảng Bàng: <ul style="list-style-type: none"> <li>Gắn inverter phun sương AC 4,5 TB1,2.</li> </ul>                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiết kiệm 15kw/h</li> </ul>                                                          |
| 3   | Tại nhà máy Trảng Bàng: Gắn inverter phun bơm giải nhiệt máy lạnh DTY TB1,2                                                                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tiết kiệm 18kw/h</li> </ul>                                                          |

### Dự án năng lượng mặt trời áp mái tại nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng

Trong Q4-2020, Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng. Dự kiến, sau khi hoàn thành việc lắp đặt vào cuối Q1.2021, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10%.



## V.7 PHÁT THẢI (GRI-305)

### V.7.1 PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP TỪ NĂNG LƯỢNG (GRI 305-2)

- Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi hay than đá trong hoạt động sản xuất.
- Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải.
- Ngoài ra, còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Một số biện pháp Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:
  - ❖ Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
  - ❖ Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO bằng cách sử dụng các loại xe điện.
  - ❖ Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.
- Trong 2020, hệ số cacbon footprint của Công ty giảm so với năm 2019.
- Hệ số carbon footprint về điện năng trên từng kg sợi có tăng so với năm 2019 (DTY tăng 2%, FDY 56%), chủ yếu do Công ty thực hiện sản xuất thử nghiệm các loại sợi đặc biệt và có giá trị gia tăng cao.
- Chỉ số cacbon footprint cho dầu Diesel dùng cho xe nâng đã giảm 100% so với năm 2019, do Công ty thay thế các xe nâng chạy dầu bằng xe nâng sử dụng điện để tăng cao hiệu suất nâng hàng và tính cơ động trong vận hành, giảm thiểu tác động tới môi trường.

**SỐ LIỆU CACBON FOOTPRINT CỦA STK TRONG NĂM 2020 NHƯ SAU:**

|                                                | Lượng tiêu thụ 2020 | Nhiệt trị, giá trị thấp (TJ/t) | Hệ số phát thải CO <sub>2</sub> (cho giá trị thấp) | Phát thải 2016                  | Phát thải <sup>1</sup> 2017     | Phát thải 2018                   | Phát thải 2019                  | Phát thải 2020                  | Tăng/giảm % 2020/2019 |
|------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Điện năng</b>                               | 120.973,9 MWh/năm   |                                | 0,6612 <sup>2</sup> (tCO <sub>2</sub> e/MWh)       | 79.836 (tCO <sub>2</sub> e/năm) | 96.261 (tCO <sub>2</sub> e/năm) | 101.017 (tCO <sub>2</sub> e/năm) | 95.197 (tCO <sub>2</sub> e/năm) | 79.987 (tCO <sub>2</sub> e/năm) | -16%                  |
| <b>Trong đó, phát thải cacbon trên 1kg sợi</b> |                     |                                |                                                    |                                 |                                 |                                  |                                 |                                 |                       |
| - <b>POY</b>                                   | 0.00115 Mwh/kg      |                                | 0,6612(tCO <sub>2</sub> e /MWh)                    | 0.00084 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00078 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00075 (tCO <sub>2</sub> e/kg)  | 0.00105 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00076 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | -28%                  |
| - <b>DTY</b>                                   | 0.00195 Mwh/kg      |                                | 0,6612(tCO <sub>2</sub> e /MWh)                    | 0.00125 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00121 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00121 (tCO <sub>2</sub> e/kg)  | 0.00127 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00128 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | +2%                   |
| - <b>FDY</b>                                   | 0.00181 Mwh/kg      |                                | 0,6612(tCO <sub>2</sub> e /MWh)                    | 0.00084 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00112 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00106 (tCO <sub>2</sub> e/kg)  | 0.00076 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | 0.00119 (tCO <sub>2</sub> e/kg) | +56%                  |
| <b>Dầu Diesel để chạy xe nâng</b>              | 0 (t/năm)           | 0,043 (TJ/t) <sup>3</sup>      | 74,1 (tCO <sub>2</sub> e/TJ) <sup>4</sup>          | 95 (tCO <sub>2</sub> e/năm)     | 79,01 (tCO <sub>2</sub> e/năm)  | 14,26 (tCO <sub>2</sub> e/năm)   | 3,52 (tCO <sub>2</sub> e/năm)   | 0                               | -100%                 |

#### **Các thông số và kết quả quan trắc khí thải trong năm 2020:**

***(Xem thêm kết quả quan trắc chất lượng không khí tại Phụ Lục 1)***

### **V.8 NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI (GRI 306)**

#### **V.8.1 TỔNG LƯỢNG NƯỚC THẢI THEO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐỊA ĐIỂM (GRI 306-1)**

**Bảng thống kê lượng nước thải:**

|                        | Đvt            | 2015           | 2016   | 2017   | 2018   | 2019   | 2020   |
|------------------------|----------------|----------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| <b>Lượng nước thải</b> | Củ Chi         | m <sup>3</sup> | 11.482 | 6.137  | 6.188  | 6.173  | 5.843  |
|                        | Trảng Bàng 1,2 | m <sup>3</sup> | 14.581 | 9.462  | 12.988 | 11.222 | 14.907 |
|                        | Trảng Bàng 3   | m <sup>3</sup> | 4.431  | 17.724 | 12.786 | 9.537  | 13.520 |

<sup>1</sup> Công thức tính phát thải cacbon như sau:

- Đối với điện năng: Phát thải (tCO<sub>2</sub>e/năm) = Tiêu thụ (Mwh/năm) \* Hệ số phát thải CO<sub>2</sub> (tCO<sub>2</sub>e/Mwh)

- Đối với dầu Diesel: Phát thải (tCO<sub>2</sub>e/năm) = Tiêu thụ (t/năm) \* Hệ số phát thải CO<sub>2</sub> (tCO<sub>2</sub>e/TJ) \* Nhiệt trị, giá trị thấp (TJ/t)  
 Hệ số phát thải (Emission factor- EF) áp dụng cho năm 2014, được công bố bởi DNA Việt Nam (thuộc Bộ TNMT) vào tháng 05/2016.

<sup>3</sup> Nhiệt trị, giá trị thấp cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006

<sup>4</sup> Hệ số phát thải cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006

|                          |                |                |        |        |        |        |        |        |
|--------------------------|----------------|----------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
|                          | Tổng cộng      | m <sup>3</sup> | 30.494 | 33.323 | 31.961 | 26.932 | 26.617 | 34.269 |
| <b>Chi phí nước thải</b> | Củ Chi         | Triệu VNĐ      | 53,8   | 32,4   | 34,4   | 33,8   | 53,9   | 49,6   |
|                          | Trảng Bàng 1,2 | Triệu VNĐ      | 217,9  | 127,9  | 108,6  | 87,2   | 72,9   | 114,4  |
|                          | Trảng Bàng 3   | Triệu VNĐ      | 31,6   | 139,9  | 129,9  | 72,5   | 67,6   | 103,7  |
|                          | Tổng cộng      | Triệu VNĐ      | 303,4  | 300,4  | 273    | 193,6  | 194,5  | 267,8  |

**Các thông số và kết quả quan trắc nước thải trong năm 2020:**

**(Xem thêm kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại Phụ Lục 2)**

## V.8.2 TỔNG LƯỢNG CHẤT THẢI THEO LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ (GRI 306-2)

| Tên chất thải                                                                | Mã CTNH  | Số lượng (kg) | Phương pháp xử lý | Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH              |
|------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------|-------------------|----------------------------------------------|
| <b>Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu)</b>           | 18 02 01 | 552           | Thiêu đốt         | Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM         |
| <b>Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (bình mực máy in, máy fax)</b> | 08 02 04 | 3             | Thiêu đốt         | Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM         |
| <b>Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (dầu thải)</b>              | 17 02 03 | 15            | Thiêu đốt         | Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM         |
| <b>Bóng đèn huỳnh quang thải</b>                                             | 16 01 06 | 40            | PH-HR-C           | Cty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM         |
| <b>Bao bì cứng thải bằng kim loại (phuy sắt)</b>                             | 18 01 02 |               | Tái chế           | Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc |
| <b>Bao bì cứng thải bằng nhựa (phuy nhựa)</b>                                | 18 01 03 | 13.042        | Tái chế           | Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc |
| <b>Tổng số lượng</b>                                                         |          | 13.652        |                   |                                              |

- Tại Công ty, các loại rác thải từ các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Công ty đều được phân loại và giám sát một cách chặt chẽ theo quy trình phân loại thác thải ban hành của tiêu chuẩn GRS 4,0 – waste management.
- Công ty ký kết hợp đồng với các đơn vị xử lý chất thải, trong đó:
  - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại - đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP, HCM.**
  - Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, rắn công nghiệp – đơn vị đảm trách: **Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Huyện Củ Chi và Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc.**
- Công ty định kỳ lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại đến Sở Tài Nguyên Môi Trường TP, HCM và Tây Ninh.
- Công ty đăng ký sổ chủ nguồn chất thải nguy hại với mã số - QLCTNH79,002938, T (cấp lần 3).

### V.8.3 SỰ CỐ TRÀN ĐÁNG KỂ (GRI 306-3)

- Công ty không ghi nhận bất kỳ sự cố tràn đổ hóa chất hoặc rò rỉ nước thải trong năm 2020.
- Công ty tuân thủ việc lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng theo quy định của tiêu chuẩn GRS và luật môi trường hiện hành.

### V.8.4 VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI (GRI 306-4)

- Công ty trang bị nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định.
- Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải.
- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (**Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP, HCM**) thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này – Xem thêm mục **Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý (GRI 306-2)**.

## V.9 TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307)

### V.9.1 KHÔNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG (GRI 307-1)

- Tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/ năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ, các chỉ số về môi trường vẫn nằm trong giới hạn quy định.
- Ban QLCCN và cảnh sát môi trường địa phương không ghi nhận trường hợp vi phạm quy định về môi trường.
- Trường hợp vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường: **0** có trường hợp.

## TRÁCH NHIỆM VỀ LAO ĐỘNG - XÃ HỘI GRI 400





#### Mục tiêu 2020:

- Đảm bảo chính sách phúc lợi cho người lao động; giảm tỷ lệ biến động nhân sự;
- Tăng số giờ đào tạo trung bình; xây dựng nhiều chương trình đào tạo nâng cao cho người lao động;
- Tạo cơ hội thăng tiến cho người lao động; giảm số vụ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- Đảm bảo tất cả người lao động được trang bị kiến thức an toàn-vệ sinh-lao động và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;
- Cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn sức khỏe cho khách hàng;
- Phát triển cộng đồng địa phương; đảm bảo chống tham nhũng;

#### Kết quả 2020:

- Tăng lương bình quân 5% cho người lao động; thưởng Tết hơn 2 tháng lương cho người lao động;
- Tỷ lệ biến động nhân sự tăng 6,7% so với năm trước; số giờ đào tạo trung bình tăng 54% so với năm trước;
- Tổ chức hơn 10 khóa đào tạo nâng cao tay nghề; tỷ lệ người lao động được đánh giá để phát triển nghề nghiệp 100%;
- Số vụ tai nạn và bệnh nghề nghiệp: 0 vụ; tỷ lệ người lao động được huấn luyện AT-VS-LĐ: 100%;
- Kết quả báo cáo đo đạt môi trường lao động đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước;
- Không có vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ;
- Trao học bổng cho các trường cao đẳng địa phương: 18 suất học bổng;
- Số vụ tham nhũng: 0 vụ;

### **1. Phương pháp quản trị (GRI 103-2)**

#### **VIỆC LÀM:**

- Duy trì và phát triển các tiêu chí của chính sách tuyển dụng lao động.
- Đảm bảo quy trình tuyển dụng được dựa trên nhu cầu sử dụng lao động thực tế của Công ty.
- Cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển.
- Cam kết không sử dụng lao động trẻ em (dưới 18 tuổi).

#### **GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO:**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và kết hợp với các đơn vị bên ngoài để xây dựng các khóa đào tạo cho toàn bộ CBCNV.

#### **AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP:**

- Tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan.
- Nhận diện, đánh giá và có biện pháp phòng tránh và kiểm soát các rủi ro trước khi bắt đầu mọi công việc.
- Các thiết bị bảo hộ lao động được cung cấp cho người lao động đầy đủ.
- Đảm bảo cung cấp các phương tiện hỗ trợ y tế cần thiết cho tất cả người lao động.
- Cung cấp đầy đủ thiết bị, phương tiện đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.
- Đảm bảo người lao động được đào tạo, huấn luyện đầy đủ trước khi làm việc.
- Huấn luyện về sức khỏe, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, quản lý chất thải, vận chuyển và xử lý hóa chất và các nguyên vật liệu nguy hiểm cho người lao động và các cấp quản lý theo quy định pháp luật hiện hành.
- Tuyên truyền chính sách đến tất cả mọi người.
- Đảm bảo tính tuân thủ của mọi người, mọi cấp trong Công ty với chính sách này.



- Tham vấn các chính sách liên quan để các bên có thể kịp thời đóng góp và nâng cao tính hiệu quả áp dụng của các chính sách trong hoạt động sản xuất của công ty.

#### **AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG:**

- Đầu tư máy móc và công nghệ từ tập đoàn hàng đầu châu Âu Oerlikon Barmag.
- Xây dựng hệ thống điều khiển trung tâm Plant Operation Center (“POC”) – hệ thống tự động hóa và áp dụng trong sản xuất.
- **Áp dụng các phương thức quản trị hiện đại:**
  - ✓ ISO 9001- 2015, ISO 27001: Đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng qui trình đã thiết lập và chuẩn mực của ngành.
  - ✓ GRS V4,0: Nhằm để kiểm soát và đảm bảo quá trình sản xuất và kinh doanh sợi recycled thực hiện đúng, đầy đủ theo tiêu chuẩn.
  - ✓ 5S: Giúp tạo dựng môi trường làm việc an toàn, thuận tiện, sạch sẽ, ngăn nắp và loại bỏ những thứ không cần thiết nhằm gia tăng hiệu quả công việc, giảm thời gian lãng phí, là nền tảng cơ bản để có thể thực hiện những phương thức khác ở mức cao hơn là Kaizen và sản xuất tinh gọn (“LEAN”).
  - ✓ Kaizen: Liên tục cải tiến qui trình hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng sản phẩm.
  - ✓ Sản xuất tinh gọn: là phương pháp cải tiến có hệ thống, liên tục tập trung vào việc loại bỏ các lãng phí trong quá trình sản xuất, giúp tối ưu hóa nguồn lực, rút ngắn chu kỳ sản xuất đồng thời tăng khả năng đáp ứng một cách linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và khắt khe của khách hàng.

#### **CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG:**

- Cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế bền vững và các hoạt động đóng góp cho lợi ích của cộng đồng và xã hội.
- Xây dựng ngân sách cho việc phát triển các dự án cộng đồng như quỹ trao học bổng cho các học sinh-sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại các trường trung cấp và cao đẳng tại địa phương.

|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Chính sách</b>           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sách và quy trình tuyển dụng tại Công ty;</li> <li>- Kế hoạch đào tạo năm 2020;</li> <li>- Chính sách an toàn – vệ sinh – lao động theo tiêu chuẩn GRS 4.0;</li> <li>- Quy định về an toàn lao động theo nghị định 44/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Quy trình và chính sách của hệ thống ISO 9001-2015, GRS v4.0, 5s, Reach 168, OEKO – TEX 100;</li> <li>- Chính sách phát triển cộng đồng địa phương theo tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội của GRS v4.0;</li> </ul> |
| <b>Cam kết</b>              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng và đảm bảo môi trường làm việc công bằng, minh bạch với người ứng tuyển;</li> <li>- Cam kết xây dựng môi trường làm việc an toàn và thoải mái nhất đối với người lao động;</li> <li>- Cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng và an toàn tuyệt đối đến khách hàng;</li> <li>- Cam kết thực hiện trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương;</li> </ul>                                     |
| <b>Mục tiêu và chỉ tiêu</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì nguồn nhân lực ổn định cho toàn Công ty;</li> <li>- phát triển nguồn nhân lực ổn định có tay nghề cao;</li> <li>- Giảm thiểu rủi ro về an toàn lao động cho người lao động;</li> <li>- Thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nâng cao uy tín trên thị trường;</li> </ul>                                                                                                                                                                                         |

|                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                           | - Nâng cao mức thu nhập, trình độ dân trí và điều kiện sống của người lao động địa phương;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Trách nhiệm</b>                                                                        | - Tổng Giám Đốc, Ban Điều Hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>Nguồn lực</b>                                                                          | - Ban Điều Hành, phòng nhân sự, bộ phận tuyển dụng, bộ phận đào tạo, cán bộ chuyên trách an toàn- vệ sinh- lao động, mạng lưới vệ sinh viên, công đoàn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại</b>                                           | - Phòng nhân sự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>Các biện pháp hành động cụ thể như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng quy trình tuyển dụng minh bạch;</li> <li>- Cải thiện chính sách phúc lợi và thăng tiến để duy trì nguồn nhân lực ổn định;</li> <li>- Phối hợp với công đoàn xây dựng quy chế dân chủ và thảo ước lao động tập thể;</li> <li>- Xây kế hoạch đào tạo cho từng năm;</li> <li>- Thực hiện kiểm định an toàn máy móc, thiết bị định kỳ;</li> <li>- Huấn luyện an toàn - vệ sinh - lao động định kỳ cho toàn thể người lao động;</li> <li>- Tập huấn định kỳ sơ cấp cứu và phòng cháy chữa cháy cho toàn thể Công ty;</li> <li>- Xây dựng hệ thống chính sách và quy trình hướng dẫn an toàn - vệ sinh - lao động tại Công ty;</li> <li>- Cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho người lao động;</li> <li>- Định kỳ hàng năm đánh giá các chứng chỉ chất lượng và đảm bảo an toàn không sử dụng hóa chất độc hại trong sản phẩm;</li> <li>- Xây dựng các quỹ trợ cấp học bổng cho học sinh/sinh viên;</li> </ul> |

## 2. Đánh giá về phương pháp quản trị (GRI 103-3)

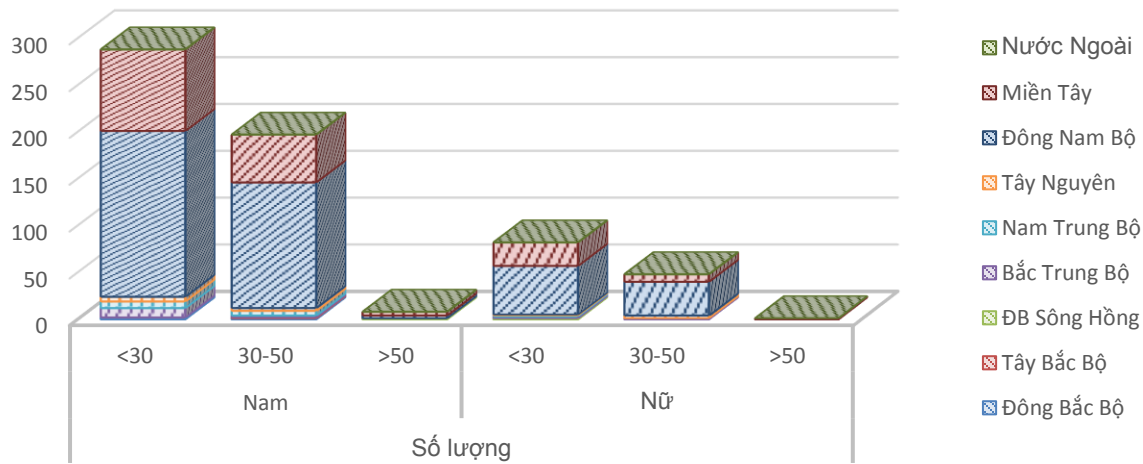
- Chính sách về lương thưởng, phúc lợi được cải thiện so với năm trước, góp phần khích lệ, nâng cao đời sống của người lao động, tạo cơ hội cho người lao động làm việc cũng như gắn kết được lợi ích của doanh nghiệp với người lao động.
- Tỷ lệ biến động nhân sự năm 2020: 27,97% tăng 6,37% so với 2019, chủ yếu do ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19.
- Các chương trình/khóa đào tạo mà Công ty đã tổ chức góp phần gia tăng hiệu suất làm việc của người lao động thông qua hoàn thành mục tiêu KPIs chung của Công ty theo kế hoạch đặt ra.
- Số vụ tai nạn lao động ghi nhận qua các năm và số giờ làm thêm bình quân của người lao động đều có giảm đáng kể;
- Các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và địa phương còn được đẩy mạnh hơn thông qua hoạt động tài trợ cho các quỹ học bổng tại các trường học địa phương và tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn cho người lao động địa phương từ các dự án mới của Công ty.

## V.10 VIỆC LÀM (GRI 401)

### V.10.1 SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI VÀ TỶ LỆ THÔI VIỆC (GRI 401-1)

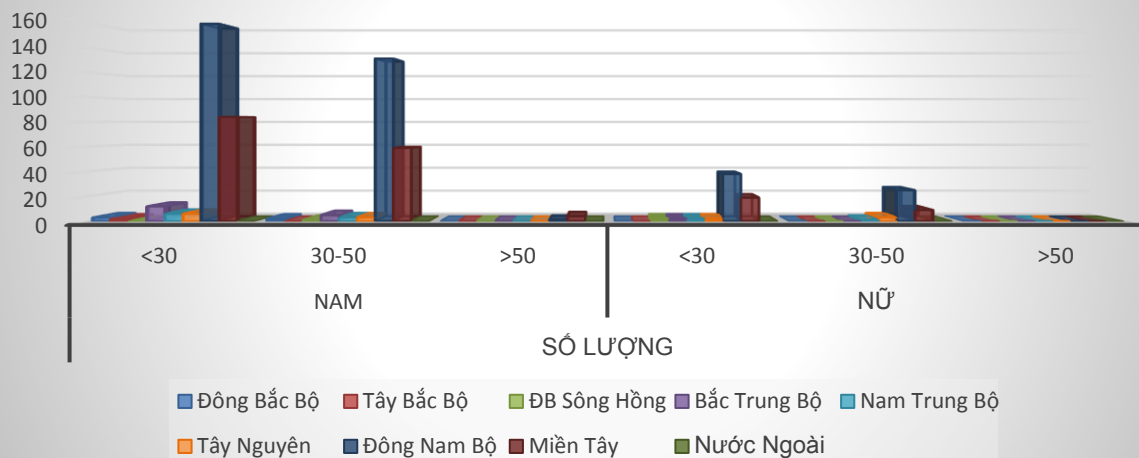
Tổng số lượng nhân viên thuê mới trong kỳ báo cáo:

## SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THUÊ MỚI



Tổng số lượng nhân viên thôi việc trong kỳ báo cáo:

## TỶ LỆ BIẾN ĐỘNG NHÂN SỰ THEO ĐỊA LÝ

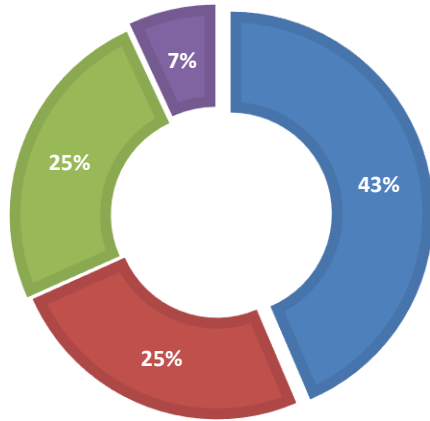


Số liệu cho thấy tỷ lệ biến động nhân sự cao nhất là ở nhóm nam giới, độ tuổi <30 và ở nhóm Đông Nam bộ và Miền Tây?

Thông tin tổng quan về lao động chính thức đến hết 31/12/2020: **1.031** nhân viên

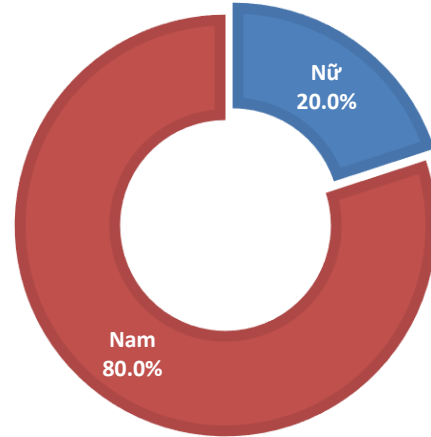
## TRÌNH ĐỘ

■ Tự đào tạo ■ Sơ cấp ■ Trung cấp/Cao đẳng ■ Đại học t



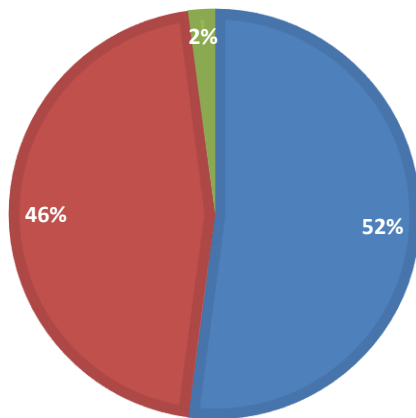
## GIỚI TÍNH

■ Nữ ■ Nam



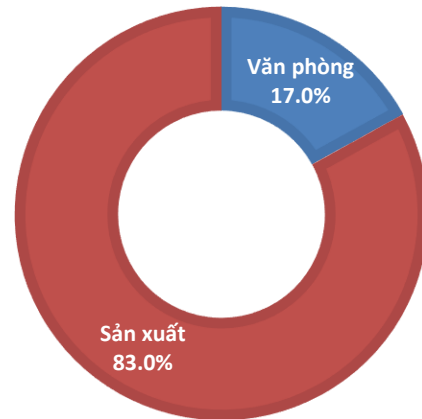
## CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO ĐỘ TUỔI

■ 18-30 tuổi ■ 30-50 tuổi ■ 50 tuổi trở lên



## CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO KHỐI CHỨC NĂNG

■ Văn phòng ■ Sản xuất



### V.10.2 PHÚC LỢI CUNG CẤP CHO NHÂN VIÊN TOÀN THỜI GIAN KHÔNG DÀNH CHO NHÂN VIÊN TẠM THỜI HOẶC BÁN THỜI GIAN (GRI 401-2)

#### Thời gian làm việc

- Công ty không sử dụng lao động bán thời gian và lao động tạm thời.

- Công ty cam kết tất cả lao động làm việc ở Công ty đều được hưởng chính sách phúc lợi theo đúng quy định của Công ty.
- Giờ làm việc tại Công ty được đảm bảo là 08 giờ/ ngày, 06 ngày/ tuần, khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7.
- Do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca
- Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.

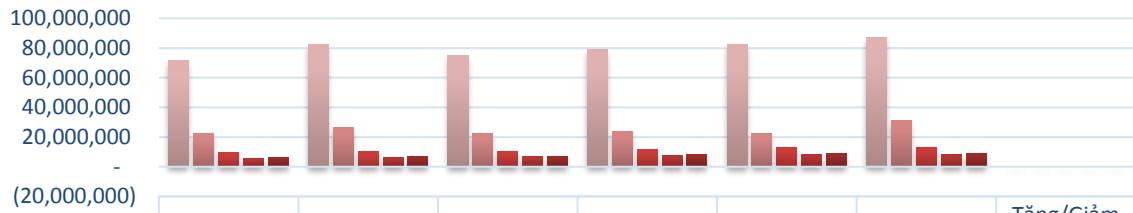
### Lương cơ bản

- Công ty cam kết luôn căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng theo từng năm để xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước.
- Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương của Công ty.
- Người lao động hàng năm luôn được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.
- Cam kết không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên đối với các biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

### Lương thực lãnh

| Khối văn phòng                                                                                                                  | Khối sản xuất                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc. | Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm. |

## Thu nhập người lao động qua từng năm



|                       | 2015       | 2016       | 2017       | 2018       | 2019       | 2020       | Tăng/Giảm<br>(2020/2019<br>) |
|-----------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------------------------|
| ■ Quản lý cấp cao     | 71,324,909 | 82,387,113 | 75,007,087 | 79,118,045 | 82,492,995 | 87,067,301 | 5.5%                         |
| ■ Quản lý cấp trung   | 22,504,798 | 26,486,189 | 22,651,582 | 23,489,941 | 22,270,152 | 31,107,245 | 39.7%                        |
| ■ Quản lý cấp cơ sở   | 9,393,768  | 10,064,782 | 10,549,342 | 11,749,287 | 13,201,616 | 12,790,734 | -3.1%                        |
| ■ Nhân viên văn phòng | 5,831,010  | 6,541,751  | 6,947,033  | 7,686,569  | 8,230,072  | 8,009,642  | -2.7%                        |
| ■ Công nhân           | 6,352,922  | 6,789,084  | 7,176,374  | 8,526,766  | 8,997,644  | 9,011,506  | 0.2%                         |

- Đánh giá sự thay đổi tình hình mức thu nhập bình quân của khối quản lý cấp cao và cấp trung tại doanh nghiệp trong 2020 có sự tăng trưởng bình quân 22,5% so với năm 2019.

- Sự thay đổi thu nhập bình quân khối quản lý cơ sở và nhân viên văn phòng thấp hơn so với cùng kỳ chủ yếu do biến động nhân sự với các bậc lương mới vào thấp hơn những nhân viên đã làm lâu trước đó.

### Tiền thưởng

Theo quy chế thưởng, Công ty có các loại tiền thưởng như sau:

- Thưởng tác nghiệp viên;
- Thưởng chấp hành nội quy;
- Thưởng hoàn thành nhiệm vụ;
- Thưởng bậc tay nghề;
- Thưởng theo doanh số bán hàng;
- Thưởng hiệu quả mua hàng;
- Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng;
- Thưởng các ngày Lễ;

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB-CNV:

- Thưởng Tết;
- Thưởng đột xuất theo hiệu quả hoạt động và kết quả doanh thu của Công ty trong năm;

### Chế độ bảo hiểm

- Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là **100%**.
- Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

## Phúc lợi

- Hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV, ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên.
- Đài thọ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...
- Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp.
- Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn công ty.
- Du lịch và nghỉ mát định kỳ cho tất cả CBCNV.



### V.10.3 NGHỈ THAI SẢN (GRI 401-3)

|                                                                                                                     |     |      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------|
| Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản                                                                          | Nam |      |
|                                                                                                                     | Nữ  | 17   |
| Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản                                                                                  | Nam |      |
|                                                                                                                     | Nữ  | 17   |
| Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản                                 | Nam |      |
|                                                                                                                     | Nữ  | 7    |
| Tổng số nhân viên quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng | Nam |      |
|                                                                                                                     | Nữ  | 7    |
| Tỷ lệ quay lại làm việc                                                                                             | Nam |      |
|                                                                                                                     | Nữ  | 41%  |
| Tỷ lệ giữ chân nhân viên                                                                                            | Nam |      |
|                                                                                                                     | Nữ  | 100% |

### V.11 GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (GRI 404)

#### V.11.1 SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TRUNG BÌNH MỖI NĂM CHO MỖI NHÂN VIÊN (GRI 404-1)

Công ty tổ chức các khóa đào tạo cho toàn thể CBCNV trong năm. Vì vậy, số giờ đào tạo trung bình theo cấp bậc nhân viên và giới tính đều bằng nhau:

| 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|------|------|------|------|------|------|
|------|------|------|------|------|------|

|                                                                                    |             |       |        |        |       |             |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|--------|--------|-------|-------------|
| Số lượng khóa đào tạo                                                              | 45          | 21    | 20     | 22     | 21    | 52          |
| Đào tạo nội bộ                                                                     | 37          | 17    | 13     | 15     | 12    | 44          |
| Thuê ngoài                                                                         | 8           | 4     | 7      | 7      | 9     | 8           |
| Ngân sách dành cho đào tạo (triệu đồng)                                            | 809,7       | 439,8 | 175    | 184,8  | 205,8 | 133,9       |
| Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng)                                       | 351,2       | 44,1  | 158,4  | 51,3   | 43,4  | 17,5        |
| Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (triệu đồng) (bao gồm lương cho nhân viên đào tạo) | 1,2 tỷ đồng | 900,5 | 821    |        | 973,4 | 1,1 tỷ đồng |
| Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách                                                 | 43%         | 10%   | 87%    | 28%    | 21%   | 13%         |
| Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)                                          | 188,27      | 207,2 | 222,34 | 130,83 | 138,4 | 212,5       |

#### **V.11.2 CÁC CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO KỸ NĂNG CHO NHÂN VIÊN VÀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CHUYỂN TIẾP (GRI 404-2)**

Công ty tổ chức các chương trình đào tạo với khung nội dung liên quan đến kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/ LEAN/SAP/ POC, an toàn lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.

**Hình thức đào tạo:** đào tạo nội bộ và thuê ngoài





Ngoài các nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm, trong năm 2020 Công ty đã đưa vào những chương trình đào tạo đặc biệt như sau:

| Tên Khóa Đào Tạo                                                                                                                                                                                                                        | Đơn Vị<br>Được<br>Đào Tạo | Thời<br>Gián<br>Đào<br>Tạo<br>(Giờ) | Số Lượng Tham Gia<br>(Người) |                        |              | Hình Thức |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------|--------------|-----------|---------------|
|                                                                                                                                                                                                                                         |                           |                                     | Quản<br>lý                   | Nhà<br>n<br>viên<br>VP | Công<br>nhân | Nội<br>bộ | Thuê<br>ngoài |
| Chính sách xã hội                                                                                                                                                                                                                       | Cb - Cnv                  | 0,25                                |                              | 178                    | 829          | X         |               |
| Huấn luyện PCCC                                                                                                                                                                                                                         | Cb - Cnv                  | 16                                  |                              |                        | 90           |           | X             |
| Huấn luyện Sơ cấp cứu                                                                                                                                                                                                                   | Cb - Cnv                  | 4                                   |                              |                        | 90           |           | X             |
| Đào tạo ATLĐ                                                                                                                                                                                                                            | Cb - Cnv                  | 16                                  |                              |                        | 1000         |           | X             |
| Đào tạo về An toàn hóa chất                                                                                                                                                                                                             | Cb - Cnv                  | 16                                  |                              |                        | 30           |           | X             |
| Đào tạo nâng cao tay nghề nhóm Bảo dưỡng                                                                                                                                                                                                | Bảo<br>Dưỡng              | 30                                  |                              |                        | 34           | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Cơ POY                                                                                                                                                                                                     | Cơ Poy                    | 154,56                              |                              |                        | 25           | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Điện                                                                                                                                                                                                       | Điện                      | 109,6                               |                              |                        | 44           | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ ĐM DTY                                                                                                                                                                                                     | Đm Dty                    | 29,04                               |                              |                        | 119          | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Lên giàn                                                                                                                                                                                                   | Lên Giàn                  | 36                                  |                              |                        | 6            | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ nối đuôi                                                                                                                                                                                                   | Nối Đuôi                  | 13,6                                |                              |                        | 24           | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ QC POY                                                                                                                                                                                                     | Qc Poy                    | 76,96                               |                              |                        | 42           | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Cấp liệu                                                                                                                                                                                                   | Cấp Liệu                  | 133,04                              |                              |                        | 46           | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Winder                                                                                                                                                                                                     | Winder                    | 120                                 |                              |                        | 55           | X         |               |
| Đào tạo nâng cao tay nghề Tổ Chuẩn bị                                                                                                                                                                                                   | Chuẩn Bị                  | 107,2                               |                              |                        | 40           | X         |               |
| Đào tạo quy trình sản xuất POY                                                                                                                                                                                                          | Kinh<br>Doanh             | 1,5                                 |                              | 31                     |              | X         |               |
| Đào tạo quy trình sản xuất DTY                                                                                                                                                                                                          | Kinh<br>Doanh             | 1,5                                 |                              | 31                     |              | X         |               |
| Hướng dẫn về tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ chế REX                                                                                                                                                                                 | Kinh<br>Doanh             | 8                                   |                              | 1                      |              |           | X             |
| Cập nhật, hướng dẫn tra cứu thuế xuất nhập khẩu; đọc hiểu quy tắc cụ thể mặt hàng và cách áp dụng hiệu quả các điều kiện ưu đãi thuế quan trong EVFTA có hiệu lực năm 2020 - Những lưu ý về C/O và các hình thức tự chứng nhận xuất xứ" | Kinh<br>Doanh             | 8                                   |                              | 1                      |              |           | X             |
| Khóa học chuyên sâu: "Quy tắc xuất xứ hàng hóa và thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA)"                                                                      | Kinh<br>Doanh             | 8                                   |                              | 1                      |              |           | X             |
| Khóa học: "Hướng dẫn tra cứu áp dụng hiệu quả các ưu đãi về Thuế xuất nhập khẩu - Quy tắc xuất xứ theo Thông tư 11/2020/TT-BCT, Nghị định số 111/2020/NĐ-CP về biểu thuế xuất nhập khẩu trong hiệp định EVFTA"                          | Xuất<br>Nhập<br>Khẩu      | 8                                   |                              | 1                      |              |           | X             |

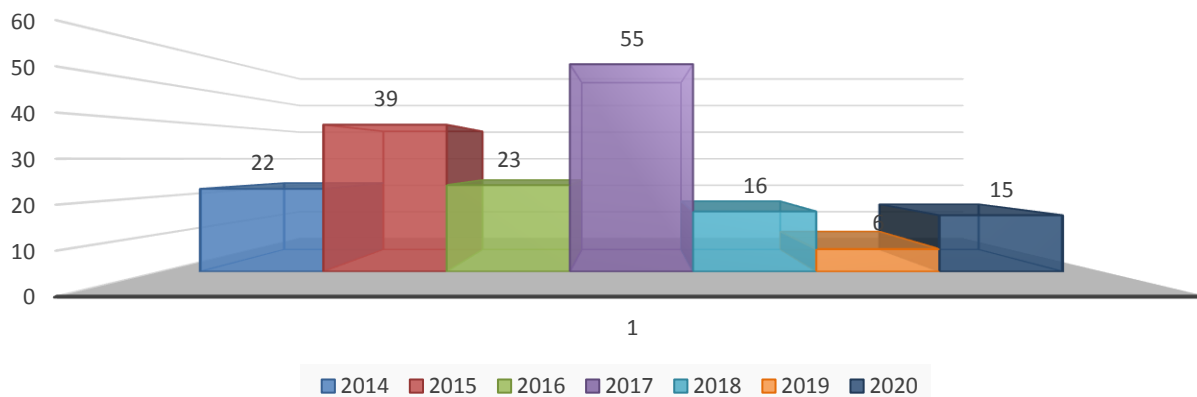
### V.11.3 TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP (GRI 404-3)

#### Về chính sách đề bạt:

- Công ty chú trọng khuyến khích và duy trì một chính sách đề bạt, bổ nhiệm CBCNV của Công ty một cách minh bạch và nghiêm túc.
- Nhân viên có đủ năng lực và có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn thì phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên, nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn.
- Trong năm 2020 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là **15** người với 13 nam và 2 nữ.

**Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp: 100% (nam: 100%, nữ: 100%)**

#### Số lượng nhân viên được đề bạt qua các năm (người)



### V.12 AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (GRI 403)

#### V.12.1 ĐẢM BẢO AN TOÀN SỨC KHỎE VÀ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

Trong 2020, nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động làm việc trong Công ty và ngăn ngừa lây nhiễm dịch bệnh Covid -19 trong cộng đồng, Công ty đã áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt tại nhà máy để đảm bảo an toàn cho toàn thể CBCNV:

- Yêu cầu 100% người lao động luôn đeo khẩu trang và sử dụng nước rửa tay sát khuẩn;
- Kiểm tra thân nhiệt 3 lần ngày cho toàn thể CBCNV khi vào công ty làm việc;
- Khai báo y tế và dùng ứng dụng Blue zone để kịp thời phát hiện nguy cơ truyền nhiễm;
- Giảm cách không gian và ngăn chỗ ngồi tại nhà ăn canteen Công ty;
- Luôn phiên thời gian nghỉ trưa và ăn cơm cho toàn thể CBCNV, hạn chế tụ tập;
- Nghỉ luôn phiên để giảm nguy cơ tiếp xúc và truyền nhiễm;
- Làm vách ngăn chỗ ngồi tại khu vực làm việc;
- Phung khử trùng và sát khuẩn thường xuyên tại Công ty;
- Thực hiện họp online để giảm nguy cơ tụ tập;

### V.12.2 ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC LIÊN ỦY BAN AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP CHÍNH THỨC GIỮA BAN LÃNH ĐẠO VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG (GRI 403-1)

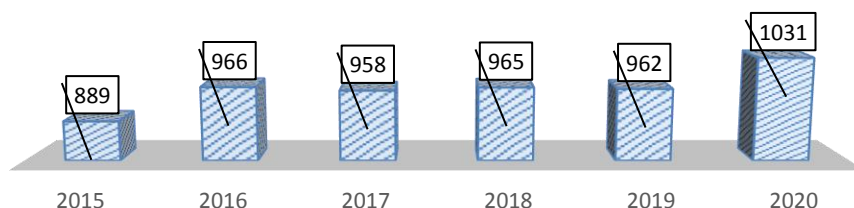
- Ban an toàn - vệ sinh - lao động của Công ty bao gồm cán bộ chuyên trách an toàn - vệ sinh - lao động và mạng lưới vệ sinh viên.
- Ban an toàn - vệ sinh - lao động có nhiệm vụ đảm bảo các công tác an toàn - vệ sinh - lao động tại Công ty tuân thủ theo các quy định và chính sách an toàn lao động.
- Định kỳ ban an toàn - vệ sinh - lao động sẽ tổ chức các khóa tập huấn và tuyên truyền về an toàn tại nơi làm việc, diễn tập phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lập báo cáo công tác an toàn - lao động tại Công ty và gửi về Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội TPHCM và Tây Ninh, nhằm báo cáo các hoạt động an toàn lao động và số trường hợp bị tai nạn lao động tại Công ty.

+ **Mạng lưới an toàn vệ sinh viên:** 37 người (nam: 33 người, nữ: 4 người)

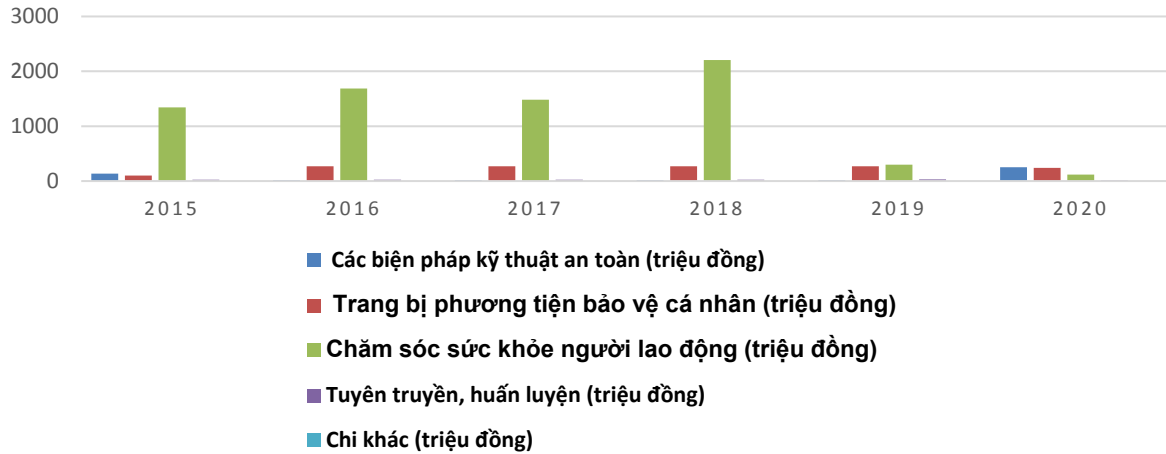
+ Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động: **100%**

### V.12.3 LOẠI THƯƠNG TÍCH VÀ TỶ LỆ THƯƠNG TÍCH, BỆNH NGHỀ NGHIỆP, NGÀY CÔNG BỊ MẤT, TÌNH TRẠNG VẮNG MẶT VÀ SỐ VỤ TỬ VONG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG VIỆC (GRI 403-2)

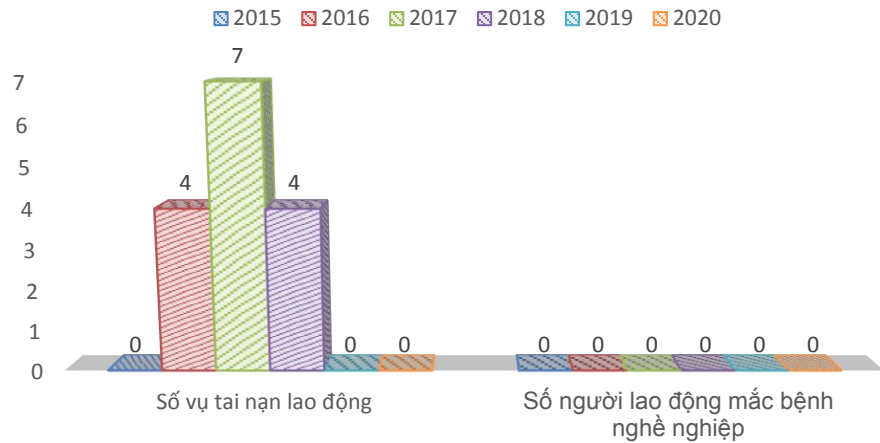
**TỔNG SỐ CB-CNV ĐƯỢC HUẤN LUYỆN VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**



## TỔNG CHI PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH AN TOÀN-VỆ SINH LAO ĐỘNG (TRIỆU ĐỒNG)

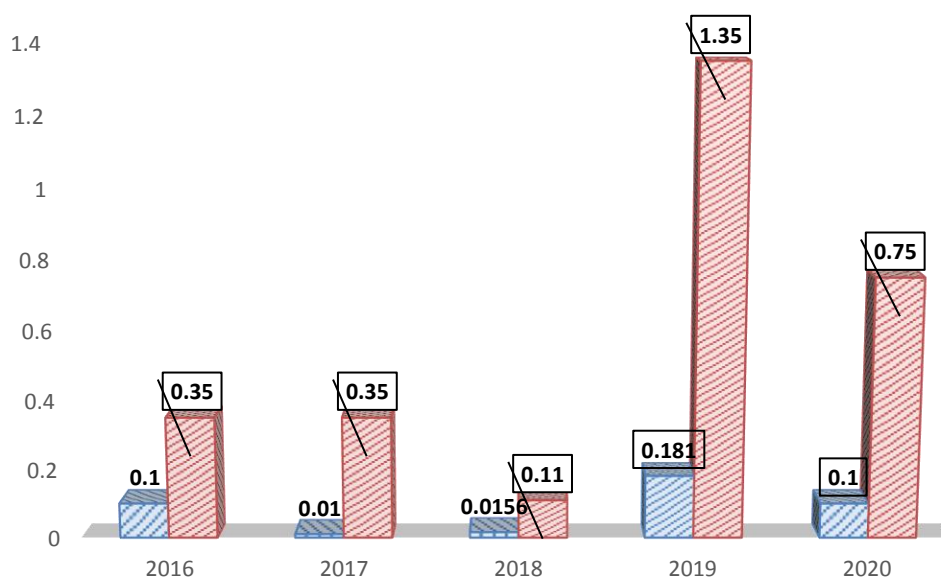


## SỐ VỤ TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP (VỤ)

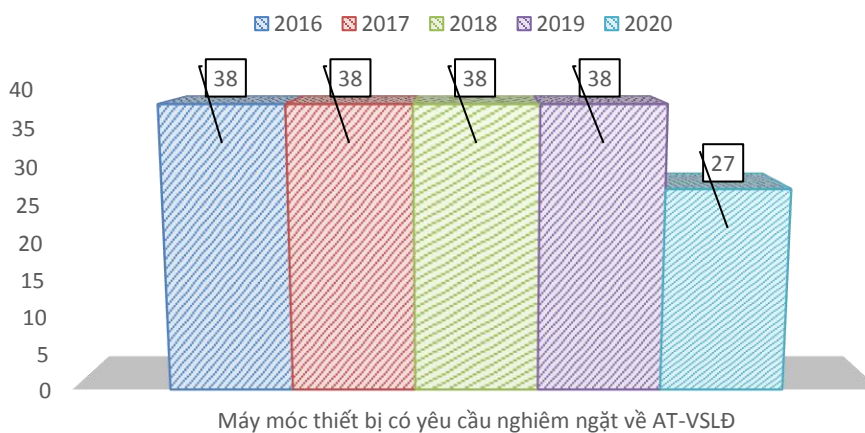


## THỜI GIAN LÀM VIỆC TRUNG BÌNH

■ Số giờ làm thêm bình quân/ngày/người - ■ Số ngày làm thêm bình quân/6 tháng -



## MÁY MÓC THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AT-VSLĐ



Trong đó,

| Số vụ tại nạn lao động 2020 |     | Loại thương tích, tỷ lệ thương tích | Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp | Tỷ lệ ngày công bị mất | Tỷ lệ vắng mặt | Tử vong liên quan đến công việc |
|-----------------------------|-----|-------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------|---------------------------------|
| 0 vụ                        | Nam | Không có                            | 0%                     | 0%                     | 0%             | 0                               |
|                             | Nữ  | Không có                            | 0%                     | 0%                     | 0%             | 0                               |

(Dựa theo báo cáo công tác an toàn-vệ sinh lao động của doanh nghiệp năm 2020 gửi Sở lao động- Thương binh và Xã hội TP.HCM và Tây Ninh-ngày 08-01-2021)



#### V.12.4 ĐO KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG:

- STK chủ động thực hiện các biện pháp đo kiểm để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Năm 2020, Công ty phối hợp với Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm kiểm tra và xác định các yếu tố môi trường có thể tác động đến sức khỏe của người lao động cũng như đề xuất các biện pháp làm giảm tác động của các nguy cơ đó đến môi trường làm việc của người lao động.

**Phương pháp đo kiểm môi trường:** Thực hiện đo đạt các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường – nhà xuất bản Y học năm 2002.

**Tiêu chuẩn áp dụng:**

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009- vi khí hậu nơi làm việc
- Tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT

**Kết quả đo kiểm môi trường lao động Công ty 2020 ghi nhận:**

**(Xem thêm kết quả đo kiểm môi trường lao động – nồng độ bụi-vi khí hậu- ánh sáng- tiếng ồn- hơi khí độc bụi tại phụ lục 3)**

#### V.12.5 CÁC CHỦ ĐỀ VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG THỎA THUẬN CHÍNH THỨC VỚI CÔNG ĐOÀN (GRI 403-4)

- Trong thỏa ước lao động tập thể, Công ty có 11% các đề mục đề cập đến sức khỏe và an toàn lao động trên tổng số các đề mục được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

#### V.13 AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE KHÁCH HÀNG (GRI 416)

##### V.13.1 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC LOẠI SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-1)

- STK cam kết mang lại những sản phẩm chất lượng cao được thể hiện qua quy trình hoạt động chặt chẽ từ khâu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, quản lý quá trình sản xuất, cho đến quá trình tái kiểm tra sản phẩm để đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đúng theo yêu cầu đơn đặt hàng.
- **CÔNG VIỆC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM ĐƯỢC THỰC HIỆN Ở CÁC BỘ PHẬN SAU:**
  - ✓ **Bộ phận thu mua:** nghiệm thu tất cả NVL đầu vào để nhận dạng và loại trừ các NVL dị thường trước khi sản xuất, đánh giá chất lượng NVL trong quá trình sản xuất để kiến nghị nhà cung cấp xử lý các khuyết điểm nhỏ nhằm mang lại sự ổn định cho NVL cũng như là chất lượng sản phẩm, Bên cạnh đó, bộ phận thu mua còn phải đảm bảo NVL được mua phải tuân thủ theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS).
  - ✓ **Đối với nhà máy, Cơ điện, Bảo trì:** thực hiện kiểm soát chất lượng công việc và sản phẩm trong quá trình sản xuất để nhận dạng lỗi nhằm loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng.
  - ✓ **Bộ phận kiểm soát chất lượng (QC- Quality Control)** gồm hơn 200 nhân viên thực hiện kiểm tra chất lượng 100% cho bán thành phẩm POY và các sản phẩm cuối cùng như DTY và FDY. Ngoài ra bộ phận này còn chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số kỹ thuật của máy móc.
- **THÔNG QUA CÁC HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG KHÁC:**

- ✓ **Reach 168:** tuân thủ các quy định về việc không sử dụng các chất độc hại theo quy định REACH do Cục Hóa Chất Châu Âu ban hành nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trước các rủi ro gây ra bởi hóa chất.
- ✓ **GRS:** chứng chỉ The Global Recycle Standard (GRS là một tiêu chuẩn sản phẩm cho việc triển khai và xác minh thành phần của nguyên vật liệu tái chế trong sản phẩm cuối cùng, đồng thời vẫn đảm bảo những điều kiện nghiêm ngặt trong quá trình sản xuất.
- ✓ **OEKO-TEX 100:** chứng chỉ OEKO-TEX 100 cho hai sản phẩm sợi của Công ty là sợi DTY và sợi FDY. Đây là một hệ thống tiêu chuẩn độc lập - do hiệp hội quốc tế về nghiên cứu và kiểm nghiệm trong lĩnh vực dệt may (International Association for Research and Testing in the Field of Textile Ecology (Oeko-Tex) trụ sở chính tại Zurich (Thụy Sĩ) xây dựng, kết quả kiểm nghiệm cho thấy sản phẩm sợi của STK không chứa hóa chất độc hại, thân thiện với môi trường và đảm bảo sức khỏe con người theo Tiêu chuẩn OEKO-TEX 100.



Tỷ lệ phần trăm các loại sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng đã được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn để cải thiện: **100% các sản phẩm đều được đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn.**

#### **V.13.2 CÁC VỤ VIỆC KHÔNG TUÂN THỦ LIÊN QUAN ĐẾN TÁC ĐỘNG SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ (GRI 416-2)**

Trong năm 2020, các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ:

1. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến phạt tiền hoặc xử phạt: **không có;**
2. Các vụ việc không tuân thủ quy định dẫn đến bị cảnh cáo: **không có;**
3. Các vụ việc không tuân thủ bộ luật tự nguyện: **không có;**

#### **V.14 CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (GRI 413)**

##### **V.14.1 NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN (GRI 413-1)**

1. **Các đánh giá tác động xã hội, bao gồm đánh giá tác động về giới tính, dựa trên quy trình có sự tham gia của cộng đồng:**
  - Người lao động địa phương được tham gia đối thoại định kỳ hàng quý tại Công ty.
2. **Các đánh giá tác động môi trường và theo dõi liên tục:**
  - Định kỳ Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp tiến hành kiểm tra và đánh giá tác động môi trường của Công ty.
  - Công ty chủ động thực hiện báo cáo quan trắc môi trường để đảm bảo các hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình không gây tác động đến môi trường và cộng đồng địa phương.
3. **Công bố thông tin công khai về các kết quả đánh giá tác động môi trường và xã hội:**
  - Các báo cáo và thông tin tác động về môi trường và xã hội đều được công bố minh bạch thông qua website Công ty ở mục phát triển bền vững.



- Các thông tin và đánh giá tác động về môi trường còn được trình bày trong báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, được công bố đến các bên liên quan.
4. **Các quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại chính thức cho cộng đồng địa phương:**
- Tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan trong đó có cộng đồng địa phương thông qua email và số điện thoại Công ty được công khai trên website Công ty.
5. **Năm 2020, Công ty thực hiện xây dựng quỹ học bổng cho học sinh, sinh viên** đang theo học tại các cơ sở giáo dục tại địa phương chung tay cùng nhà nước xây dựng và nâng cao trình độ, xóa mù chữ và chất lượng giáo dục tại địa phương với kinh phí hơn 18 triệu đồng và hơn 18 suất học bổng tại các trường Trung Cấp Nghề Củ Chi, Cao Đẳng Nghề Tây Ninh.



#### 6. **Tuân thủ và ủng hộ chủ trương của nhà nước**

- Công ty cam kết và nghiêm túc thực hiện các chính sách và quy định của pháp luật ban hành, luôn tôn trọng và tuân thủ chủ trương của nhà nước đề ra.
- Đồng thời, TGD là người đại diện cao nhất của Công ty cam kết luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách xã hội, pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn khác trong doanh nghiệp, cụ thể:
  - Cam kết thực hiện chính sách lao động tự nguyện, không đặt cọc, thế chân;
  - Cam kết thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em;
  - Cam kết thực hiện chính sách tự do thành lập hiệp hội và Thương lượng tập thể;
  - Cam kết thực hiện chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối tình dục và lạm dụng;
  - Cam kết chính sách về sức khỏe và an toàn lao động;
  - Cam kết thực hiện chính sách về lương-thưởng theo đúng quy định của luật pháp;
  - Cam kết về chính sách về giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi;

#### V.14.2 **CHỐNG THAM NHŨNG - HỐI LỘ**

- Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đề cao các hoạt động chống tham nhũng và đảm bảo công bằng trong môi trường làm việc.
- Trong toàn bộ hệ thống hoạt động của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc đạo đức cơ bản nhằm tạo ra sự liêm chính trong các hoạt động.

- Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc và sẽ không có bất kỳ sự khoan nhượng nào đối với bất kỳ hành vi hối lộ, mua chuộc hay những khoản lợi ích không chính đáng khác nếu nó đi ngược với các quy định pháp luật, và quy định của Công ty hay các quy tắc đạo đức tại những quốc gia mà chúng tôi hoạt động.

#### V.14.3 NHỮNG HOẠT ĐỘNG CÓ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC THỰC TẾ ĐÁNG KỂ TỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG;

- Công ty cam kết không có các tác động tiêu cực tiềm ẩn và tác động tiêu cực thực tế đáng kể tới cộng đồng địa phương và địa bàn nơi Công ty đang hoạt động.

#### V.15 VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THỐNG TẠI STK

##### Đánh giá kết quả 2020:

- Duy trì và phát triển chương trình tôn chỉ và thuyết trình sách hàng tuần;
- Phát triển hoạt động gắn kết hệ giá trị của Công ty vào thuyết trình sách;
- Công ty xây dựng chương trình thuyết trình Tôn chỉ với 2 nội dung là “**Tâm nhìn- Sứ mệnh**” của các phòng ban và “**Thuyết trình theo chủ đề**” vào mỗi sáng thứ hai hàng tuần.
- Các phòng ban sẽ thay phiên thuyết trình về các hoạt động đã thực hiện của mình, qua đó các phòng ban có thể chia sẻ những khó khăn, điểm chưa tốt mà mình đang gặp phải cũng như những mong muốn phối hợp đối với các phòng ban khác, nhằm hướng tới việc thực hiện và hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.



## V.16 QUY CHUẨN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

### Mục tiêu 2020:

- Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn đang làm việc tại Công ty;
- Giúp đỡ và hỗ trợ các đồng nghiệp;

### Kết quả 2020:

- Tặng quà cho nhân viên có hoàn cảnh khó khăn: 60 phần quà;

- Trong năm 2020, Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp với tổ chức Công đoàn Công ty thực hiện các chương trình thiết thực quan tâm đến đời sống nhân viên như: chương trình trao tặng quà cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp lễ/tết với kinh phí hơn 56 triệu đồng cùng 260 phần quà.

## V.17 CÁC DỰ ÁN XANH TẠI CÔNG TY

### Mục tiêu 2020:

- Xây dựng các dự án xanh nhằm hướng tới phát triển bền vững;

### Kết quả 2020:

- Công ty có đầu tư thêm 1 dự án xanh từ việc áp dụng năng tái tạo trong hoạt động Công ty:
  - + Dự án năng lượng mặt trời- Solar project;

Để hướng tới thị trường vốn xanh phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty, STK đã mạnh mẽ đầu tư và thực hiện các dự án xanh nhằm mục đích xây dựng và phát triển Công ty theo hướng tăng trưởng xanh, góp phần nâng cao giá trị phát triển kinh tế và bảo vệ và giảm tác động tới môi trường, Cụ thể:

### DỰ ÁN SỢI TÁI CHẾ

STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn) từ năm 2016. Trong năm 2020, tỷ trọng sợi recycol trên doanh thu đạt 44,7%, vượt 9,7% so với 2019 (35%). Thông qua việc sản xuất sợi tái chế Công ty đã tái sử dụng 2,06 tỷ chai nhựa, góp phần bảo vệ đại dương khỏi rác thải chai nhựa vốn đang là một trong những vấn đề môi trường đang được báo động khẩn cấp trên toàn cầu.

### DỰ ÁN SỢI MÀU

Công ty tiếp tục phát triển thêm sợi dope dye với màu xám, đen và blue navy, phát triển mẫu chào cho khách hàng thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm sợi màu (dope dyed) sẽ đáp ứng được nhu cầu sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường của thị trường. Đây cũng là một xu hướng mà ngành thời trang trên thế giới (đặc biệt là các thương hiệu hàng đầu như Nike, Adidas, Puma, H&M, Inditex) đang hướng tới nhằm hạn chế phát thải hóa chất độc hại ra môi trường.



### DỰ ÁN TÁI CHẾ SỢI PHẾ

Công ty tiếp tục duy trì dây chuyền sản xuất 1.500 tấn hạt nhựa tái sinh/năm, góp phần gia tăng lợi nhuận và cải thiện đáng kể hiệu quả tiết kiệm trong sản xuất thông qua việc tái sinh sợi phế trong sản xuất thành nguyên vật liệu đầu vào, từ đó nâng cao lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất của Công ty và giảm phát thải ra môi trường.

### DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Trong Q4-2020, Công ty đã hợp tác với một đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống điện mặt trời áp mái cho cả 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng. Dự kiến, sau khi hoàn thành việc lắp đặt vào cuối Q1.2021, hệ thống điện mặt trời áp mái sẽ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu điện của Công ty và góp phần tiết kiệm chi phí điện khoảng 10%, giảm carbon footprint khoảng 10%.

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

|                  |                                   |
|------------------|-----------------------------------|
| <b>BHXH:</b>     | <b>BẢO HIỂM XÃ HỘI</b>            |
| <b>BHYT:</b>     | <b>BẢO HIỂM Y TẾ</b>              |
| <b>BKS:</b>      | <b>BAN KIỂM SOÁT</b>              |
| <b>BTNMT:</b>    | <b>BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>   |
| <b>CBCNV:</b>    | <b>CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN</b>      |
| <b>CC:</b>       | <b>CỦ CHI</b>                     |
| <b>TB:</b>       | <b>TRẢNG BÀNG</b>                 |
| <b>CTCP:</b>     | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN</b>            |
| <b>AT-VS-LĐ:</b> | <b>AN TOÀN, VỆ SINH, LAO ĐỘNG</b> |
| <b>DTY:</b>      | <b>SỢI XƠ DÀI</b>                 |
| <b>FDY:</b>      | <b>SỢI KÉO DUỖI HOÀN TOÀN,</b>    |
| <b>FTA:</b>      | <b>HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO</b> |
| <b>GTGT:</b>     | <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>           |
| <b>HĐQT:</b>     | <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>          |
| <b>INVERTER:</b> | <b>MÁY BIẾN ÁP</b>                |
| <b>KCN:</b>      | <b>KHU CÔNG NGHIỆP</b>            |
| <b>LEAN:</b>     | <b>SẢN XUẤT TINH GỌN</b>          |
| <b>POY:</b>      | <b>SỢI NGUYÊN LIỆU</b>            |
| <b>QCVN:</b>     | <b>QUY CHUẨN VIỆT NAM</b>         |
| <b>QĐ-BYT:</b>   | <b>QUY ĐỊNH BỘ Y TẾ</b>           |

|                          |                                         |
|--------------------------|-----------------------------------------|
| <b>SPINNING:</b>         | <b>MÁY KÉO SỢI</b>                      |
| <b>SSR:</b>              | <b>ĐIỆN TRỞ</b>                         |
| <b>STK, CENTURY:</b>     | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THẾ KỶ</b>       |
| <b>SXKD:</b>             | <b>SẢN XUẤT KINH DOANH</b>              |
| <b>TB:</b>               | <b>TRẢNG BÀNG</b>                       |
| <b>TCVN:</b>             | <b>TIÊU CHUẨN VIỆT NAM</b>              |
| <b>TCVS:</b>             | <b>TIÊU CHUẨN VỆ SINH</b>               |
| <b>TCVSLĐ:</b>           | <b>TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG</b>      |
| <b>TGD:</b>              | <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>                    |
| <b>BOD:</b>              | <b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>     |
| <b>BOS:</b>              | <b>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b>         |
| <b>TNCN:</b>             | <b>THU NHẬP CÁ NHÂN</b>                 |
| <b>TNDN:</b>             | <b>THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>            |
| <b>TNNH:</b>             | <b>TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN</b>              |
| <b>DOPE DYE:</b>         | <b>SỢI MÀU</b>                          |
| <b>CARBON FOOTPRINT:</b> | <b>PHÁT THẢI KHÍ CO2</b>                |
| <b>WINDER:</b>           | <b>MÁY CUỐN SỢI</b>                     |
| <b>SGDCK:</b>            | <b>SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN</b>         |
| <b>HOSE:</b>             | <b>SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM</b> |
| <b>QC:</b>               | <b>QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG</b>               |
| <b>SOP:</b>              | <b>QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG CHUẨN</b>        |
| <b>PDCA:</b>             | <b>CHU TRÌNH CẢI TIẾN</b>               |
| <b>ESOP:</b>             | <b>LIÊN TỤC CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI</b>         |
|                          |                                         |

## VI. BẢNG THAM CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN GRI (GRI 102-55)

| TIÊU CHUẨN                                              | THÔNG TIN CÔNG BỐ                                                                         | TRANG                           |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>GRI</b>                                              |                                                                                           |                                 |
| <b>GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG</b> |                                                                                           |                                 |
| <b>HỒ SƠ TỔ CHỨC</b>                                    |                                                                                           |                                 |
| 102-1                                                   | Tên Tổ chức                                                                               |                                 |
| 102-2                                                   | Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ                                           |                                 |
| 102-3                                                   | Địa điểm của trụ sở chính                                                                 |                                 |
| 102-4                                                   | Các địa điểm hoạt động                                                                    |                                 |
| 102-5                                                   | Quyền sở hữu và hình thức pháp lý                                                         |                                 |
| 102-6                                                   | Các thị trường phục vụ                                                                    |                                 |
| 102-7                                                   | Quy mô của tổ chức                                                                        |                                 |
| 102-8                                                   | Thông tin về nhân viên và người lao động khác                                             |                                 |
| 102-9                                                   | Chuỗi cung ứng                                                                            |                                 |
| 102-10                                                  | Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức                      |                                 |
| 102-11                                                  | Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa                                                    |                                 |
| 102-12                                                  | Các sáng kiến bên ngoài                                                                   |                                 |
| 102-13                                                  | Quyền hội viên trong các hiệp hội                                                         |                                 |
| <b>CHIẾN LƯỢC</b>                                       |                                                                                           |                                 |
| 102-14                                                  | Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao                                                  | <b>Thông điệp Chủ tịch HĐQT</b> |
| 102-15                                                  | Các tác động, rủi ro và cơ hội chính                                                      |                                 |
| <b>ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC</b>                       |                                                                                           |                                 |
| 102-16                                                  | Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi                              |                                 |
| 102-17                                                  | Cơ chế tư vấn và báo cáo các mối quan ngại về đạo đức                                     |                                 |
| <b>QUẢN TRỊ</b>                                         |                                                                                           |                                 |
| 102-18                                                  | Cơ cấu quản trị                                                                           |                                 |
| 102-19                                                  | Phân cấp thẩm quyền                                                                       |                                 |
| 102-20                                                  | Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội            |                                 |
| 102-21                                                  | Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội                    |                                 |
| 102-22                                                  | Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban                                         |                                 |
| 102-23                                                  | Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất                                                         |                                 |
| 102-24                                                  | Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất                                                 |                                 |
| 102-25                                                  | Xung đột lợi ích                                                                          |                                 |
| 102-26                                                  | Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược |                                 |
| 102-27                                                  | Kiến thức tổng hợp của cấp quản lý cao nhất                                               |                                 |
| 102-28                                                  | Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất                                      |                                 |
| 102-29                                                  | Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội                           |                                 |
| 102-30                                                  | Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro                                                     |                                 |
| 102-31                                                  | Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội                                          |                                 |
| 102-32                                                  | Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững                    |                                 |
| 102-33                                                  | Truyền đạt các mối quan ngại cấp bách                                                     |                                 |
| 102-34                                                  | Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách                                            |                                 |
| 102-35                                                  | Chính sách về thù lao                                                                     |                                 |
| 102-36                                                  | Quy trình xác định mức thù lao                                                            |                                 |



|                                                              |                                                                                            |  |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 102-37                                                       | Sự tham gia của bên liên quan vào việc xác định thù lao                                    |  |
| 102-38                                                       | Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm                                                                |  |
| 102-39                                                       | Tỷ lệ của phần trăm gia tăng trong tổng thù lao hàng năm                                   |  |
| <b>SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN</b>                     |                                                                                            |  |
| 102-40                                                       | Danh sách các nhóm liên quan                                                               |  |
| 102-41                                                       | Các thỏa ước thương lượng tập thể                                                          |  |
| 102-42                                                       | Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan                                                    |  |
| 102-43                                                       | Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan                                     |  |
| 102-44                                                       | Các mối quan ngại và chủ đề chính                                                          |  |
| <b>THÔNG LỆ BÁO CÁO</b>                                      |                                                                                            |  |
| 102-45                                                       | Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất                                   |  |
| 102-46                                                       | Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề                                                |  |
| 102-47                                                       | Danh mục các chủ đề trọng yếu                                                              |  |
| 102-48                                                       | Trình bày lại thông tin                                                                    |  |
| 102-49                                                       | Các thay đổi trong báo cáo                                                                 |  |
| 102-50                                                       | Kỳ báo cáo                                                                                 |  |
| 102-51                                                       | Ngày của báo cáo gần nhất                                                                  |  |
| 102-52                                                       | Chu kỳ báo cáo                                                                             |  |
| 102-53                                                       | Đầu mối liên hệ giải đáp thắc mắc về báo cáo                                               |  |
| 102-54                                                       | Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI                                              |  |
| 102-55                                                       | Mục lục GRI                                                                                |  |
| 102-56                                                       | Bảo đảm độc lập của bên thứ ba                                                             |  |
| <b>GRI 103: PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ</b>                         |                                                                                            |  |
| 103-1                                                        | Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề                                           |  |
| <b>GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ</b>    |                                                                                            |  |
| <b>GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>                   |                                                                                            |  |
| 201-1                                                        | Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ                                           |  |
| 201-2                                                        | Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu   |  |
| 201-3                                                        | Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác                   |  |
| <b>GRI 202: SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG</b>                 |                                                                                            |  |
| 202-1                                                        | Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng           |  |
| <b>GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP</b>                   |                                                                                            |  |
| 203-1                                                        | Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ                                            |  |
| 203-2                                                        | Tác động kinh tế gián tiếp đáng kể                                                         |  |
| <b>GRI 204: THÔNG LỆ MUA SẴM</b>                             |                                                                                            |  |
| 204-1                                                        | Tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp địa phương                                             |  |
| <b>GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG</b>                             |                                                                                            |  |
| 205-1                                                        | Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng                             |  |
| 205-2                                                        | Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng                    |  |
| 205-3                                                        | Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và hành động đã thực hiện                               |  |
| <b>GRI 206: HÀNH VI CHỐNG CẠNH TRANH</b>                     |                                                                                            |  |
| 206-1                                                        | Hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, thực hành độc quyền và chống độc quyền |  |
| <b>GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG</b> |                                                                                            |  |
| <b>GRI 301: VẬT LIỆU</b>                                     |                                                                                            |  |
| 301-1                                                        | Vật liệu đã được sử dụng theo trọng lượng hoặc khối lượng                                  |  |
| 301-2                                                        | Vật liệu tái chế được sử dụng                                                              |  |
| 301-3                                                        | Sản phẩm được tái chế và vật liệu đóng gói sản phẩm                                        |  |

|                                                          |                                                                                                                                                                |                                     |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>GRI 302: NĂNG LƯỢNG</b>                               |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>302-1</b>                                             | Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức                                                                                                                              |                                     |
| <b>302-3</b>                                             | Cường độ sử dụng năng lượng                                                                                                                                    |                                     |
| <b>302-4</b>                                             | Giảm tiêu hao năng lượng                                                                                                                                       |                                     |
| <b>302-5</b>                                             | Giảm nhu cầu năng lượng                                                                                                                                        |                                     |
| <b>GRI 303: NƯỚC</b>                                     |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>303-1</b>                                             | Lượng nước đầu vào theo nguồn                                                                                                                                  |                                     |
| <b>303-2</b>                                             | Những nguồn nước chịu ảnh hưởng đáng kể bởi lượng nước đầu vào                                                                                                 |                                     |
| <b>303-3</b>                                             | Tuần hoàn và tái sử dụng nước                                                                                                                                  |                                     |
| <b>GRI 304: ĐA DẠNG SINH HỌC</b>                         |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>304-1</b>                                             | Các cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản lý trong, hoặc gần các khu vực được bảo tồn và các khu vực đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo tồn |                                     |
| <b>304-2</b>                                             | Tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với đa dạng sinh học                                                                               |                                     |
| <b>304-3</b>                                             | Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi                                                                                                                 |                                     |
| <b>304-4</b>                                             | Các loài trong Sách Đỏ của IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực chịu ảnh hưởng bởi các hoạt động             |                                     |
| <b>GRI 305: PHÁT THẢI</b>                                |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>305-1</b>                                             | Phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1)                                                                                                             |                                     |
| <b>305-2</b>                                             | Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)                                                                                               |                                     |
| <b>305-3</b>                                             | Phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3)                                                                                                        |                                     |
| <b>305-4</b>                                             | Thâm dụng phát thải khí nhà kính (GHG)                                                                                                                         |                                     |
| <b>305-5</b>                                             | Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)                                                                                                                              |                                     |
| <b>305-6</b>                                             | Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS)                                                                                                                    | <b>Không áp dụng</b>                |
| <b>305-7</b>                                             | Nitrogen oxides (NOx) sulfur oxides (SOx), và các phát thải khí đáng kể khác                                                                                   |                                     |
| <b>GRI 306: NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI</b>                   |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>306-1</b>                                             | Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm                                                                                                               |                                     |
| <b>306-2</b>                                             | Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý                                                                                                            |                                     |
| <b>306-3</b>                                             | Sự cố tràn đáng kể                                                                                                                                             | <b>Không có trường hợp ghi nhận</b> |
| <b>306-4</b>                                             | Vận chuyển chất thải nguy hại                                                                                                                                  |                                     |
| <b>306-5</b>                                             | Các khu vực chứa nước bị ảnh hưởng bởi việc thải nước và/hoặc dòng nước thải                                                                                   | <b>Không có trường hợp ghi nhận</b> |
| <b>GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG</b>                   |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>307-1</b>                                             | Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường                                                                                                         |                                     |
| <b>GRI 308: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG</b>      |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>308-1</b>                                             | Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường                                                                       |                                     |
| <b>308-2</b>                                             | Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện                                                                            | <b>Không có trường hợp ghi nhận</b> |
| <b>GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI</b> |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>GRI 401: VIỆC LÀM</b>                                 |                                                                                                                                                                |                                     |
| <b>401-1</b>                                             | Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc                                                                                                                 |                                     |
| <b>401-2</b>                                             | Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian                                                            |                                     |
| <b>GRI 402: MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ</b>             |                                                                                                                                                                |                                     |



|                                                                                |                                                                                                                                         |                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 402-1                                                                          | Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động                                                                          | Công ty cam kết thời gian thông báo theo quy định của luật lao động |
| <b>GRI 403: AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP</b>                                |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 403-1                                                                          | Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động        |                                                                     |
| 403-2                                                                          | Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc |                                                                     |
| 403-3                                                                          | Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp                                                  | Không có                                                            |
| 403-4                                                                          | Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn                                                 |                                                                     |
| <b>GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>                                            |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 404-1                                                                          | Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho nhân viên                                                                                         |                                                                     |
| 404-2                                                                          | Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp                                                      |                                                                     |
| 404-3                                                                          | Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp                                            |                                                                     |
| <b>GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG</b>                                 |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 405-1                                                                          | Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên                                                                                                 |                                                                     |
| 405-2                                                                          | Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới                                                                                |                                                                     |
| <b>GRI 406: KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ</b>                                         |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 406-1                                                                          | Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện                                                                    | Không có trường hợp ghi nhận                                        |
| <b>GRI 407: TỰ DO LẬP HỘI/QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ</b> |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 407-1                                                                          | Các hoạt động và các nhà cung cấp mà ở đó quyền tự do lập hội/quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể có thể gặp rủi ro        | Không có trường hợp ghi nhận                                        |
| <b>GRI 408: LAO ĐỘNG TRẺ EM</b>                                                |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 408-1                                                                          | Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em                                                          | Công ty cam kết không sử dụng lao động <18 tuổi, 101                |
| <b>GRI 409: LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC</b>                               |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 409-1                                                                          | Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc                                         | Không có trường hợp ghi nhận                                        |
| <b>GRI 411: QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA</b>                                        |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 411-1                                                                          | Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa                                                                                    | Không có trường hợp ghi nhận                                        |
| <b>GRI 412: ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI</b>                                       |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 412-1                                                                          | Những hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động                                                              |                                                                     |
| 412-2                                                                          | Đào tạo nhân viên về các quy trình hoặc chính sách về quyền con người                                                                   |                                                                     |
| 412-3                                                                          | Những hợp đồng và thỏa thuận đầu tư quan trọng có bao gồm các điều khoản về quyền của con người                                         |                                                                     |
| <b>GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</b>                                           |                                                                                                                                         |                                                                     |
| 413-1                                                                          | Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển                               |                                                                     |
| 413-2                                                                          | Những hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây tác động tiêu cực đáng kể với cộng đồng và địa phương                              | Không có trường hợp ghi nhận                                        |

|                                                     |                                                                                                  |                                        |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>GRI 414: ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI</b> |                                                                                                  |                                        |
| <b>414-1</b>                                        | Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về xã hội             |                                        |
| <b>414-2</b>                                        | Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung cứng và các hành động đã thực hiện                 | <b>Không có trường hợp ghi nhận</b>    |
| <b>GRI 416: SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG</b>  |                                                                                                  |                                        |
| <b>416-1</b>                                        | Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm hoặc dịch vụ                      |                                        |
| <b>416-2</b>                                        | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động                                                | <b>Không có trường hợp ghi nhận-86</b> |
| <b>GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU</b>               |                                                                                                  |                                        |
| <b>GRI 417-1</b>                                    | Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ                                     |                                        |
| <b>GRI 417-2</b>                                    | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin và nhãn hiệu của sản phẩm và dịch vụ          | <b>Không có trường hợp ghi nhận</b>    |
| <b>GRI 417-3</b>                                    | Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến truyền thông tiếp thị                                   |                                        |
| <b>GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG</b>  |                                                                                                  |                                        |
| <b>GRI 418-1</b>                                    | Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng | <b>Không có trường hợp ghi nhận</b>    |
| <b>GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI</b>         |                                                                                                  |                                        |
| <b>GRI 419-1</b>                                    | Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội                        | <b>Không có trường hợp ghi nhận</b>    |